

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Nam Định, năm 2016

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Lê Thanh Tùng	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Ông Vũ Văn Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
3	Ông Ngô Huy Hoàng	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
4	Ông Cao Thanh Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
5	Ông Trương Tuấn Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
6	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	GD TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên TT	
7	Ông Đinh Quốc Thắng	TP TCCB	Ủy viên	
8	Ông Trần Việt Tiến	TP ĐTDH	Ủy viên	
9	Ông Trần Văn Long	TP ĐTSDH	Ủy viên	
10	Ông Nguyễn Hùng Minh	TP CTHS-SV	Ủy viên	
11	Ông Lê Huy Sang	Phó TP Quản trị	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
12	Bà Vũ Thị Thanh Hương	PTP TCKT	Ủy viên	
13	Ông Vũ Thế Hùng	TP VT&TTB	Ủy viên	
14	Ông Lê Xuân Hồng	TP HCTH	Ủy viên	
15	Bà Cù Thị Thu Hà	Trưởng Thư viện	Ủy viên	
16	Ông Hà Thanh Huyền	Tp Thanh tra	Ủy viên	
17	Ông Đỗ Minh Sinh	TP QLNCCKH	Ủy viên	
18	Bà Mai Thị Thanh Thu	PTP HTQT	Ủy viên	
19	Ông Nguyễn Anh Tiến	TP CNTT	Ủy viên	

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG	3
1. Mở đầu	3
2. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	3
3. Tổ chức và quản lý.....	4
4. Chương trình đào tạo	4
5. Hoạt động đào tạo	5
6. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.....	7
7. Người học.....	8
8. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	9
9. Hoạt động hợp tác quốc tế.....	10
10. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	11
11. Tài chính và quản lý tài chính	13
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	14
TIÊU CHUẨN 1	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	17
TIÊU CHUẨN 2	20
Tiêu chí 2.1	20
Tiêu chí 2.2	24
Tiêu chí 2.3	26
Tiêu chí 2.4	28
Tiêu chí 2.5	31
Tiêu chí 2.6	32
Tiêu chí 2.7	34
TIÊU CHUẨN 3	37
Tiêu chí 3.1	37
Tiêu chí 3.2	39
Tiêu chí 3.3	41
Tiêu chí 3.4	43
Tiêu chí 3.5	44
Tiêu chí 3.6	46
TIÊU CHUẨN 4	48
Tiêu chí 4.1	48
Tiêu chí 4.2	50
Tiêu chí 4.3	51
Tiêu chí 4.4	54
Tiêu chí 4.5	55
Tiêu chí 4.6	57
Tiêu chí 4.7	58
TIÊU CHUẨN 5	62
Tiêu chí 5.1	62
Tiêu chí 5.2	65
Tiêu chí 5.3	67
Tiêu chí 5.4	69

Tiêu chí 5.5	71
Tiêu chí 5.6	74
Tiêu chí 5.7	76
Tiêu chí 5.8	78
TIÊU CHUẨN 6	81
Tiêu chí 6.1	81
Tiêu chí 6.2	83
Tiêu chí 6.3	85
Tiêu chí 6.4	87
Tiêu chí 6.5	88
Tiêu chí 6.6	90
Tiêu chí 6.7	91
Tiêu chí 6.8	93
Tiêu chí 6.9	94
TIÊU CHUẨN 7	97
Tiêu chí 7.1	97
Tiêu chí 7.2	100
Tiêu chí 7.3	102
Tiêu chí 7.4	104
Tiêu chí 7.5	106
Tiêu chí 7.6	108
Tiêu chí 7.7	110
TIÊU CHUẨN 8	113
Tiêu chí 8.1	113
Tiêu chí 8.2	115
Tiêu chí 8.3	118
TIÊU CHUẨN 9	121
Tiêu chí 9.1	121
Tiêu chí 9.2	125
Tiêu chí 9.3	127
Tiêu chí 9.4	130
Tiêu chí 9.5	132
Tiêu chí 9.6	134
Tiêu chí 9.7	136
Tiêu chí 9.8	137
Tiêu chí 9.9	138
TIÊU CHUẨN 10	141
Tiêu chí 10.1	141
Tiêu chí 10.2	144
Tiêu chí 10.3	146
PHẦN IV. KẾT LUẬN	149
PHẦN V. PHỤ LỤC	154

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1	CBVC	Cán bộ viên chức
2	CB	Cán bộ
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CĐ	Cao đẳng
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CSVC	Cơ sở vật chất
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	ĐH	Đại học
9	ĐHĐDNĐ	Đại học Điều dưỡng Nam Định
10	ĐHLT	Đại học liên thông
11	GV	Giảng viên
12	HCTH	Hành chính tổng hợp
13	HSSV	Sinh viên
14	HTQT	Hợp tác quốc tế
15	KĐCL	Kiểm định chất lượng
16	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
17	KTX	Kí túc xá
18	KT-XH	Kinh tế - xã hội
19	NCKH	Nghiên cứu khoa học
20	SĐH	Sau đại học
21	SV	Sinh viên
22	TC	Tiêu chuẩn
23	TCKT	Tài chính kế toán
24	TDTT	Thể dục thể thao
25	TTKT&ĐBCLGD	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất nước bước vào thời kỳ hội nhập mở ra bước ngoặt với nhiều cơ hội phát triển; song áp lực cạnh tranh ngày càng cao, nhu cầu nhân lực ngày càng lớn. Đáp ứng nhiệm vụ quan trọng đó, trường ĐHQĐHN không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, lấy nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực Điều dưỡng chất lượng cao làm sứ mạng và mục tiêu phát triển.

Trường ĐHQĐHN luôn coi vấn đề chất lượng là một trong những mục tiêu quan trọng. Trường luôn nghiêm túc thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ và các quy định về kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT. Năm 2010, thực hiện công văn số 1899/BGDĐT-KT&KĐ ngày 08/03/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục tại các trường đại học trong năm 2008 - 2009, Trường đã tiến hành tự đánh giá và nộp Báo cáo tự đánh giá về Bộ GD&ĐT.

Thực hiện Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2012, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, năm 2015, Trường tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá. Ngày 04/11/2015, Hiệu trưởng Trường ĐHQĐHN đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường đại học để tiến hành tự đánh giá chất lượng của Trường trong giai đoạn 2010-2015.

Mục đích của việc tự đánh giá: giúp cho việc nâng cao chất lượng giáo dục của trường; xác nhận mức độ trường đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định; giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường; làm cơ sở cho người học lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Phạm vi tự đánh giá: bao gồm toàn bộ hoạt động của trường theo 10 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đã được ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng GD&ĐT.

Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 1807/QĐ - ĐDN, ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường ĐHQĐHN , với 19 thành viên.

Ban Thư ký Hội đồng gồm 12 thành viên và 5 Nhóm chuyên trách: được thành lập theo Quyết định số 1807/QĐ - ĐDN, ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường ĐHDDNĐ .

Phương pháp đánh giá: Căn cứ vào vào 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí được ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí được xem xét theo trình tự sau: 1. Mô tả. 2. Điểm mạnh. 3. Tồn tại. 4. Kế hoạch hành động.

Quy trình tự đánh giá:

- + Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- + Bước 2: Thành lập Hội đồng Tự đánh giá, ban Thư ký, các Nhóm chuyên trách.
- + Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá.
- + Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng.
- + Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được.
- + Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng: Phương pháp mã hóa minh chứng được quy định theo Công văn số 462/KTKĐCLGD - KĐDH ngày 09/5/2013. Mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 8 ký tự; bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 4 chữ số, theo công thức: Hn.a.b.c. Trong đó:

- + H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được đặt ở trong 1 hộp hoặc một số hộp);
- + n: số thứ tự của hộp minh chứng;
- + a: số thứ tự của tiêu chuẩn;
- + b: số thứ tự của tiêu chí;
- + c: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

1. Mở đầu

Kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học là việc làm hết sức quan trọng, quyết định đến sứ mạng của trường nên trường ĐHDDNĐ đã thực hiện việc tự đánh giá chất lượng giáo dục trường từ nhiều năm qua. Năm 2010, trường đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục lần thứ nhất và đã gửi đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục. Năm 2015, trường tiếp tục chu trình thực hiện báo cáo tự đánh giá lần thứ hai. Trong thời gian đó, trường đã không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong mọi mặt hoạt động. Tuy nhiên, do còn một số khó khăn như: diện tích mặt bằng của trường còn khiêm tốn; nguồn thu của trường còn hạn hẹp nên sự phân bổ tài chính cho các mặt hoạt động của trường còn gặp nhiều khó khăn; việc xã hội hóa giáo dục trong trường chưa thực sự phát triển, chưa huy động được toàn bộ các nguồn lực của xã hội giúp cho sự phát triển của trường ... Trước những thách thức của thời đại, nhiều trường đại học bắt đầu đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, tạo cho trường ngày càng nhiều cạnh tranh và áp lực, đòi hỏi trường càng phải quyết tâm nâng cao chất lượng giáo dục. Việc thẳng thắn tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường sẽ giúp trường nhận ra được các mặt tồn tại để từng bước khắc phục, đồng thời cũng chỉ ra điểm mạnh để tiếp tục phát huy.

2. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Với lịch sử phát triển 55 năm và hơn 10 năm từ ngày nâng cấp lên thành trường đại học, Trường ĐHDDNĐ là trường Đại học Điều dưỡng đầu tiên, duy nhất và lớn nhất của cả nước. Sau khi được nâng cấp thành trường đại học, sứ mạng của Trường được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mang tính đặc thù. Nhà trường đã được mở một số chuyên ngành mới và đang hướng đến xây dựng một trường đào tạo đa ngành. Sứ mạng đó phù hợp với định hướng phát triển chung của Nhà trường và gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước. Việc sử dụng website, ứng dụng công nghệ thông tin là thế mạnh giúp cho Nhà trường trong quản lý, lãnh đạo và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục tới cán bộ, giảng viên và người học.

Sứ mạng của Trường được tuyên bố năm 2009 nhưng chưa được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Vì vậy, vẫn còn nhiều tổ chức, cá nhân chưa hiểu rõ về sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Trường cần phải tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về sứ mạng của Nhà trường đến toàn thể cán bộ, giảng viên và người học; đồng thời giới thiệu và quảng bá sứ mạng tới toàn xã hội bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Tổ chức và quản lý

Ngày 07/3/2014, Bộ trưởng Bộ Y tế đã có quyết định 779/QĐ-BYT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQĐNĐ, cho phép Trường có cơ cấu tổ chức 3 cấp: Ban Giám hiệu - Khoa, Phòng, Trung tâm - Bộ môn trực thuộc khoa. Cơ cấu mới đã phù hợp với mục tiêu sứ mệnh của Nhà trường cũng như chức năng nhiệm vụ mới của Nhà trường và phù hợp với chiến lược phát triển của ngành Y tế, kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Tổ chức, bộ máy mới được thành lập với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được phân định rõ ràng, phát huy tính chủ động và chuyên nghiệp của từng đơn vị, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Qua mỗi lần thanh - kiểm tra, Nhà trường đều được cấp trên đánh giá tốt. Nhờ cơ cấu tổ chức ổn định, đội ngũ giảng viên nhiệt tình nên chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao.

Nhà trường mới thành lập các Khoa năm 2014 và triển khai mô hình quản lý theo ba cấp. Do vậy sự phối kết hợp giữa các cấp chưa đồng bộ, nhịp nhàng, đặc biệt là các Bộ môn trực thuộc Khoa. Nhà trường chưa thành lập Hội đồng Trường.

Nhà trường sẽ từng bước tăng cường lãnh đạo, điều hành để sự phối kết hợp giữa các cấp đồng bộ, nhịp nhàng, giúp công việc đạt hiệu quả hơn. Thành lập Hội đồng trường theo sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

4. Chương trình đào tạo

Từ chương trình khung đã được Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế phê duyệt. Căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ của Nhà trường, chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của giảng viên, các nhà quản lý và đã được thẩm định theo đúng qui trình, quy định.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy trình chuẩn, có góp ý của các nhà

tuyển dụng, các cựu sinh viên, nên đáp ứng được nhu cầu người học và yêu cầu của thị trường sử dụng lao động. Chương trình đào tạo Đại học điều dưỡng chính quy đã có góp ý của nhóm chuyên gia dự án “Nâng cao năng lực đào tạo Điều dưỡng - giai đoạn 2” do trường Queensland University of Technology, Brisbane, Australia hỗ trợ. Trên cơ sở đó chương trình được chỉnh sửa phù hợp với điều kiện trong nước và hoà nhập với khu vực. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các ngành học đã tạo cơ hội bình đẳng cho các đối tượng tham gia học tập. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, mục tiêu dựa trên hình thành năng lực, việc bố trí thêm học kỳ phụ giúp cho sinh viên học thêm các học phần chưa đạt và các học phần cải thiện điểm thuộc các chuyên ngành, góp phần đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học. Trường ĐHĐDND đã xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo.

Một số tồn tại trong xây dựng chương trình đào tạo là: Việc nghiên cứu về thị trường lao động chưa được tiến hành một cách có hệ thống và còn ở quy mô hẹp; Chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của người học, các nhà tuyển dụng và các tổ chức xã hội về chương trình đào tạo.

Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên, các tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp về các chương trình đào tạo, giúp cho việc bổ sung và hoàn thiện các chương trình, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng lao động; định kỳ tổ chức đánh giá lại các chương trình đào tạo, qua đó thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá; tiếp tục hoàn thiện chương trình theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo về chuẩn Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục thể chất.

5. Hoạt động đào tạo

Trường đã thực hiện đa dạng hoá phương thức đào tạo giúp cho người học chủ động lựa chọn loại hình học tập thích hợp, sắp xếp thời gian hợp lý hoàn thành kế hoạch khoá học, đáp ứng yêu cầu của người học và nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động. Thực hiện đúng công nhận kết quả của người học theo quy chế, góp phần thúc đẩy tính tích cực của người học. Đặc biệt, việc đổi mới phương pháp dạy học đã mang lại hiệu quả cho công tác đào tạo: qua ý kiến phản hồi 80% cựu sinh viên đại học điều dưỡng liên thông chính quy trình độ từ trung cấp khoá 7 và khoá 8 cho rằng

những kiến thức học được ở trường hữu ích cho công việc đang làm.

Việc thành lập Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, đa dạng hoá các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học làm cho việc đánh giá đảm bảo tính khách quan, trung thực và chính xác.

Việc liên kết đào tạo giúp mở rộng phương thức đào tạo, đặc biệt là lĩnh vực mà Nhà trường có thế mạnh là đào tạo điều dưỡng, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ sở y tế.

Kết quả học tập của người học được công bố công khai, kịp thời, chính xác theo quy chế hiện hành, giúp cho người học biết được khả năng học tập của mình. Từ đó tích cực phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao hơn trong học tập. Việc cấp phát, quản lý, lưu trữ văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập theo đúng quy định, góp phần giữ vững uy tín, thương hiệu của Nhà trường. Thực hiện chế độ 3 công khai và phát hành cuốn Cẩm nang sinh viên giúp cho người học lựa chọn được phương thức và loại hình đào tạo phù hợp.

Tuy nhiên do Nhà trường mới đào tạo theo học chế tín chỉ vì vậy còn có những khó khăn trong việc triển khai đào tạo: chưa thường xuyên thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm về tính hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học; chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác đánh giá, việc đánh giá còn nặng về đánh giá kết quả, chưa chú trọng đến khâu đánh giá quá trình; chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về việc công bố kết quả học tập, cấp phát và lưu trữ văn bằng; chưa tiến hành thường xuyên việc lấy ý kiến khảo sát người học về giảng viên, tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp, mức thu nhập; việc lấy ý kiến mới dừng lại ở một số đối tượng người học.

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục liên kết đào tạo về điều dưỡng, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động. Định kỳ tổ chức đánh giá về hiệu quả của công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tự học, tự nghiên cứu. Định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác đánh giá, trong đó đặc biệt quan tâm đến khâu đánh giá quá trình người học. Từ đó, có sự cải tiến đánh giá để đảm bảo tính khách quan, trung thực và chính xác cho người học. Định kỳ thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của người học trên nhiều đối tượng khác nhau về tình hình việc làm, mức thu nhập sau khi tốt nghiệp.

6. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng viên chức rõ ràng minh bạch, đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu đã đề ra. Việc tuyển dụng được thực hiện công bằng, trung thực và khách quan. Có chế độ, chính sách nhằm động viên, khuyến khích cán bộ viên chức học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong nước cũng như ở nước ngoài, làm tốt công tác quy hoạch và phát triển cán bộ. Đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển của Nhà trường. Số giảng viên là điều dưỡng đa số tuổi đời còn trẻ, là nguồn lực tiềm năng để tiếp tục đào tạo sau đại học về chuyên ngành điều dưỡng. Đội ngũ kỹ thuật viên thành thạo tay nghề, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Mặc dù đã rất chú trọng đến khâu phát triển nguồn lực, song đội ngũ cán bộ giảng viên chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu phát triển của Nhà trường, chưa tuyển dụng được cán bộ theo đúng chuyên ngành Nhà trường cần, đặc biệt khó khăn trong việc tuyển dụng bác sĩ giảng dạy các môn Y học cơ sở. Nhà trường đã có những biện pháp nhằm hạn chế số cán bộ giảng viên có trình độ sau đại học chuyển công tác đi nơi khác, song hiện tượng này vẫn còn xảy ra. Trong khi đó, việc cử người đi học thạc sỹ, nghiên cứu sinh lại chưa mang tính bắt buộc. Đặc biệt, số lượng giảng viên có học hàm, học vị cao còn ít, thiếu cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học, nhất là số cán bộ giảng viên giảng dạy sau đại học về chuyên ngành điều dưỡng. Đội ngũ kỹ thuật viên làm việc ở các phòng thí nghiệm, đều do các giảng viên dạy thực hành ở các bộ môn kiêm nhiệm.

Năm 2015 - 2020, Nhà trường sẽ tiếp tục tạo điều kiện về thời gian và tài chính cho số cán bộ, giảng viên tham gia học tập nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ. Áp dụng biện pháp mạnh, nhằm hạn chế số cán bộ, giảng viên sau khi được cử đi đào tạo, không thực hiện đúng cam kết trước khi được tuyển dụng vào trường và cam kết trước khi đi học. Hàng năm, lựa chọn và xét duyệt cử đi đào tạo nghiên cứu sinh, thạc sỹ, coi đây là nhiệm vụ bắt buộc đối với từng cán bộ, giảng viên. Áp dụng các biện pháp nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, giảng viên có trình độ sau đại học tiếp tục học tập nâng cao trình độ về ngoại ngữ, tin học, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết giáo trình và chuẩn bị các điều kiện cho việc xét công nhận học hàm. Từ năm 2015, thực hiện đào tạo, bổ sung đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ tay nghề cao, để làm

công việc chuyên trách tại các phòng thí nghiệm, thực hành.

7. Người học

Nhà trường thực hiện đa dạng hoá việc phổ biến cho học sinh - sinh viên nắm được về mục tiêu đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra đánh giá thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập, ban cán sự lớp, cuốn Cẩm nang đào tạo.

Các chế độ, chính sách xã hội liên quan đến sinh viên được thực hiện đầy đủ và cập nhật kịp thời. Đồng thời, triển khai các biện pháp tìm kiếm tài trợ, nhằm hỗ trợ thêm cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Việc đánh giá kết quả rèn luyện theo quy chế và các hoạt động do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức được tiến hành thường xuyên, giúp người học chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Sinh viên nhận thức được các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, có đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và thái độ hợp tác tích cực. Số sinh viên tham gia các chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, Áo ấm vùng cao... ngày càng tăng về số lượng và hoạt động hiệu quả.

Đảng uỷ, Ban Giám hiệu luôn quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho các hình thức hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Nhà trường luôn là đơn vị dẫn đầu trong khối các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ với các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Qua đó, hỗ trợ tích cực cho sinh viên trong quá trình học tập, cũng như tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Tuy Nhà trường đã xây dựng Website, nhưng chưa đăng tải được nhiều thông tin. Vì vậy, cần phải đa dạng hoá về hình thức, nội dung cung cấp thông tin, giúp người học tìm kiếm được thuận lợi; Một số dịch vụ của Nhà trường chưa đáp ứng được nhu cầu của người học, chưa có internet miễn phí tại ký túc xá, thiếu sân bóng rổ. Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên của Nhà trường đã được thành lập nhưng hoạt động chưa có hiệu quả. Chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến người học về tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, chưa tổ chức đánh giá tính hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Từ năm 2016, tiếp tục củng cố và hoàn thiện các hình thức tuyên truyền cho người học về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, và các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách của người học qua website của Nhà trường. Định kỳ 1 học kỳ/1 lần tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị xã hội trong và ngoài nước. Chú trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển Đảng trong sinh viên, đặc biệt chú trọng đến chất lượng của số sinh viên được kết nạp vào Đảng. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động hỗ trợ sinh viên, nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu của người học như tổ chức các buổi phát thanh tuyên truyền, internet miễn phí trong ký túc xá, xây dựng sân bóng rổ.

Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên của Nhà trường sẽ được trang bị thêm kiến thức, nghiệp vụ, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng, Ban chấp hành Đoàn thanh niên Nhà trường, tích cực tham gia Ngày hội việc làm do Tỉnh Đoàn Nam Định tổ chức.

Định kỳ khảo sát lấy ý kiến người học về thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, tổ chức đánh giá tính hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học, của hoạt động đoàn thể.

8. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học có một vai trò rất quan trọng. Nhà trường luôn hạch định chính sách về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với mục tiêu đào tạo. Từ đó, nhà trường đã có những chính sách thúc đẩy thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường. Số lượng cán bộ tham gia nghiên cứu ngày một tăng. Số lượng và chất lượng của nghiên cứu ngày một tốt hơn. Trong 5 năm nhà trường đã thực hiện được 88 nghiên cứu/dự án, trong đó đã có những đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh tuy nhiên số lượng còn hạn chế. Số lượng các bài báo khoa học công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước ngày càng nhiều. Nhà trường cũng chú trọng đào tạo số cán bộ có trình độ cao để trở thành cán bộ đầu đàn trong nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của Nhà trường, của ngành và địa phương; đẩy mạnh việc thành lập và đưa vào hoạt động các nhóm nghiên cứu – giảng dạy. Ngoài việc phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo trong Nhà trường, hoạt động KHCN của Trường đã có những đóng

góp nhất định vào sự phát triển về kinh tế và xã hội của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường còn gặp khó khăn trong việc tạo ra nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong tương lai, Nhà trường tiếp tục nỗ lực phát triển các hoạt động KHCN cả bề rộng lẫn chiều sâu, tạo ra nguồn kinh phí trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bằng cách chuyển giao công nghệ từ các đề tài, các chương trình đào tạo, các sản phẩm được tạo ra từ nghiên cứu; dự án với nước ngoài, đề tài cấp bộ, đề tài cấp tỉnh.

9. Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế đã có những chuyển biến đáng kể về nội dung và hình thức, quá trình triển khai thực hiện được quản lý một cách chặt chẽ, hiệu quả, theo đúng quy định của luật pháp Nhà nước Việt Nam và quốc tế. Trường đã chủ động trong việc mở rộng quan hệ với các trường đại học điều dưỡng trong khu vực và thế giới. Từ đó vận dụng được kinh nghiệm về phát triển lĩnh vực điều dưỡng của các nước vào việc giảng dạy/học tập của Nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và người học.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học đã thu hút được các đối tác nước ngoài, các giảng viên tham gia. Nhờ đó, từng bước nâng cao trình độ giảng dạy và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Một số dự án hợp tác đã được thực hiện, qua đó góp phần quan trọng giúp Nhà trường xây dựng và bồi dưỡng năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao uy tín của trường.

Tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế những năm qua của Trường chưa được mở rộng, việc tìm kiếm thông tin để hợp tác với các đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số lượng giảng viên tham gia các Hội thảo quốc tế và các khoá học nâng cao chuyên môn chưa nhiều. Số lượng giảng viên có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài còn hạn chế. Số lượng các dự án với nước ngoài của Nhà trường không nhiều.

Trong gia đoạn 2016 - 2020, Nhà trường tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm tiếp nhận công nghệ, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cải tiến website của Nhà trường nhằm giới thiệu và thu hút các tổ chức, các trường đại học trên thế giới hợp tác. Tiếp tục triển khai hợp tác với

trường: Đại học Khoa học Sức khỏe – Đại học Các Khoa học Ứng dụng Saxion – Hà Lan, Đại học Chulalongkon – Thái Lan, Đại học Baylor - Hoa Kỳ, Hội chữ thập đỏ Nhật Bản. Tìm kiếm và tham gia cùng nghiên cứu các đề tài mà Nhà trường và các đối tác nước ngoài cùng quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học.

10. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Thư viện của Nhà trường được đầu tư về cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn xây dựng các trường đại học Việt Nam cũng như số lượng và trình độ cán bộ viên chức của đơn vị; vì vậy, thư viện đã làm tốt công tác phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Giảng đường dạy lý thuyết của Nhà trường đáp ứng đủ nhu cầu dạy/học cả về diện tích và trang thiết bị theo tiêu chuẩn xây dựng các trường đại học Việt Nam. Khu thực hành, thí nghiệm đủ phòng, diện tích cho các Bộ môn giảng dạy đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Diện tích sử dụng ở ký túc xá sinh viên đạt 6.8m²/1 sinh viên. Điều kiện sân bãi, dụng cụ tập luyện, đáp ứng được nhu cầu luyện tập thể thao và văn hoá, văn nghệ của sinh viên.

Các trang thiết bị hiện đại, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các phần mềm quản lý hiện có đã hỗ trợ đắc lực cho công tác giảng dạy/học tập và nghiên cứu khoa học của Nhà trường, mang lại hiệu quả tích cực, dần dần giảm bớt các thủ tục hành chính công văn giấy tờ phức tạp, lưu trữ công kênh, các báo cáo thống kê chính xác và kịp thời.

Nhà trường cũng thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những văn bản và quy định, có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn một số tồn tại sau:

Công tác bổ sung hàng năm tại Thư viện chỉ tập trung vào các tài liệu chuyên ngành nên còn thiếu một số các tài liệu thuộc các lĩnh vực khác như văn hóa, văn học nghệ thuật...; phần mềm ILIBME mới được cấp năm 2014 nên chưa được nhập đầy đủ các dữ liệu để quản lý; chưa có các mối quan hệ với các thư viện khác. Hệ thống máy tính tại Thư viện đã cũ và cần nâng cấp về cấu hình, trang bị hệ thống diệt virus để đảm bảo công tác tra cứu, và nghiệp vụ tại thư viện.

Ký túc xá hiện nay của Nhà trường mới chỉ đáp ứng được 30% trên tổng số sinh viên của Nhà trường. Công tác bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị của phòng thực tập và giảng đường chưa thực hiện tốt.

Hiện nay do yêu cầu đổi mới về phương pháp giảng dạy, sự phát triển của khoa học công nghệ, việc trang bị thiết bị như máy tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

Công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học có lúc còn lơ là, mất cảnh giác.

Nhà trường đưa ra một số Kế hoạch hành động năm 2015 – 2016, thư viện thực hiện xong nhập dữ liệu vào thư viện điện tử, hoàn chỉnh phần mềm quản lý thư viện ILIBME, tiếp tục bổ sung sách hàng năm, đảm bảo các môn học không thiếu sách giáo khoa, đa dạng các sách thuộc văn hóa, văn học nghệ thuật; đến hết năm 2016, thư viện hoàn thành việc xây dựng thư viện số để thực hiện liên kết với các thư viện khác; Nhà trường đẩy nhanh công tác sửa chữa ký túc xá đơn nguyên 3 để năm 2016 đưa vào hoạt động phục vụ cho sinh viên. Từ năm 2016, Nhà trường có kế hoạch thuê thêm sân bãi của thành phố Nam Định, đáp ứng nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên và cán bộ viên chức. Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng, để hoàn thành các hạng mục của dự án, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển Trường trong quý I năm 2016; Xây dựng chế độ bảo dưỡng định kỳ, bắt buộc đối với các trang thiết bị được trang bị ở giảng đường, phòng thực tập, thực hành. Từ năm học 2015 – 2016, với quy mô đào tạo tăng thêm, Nhà trường có kế hoạch tập trung và tăng cường tìm các nguồn dự án để đầu tư trang thiết bị và phương tiện giảng dạy/học cho các phòng học, phòng thực hành, phòng thực tập còn thiếu như: máy chiếu, mô hình hiện đại phục vụ giảng dạy mô phỏng. Các máy móc hiện đại, sinh phẩm...đáp ứng yêu cầu đào tạo gắn chặt giữa lý thuyết – thực hành- thực hành tiền lâm sàng và lâm sàng cho từng đối tượng người học; Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Từ năm 2016, định kỳ năm một lần tổ chức Hội nghị bảo vệ an toàn cơ quan vào tháng 4 hàng năm.

11. Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường đã triển khai thực hiện về công tác tài chính và quản lý tài chính theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm về quản lý tài chính. Tăng cường mở rộng quy mô, hình thức đào tạo để tăng nguồn thu hợp pháp của đơn vị, triển khai phân bổ tài chính, xây dựng tự chủ kế hoạch tài chính năm một cách công khai, tiết kiệm.

Giao kế hoạch tài chính cho các đơn vị trong cơ quan trên cơ sở dân chủ, thực hiện theo chiến lược ưu tiên cho các chương trình trọng điểm của Nhà trường.

Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng chương trình, đặt ra những ưu tiên và những hạn định về thời gian cho mỗi công việc để có thể theo dõi và đo lường mức độ hoàn thành công việc.

Việc phân bổ, sử dụng tài chính của Nhà trường đảm bảo tính minh bạch, hợp lý và phát huy hiệu quả các hoạt động công tác theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác tài chính.

Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường chưa khai thác triệt để các nguồn thu tài chính hợp pháp khác của đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch, phân bổ tài chính năm còn chậm nên các đơn vị còn vướng trong khâu triển khai thực hiện từ đầu năm của các đơn vị và Nhà trường chưa có sự phân bổ tài chính chi tiết cho từng hoạt động cụ thể của các Phòng, Ban, Trung tâm và Bộ môn.

Nhà trường có kế hoạch đưa ra các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính cụ thể, chi tiết hơn mang tính chiến lược ngày càng mở rộng quy mô, loại hình đào tạo khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp. Các năm tiếp theo, Trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch phân bổ tài chính ngay sau khi nhận được quyết định giao dự toán năm tạo thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện. Trên cơ sở các quy định chung của Nhà nước, Nhà trường sẽ xây dựng một cách chi tiết cho từng hoạt động tài chính của các đơn vị chức năng.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1.

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu

Với lịch sử phát triển 55 năm và hơn 10 năm từ ngày nâng cấp lên thành trường đại học, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định là một trong những trường đào tạo nhân lực điều dưỡng lớn nhất khu vực phía Bắc và là trường Đại học Điều dưỡng đầu tiên và duy nhất của cả nước. Sứ mạng của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã được xác định bằng văn bản, được nêu rõ trong “*Chiến lược phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*”. Sứ mạng này hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường do Bộ Y tế và Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định, đồng thời phù hợp với các nguồn lực của Trường.

Các mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được cụ thể hóa từ sứ mạng và được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành Y tế, của tỉnh Nam Định, khu vực Nam Đồng bằng sông Hồng trong từng giai đoạn.

Tiêu chí 1.1

Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

1. Mô tả

Mục tiêu của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã được xác định ngay từ khi được thành lập và sau này trở thành sứ mạng của Nhà trường. Tuy nhiên, sứ mạng mới được nêu bằng văn bản trong “*Chiến lược phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*”, có nội dung rõ ràng và cụ thể như sau: “Sứ mạng của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã được xác định là phát triển công tác giáo dục-đào tạo, nghiên cứu khoa học về đào tạo Điều dưỡng, Hộ sinh và nhóm ngành khoa học sức khỏe theo hướng đào tạo nguồn nhân lực về Điều dưỡng, Hộ sinh có chất lượng cao để phục vụ công tác nâng cao chất lượng chăm sóc sức

khỏe nhân dân, trở thành một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực Y tế về Điều dưỡng có uy tín trong nước và quốc tế” (H1.1.1.1). Sứ mạng này hoàn toàn phù hợp với các nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được quy định rõ tại Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ban hành theo Quyết định số 779/QĐ-ĐDN ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế (H1.1.1.2). Đồng thời cũng phù hợp với những mục tiêu cụ thể đặt ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (H1.1.1.3). Cơ sở để Trường đưa ra tuyên bố sứ mạng của mình: Một là, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định là Trường Đại học chuyên ngành điều dưỡng đầu tiên trên cả nước, với đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và đội ngũ giảng viên trẻ nhiệt huyết, năng động, được đào tạo bài bản. Giảng viên có trình sau đại học về điều dưỡng đa số được đào tạo từ nước ngoài. Hai là, Trường có thế mạnh trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu về điều dưỡng với các tổ chức trong nước và quốc tế, được Bộ Y tế cử làm thành viên một số dự án quốc tế. Ba là, Trường có đủ nguồn tài chính và cơ sở vật chất (phòng học, giảng đường, phòng thực hành, trang thiết bị y tế...) để thực hiện sứ mạng đào tạo nhân lực y tế có chất lượng, có trình độ cao (H1.1.1.4).

Sứ mạng của Trường xây dựng phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 46-NQ/TW về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới: *“kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Sắp xếp lại mạng lưới, mở rộng và nâng cấp các cơ sở đào tạo, đáp ứng nhu cầu về cán bộ y tế phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; xây dựng một số trung tâm đào tạo cán bộ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế. Mở rộng việc đưa cán bộ có trình độ cao đi đào tạo ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí nhà nước, khuyến khích du học tự túc theo các chuyên ngành đang có nhu cầu* (H1.1.1.5).

Bên cạnh đó sứ mạng của Trường còn được xây dựng phù hợp định hướng phát triển của tỉnh Nam Định về giáo dục đào tạo và y tế: *“Quy hoạch và có chính sách thu hút, tạo điều kiện từng bước xây dựng khu đại học tập trung để thành phố Nam Định trở thành trung tâm đào tạo của vùng. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo trên địa bàn mở rộng, nâng cấp: Trường Đại học Điều dưỡng...trở thành*

trường đại học đa ngành”; “Đẩy mạnh công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện có hiệu quả chương trình y tế quốc gia” (H1.1.1.6).

Sứ mạng của Trường còn gắn liền với Chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2011-2020 và Chiến lược phát triển quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 mà Thủ tướng chính phủ phê duyệt với mục tiêu *“Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, và một số chuyên khoa; chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; mở rộng đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng, tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sỹ và điều dưỡng...đảm bảo cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế”*. (H1.1.1.7).

Trên cơ sở sứ mạng đã tuyên bố, lãnh đạo Nhà trường đã ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Hàng năm, cử nhiều lượt giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn và tham dự các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, từ đó luôn cập nhật được những phương pháp dạy và học mới. Thường xuyên rà soát, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cán bộ, viên chức để đảm bảo các điều kiện làm việc và giảng dạy. Nhà trường chuẩn bị đầy đủ nguồn lực về đội ngũ cán bộ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị...chuẩn bị nguồn lực để phát triển trường đào tạo đa ngành về y tế để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế cho cả nước. Để thực hiện tốt sứ mạng của mình, Trường đã tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo (H1.1.1.8). Việc xây dựng chuẩn đầu ra góp phần giúp sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động hiểu rõ kỹ năng, năng lực của người học sau khi tốt nghiệp, từ đó có hướng sử dụng nhân lực hợp lý, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Sứ mạng của Trường được công bố trong cuốn “Cẩm nang sinh viên, Cẩm nang đào tạo”; Trong cuốn “Hệ thống hóa các văn bản trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” (H1.1.1.9) để tất cả cán bộ, viên chức và sinh viên toàn trường biết và thực hiện.

2. Điểm mạnh

- Sứ mạng được xác định rõ ràng và chính thức trong các văn bản quan trọng của Nhà trường. Việc xây dựng sứ mạng phù hợp với định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước, Bộ Y tế và tỉnh Nam Định; đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng chất lượng cao của đất nước.

- Khi tuyên bố sứ mạng, Trường đã rà soát lại các nguồn lực hiện có và định

hướng phát triển trong tương lai, đặc biệt là nguồn lực về con người và cơ sở vật chất trang thiết bị của Nhà trường để đảm bảo tính phù hợp và khả thi cao của sứ mạng.

3. Tồn tại

Sứ mạng của Nhà trường mặc dù đã được công bố nhưng chưa tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và chưa được cập nhật, sửa đổi thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường tổ chức tuyên truyền và phổ biến rộng rãi sứ mạng của Trường đến cán bộ, viên chức và sinh viên toàn trường, đồng thời quảng bá tới các bệnh viện, phòng khám...thông qua các hình thức: đăng tải trên website, các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, qua các lần tư vấn tuyển sinh tại các cơ sở giáo dục...

Định kỳ hàng năm Trường tiến hành cập nhật thông tin về chiến lược phát triển của ngành và địa phương; tổ chức lấy ý kiến của lãnh đạo địa phương và một số đơn vị liên quan để đánh giá lại mức độ phù hợp của sứ mạng với sự phát triển nhằm bổ sung, hoàn thiện sứ mạng cho phù hợp với tình hình mới.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2

Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện

1. Mô tả

Mục tiêu của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được nêu rất cụ thể: “Từng bước phát triển quy mô và chất lượng đào tạo của nhà trường qua từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu với lộ trình hợp lý. Nâng tổng quy mô đào tạo đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo dựa trên chuẩn năng lực; Nâng cao chất lượng đào tạo Điều dưỡng, Hộ sinh đạt chuẩn với trình độ khu vực và quốc tế; tập trung xây dựng và đào tạo các chuyên ngành điều dưỡng, đặc biệt đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa sâu và đặc thù đáp ứng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển đào tạo Điều dưỡng-Hộ sinh ở trình độ sau đại học. Từ năm 2015, đào tạo thạc sỹ Điều dưỡng và triển khai

một số ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe nhằm đáp ứng sự thiếu hụt nhân lực y tế của đất nước. Phát triển nghiên cứu khoa học, tăng cường hợp tác quốc tế, trọng tâm là các lĩnh vực liên quan tới khoa học Điều dưỡng” (H1.1.2.1).

Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học, sau đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố của Trường, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Các mục tiêu của Nhà trường được cụ thể hóa trong các kế hoạch, nhiệm vụ, các bài tham luận tại các Hội nghị chương trình; Hội nghị kết hợp Trường-Viện; Hội nghị cán bộ viên chức... hàng năm với sự tham dự của lãnh đạo các đơn vị đầu mối trong trường; lãnh đạo các bệnh viện thực hành của Nhà trường (H1.1.2.2). Qua các hội nghị này, Nhà trường xây dựng các biện pháp điều chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp dạy học phù hợp với sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế và các yêu cầu thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã có những thay đổi trong kế hoạch tuyển sinh đáp ứng được nhu cầu của xã hội như ngừng tuyển sinh hệ trung cấp, tăng cường đào tạo hệ Đại học chính quy; đào tạo thạc sỹ và chuyên khoa I về điều dưỡng, hướng tới đào tạo tiến sỹ điều dưỡng và một số ngành thuộc khối ngành khoa học sức khỏe (H1.1.2.3). Tất cả những thay đổi này đã được cụ thể hoá bằng các kế hoạch năm học hàng năm để áp dụng ngay trong năm học đó (H1.1.2.4). Kế hoạch được in thành tài liệu chuyên cho các đơn vị và đăng tải công khai trên Website để các đơn vị triển khai kế hoạch năm học một cách kịp thời. Cuối năm học, nhà trường tổ chức đánh giá các phong trào thi đua, kết quả bình xét thi đua căn cứ trên cơ sở khối lượng, chất lượng công việc của cá nhân, đơn vị được giao từ đầu năm. (H1.1.2.5).

Như vậy, việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của Nhà trường tuy không được thực hiện theo một quy trình cụ thể và sửa đổi bằng văn bản nhưng thường xuyên được trao đổi, thống nhất tại các Hội nghị thường kỳ, vì vậy tất cả các lĩnh vực từ nhân lực đến đào tạo và cơ sở vật chất, trang thiết bị được điều chỉnh thường xuyên, ngày càng nâng cao cả số lượng và chất lượng, phù hợp với sứ mạng mà nhà trường đã tuyên bố và theo đúng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo đại học theo quy định của Luật Giáo dục Đại học và sứ mạng của Trường đã tuyên bố. Mục tiêu của Trường luôn

được trao đổi, bàn bạc trong các cuộc họp định kỳ hàng năm của Nhà trường.

Mục tiêu của Trường được thống nhất cao giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể; những mục tiêu này được cụ thể hoá thành các kế hoạch năm học để các đơn vị triển khai nhiệm vụ hàng năm.

3. Tồn tại

Mục tiêu được chưa định kỳ rà soát, bổ sung và chưa được thực hiện theo một quy trình cụ thể.

Việc quán triệt, phổ biến mục tiêu tới cán bộ, viên chức và sinh viên toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường xây dựng quy trình cụ thể để định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh mục tiêu phù hợp với sự phát triển của ngành, địa phương.

Tổ chức phổ biến rộng rãi mục tiêu của nhà trường tới cán bộ, giảng viên, sinh viên toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 1

Trường Đại học điều dưỡng Nam Định đã xác định rõ ràng sứ mạng và mục tiêu của Trường trên cơ sở chức năng nhiệm vụ đã được Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế giao cho. Ngoài ra, sứ mạng và mục tiêu của Trường còn được xác định từ việc phân tích, đánh giá các nguồn lực hiện có của Trường, từ định hướng phát triển KT-XH, nhu cầu về nguồn nhân lực của địa phương, khu vực và cả nước. Hàng năm, các mục tiêu của Trường được bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn về phát triển các nguồn lực đáp ứng các yêu cầu về chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đào tạo, NCKH. Trong thời gian tới, Trường tiếp tục bổ sung lực lượng giảng viên trẻ có năng lực; tăng cường CSVC và kinh phí cho đào tạo và NCKH để Trường xứng tầm là một cơ sở đào tạo có uy tín trong khu vực.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

TIÊU CHUẨN 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được thành lập theo Quyết định số 24/2004/TTg ngày 26/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cao đẳng Y tế Nam Định. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường được thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ trường đại học và các điều kiện thực tế, được cụ thể hóa trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” đã được Bộ trưởng Bộ Y tế ký ban hành lần thứ nhất năm 2005, ngay sau khi trường được thành lập. Sau hơn 10 năm thành lập, cùng với sự phát triển của Nhà trường và sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật của ngành, bản Quy chế tổ chức và hoạt động và đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định trong từng giai đoạn được thực hiện đúng tiến độ đề ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển Trường, phù hợp với sự phát triển của địa phương, của ngành Y tế và cả nước. Trường đã xây dựng hệ thống quy chế, quy định chặt chẽ phục vụ cho các hoạt động của Trường để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý. Chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị, của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được thể chế hóa bằng văn bản và phân định rõ ràng. Các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thể đều có điều lệ, quy chế hoạt động riêng, góp phần trong việc xây dựng tập thể CBVC và HSSV đoàn kết. Công tác đảm bảo chất lượng của Trường được thực hiện nghiêm túc. Công tác báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ các hoạt động của Trường đều được cơ quan quản lý theo dõi, nắm bắt đầy đủ, kịp thời.

Tiêu chí 2.1.

Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được xây dựng một cách cụ thể, rõ ràng, đúng quy

định của pháp luật, đảm bảo các hoạt động trong trường diễn ra một cách đồng bộ. Mỗi quan hệ giữa Ban Giám hiệu với các khoa, phòng, trung tâm trực thuộc được thể hiện qua sơ đồ tổ chức của Nhà trường (H2.2.1.1). Theo Quy chế tổ chức hiện nay, quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các đơn vị trực thuộc, của viên chức, của người học... được quy định rõ ràng. Ban giám hiệu gồm Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành chung, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT về các hoạt động của Nhà trường; 04 Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách các mảng công việc cụ thể. Việc phân công phụ trách của Ban giám hiệu được sửa đổi hàng năm và được quy định bằng văn bản (H2.2.1.2). Các đơn vị trực thuộc hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu với chức năng và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong “*Quy chế tổ chức và hoạt động*”, cũng như trong “*Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa, phòng, Bộ môn, Trung tâm thuộc Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định*” (H2.2.1.3).

Cơ cấu tổ chức của Trường được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tình hình và sự phát triển trong từng giai đoạn cụ thể. Khi Trường mới được thành lập, Bộ Y tế đã phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học Điều dưỡng Nam Định với cơ cấu tổ chức chỉ gồm hai cấp. Ban Giám hiệu - 08 Phòng, 02 Trung tâm, 27 Bộ môn trực thuộc (H2.2.1.4). Căn cứ vào sự thay đổi của các văn bản quy định của nhà nước và sự phát triển của ngành y tế, Nhà trường có sự đánh giá lại cơ cấu tổ chức để điều chỉnh, xây dựng lại Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nhu cầu phát triển của Nhà trường. Ngày 07/3/2014, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký Quyết định 779/QĐ-BYT ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động mới của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (H2.2.1.3). Theo đó, hiện nay trường đã được tổ chức theo mô hình ba cấp: Ban giám hiệu - khoa, phòng, trung tâm - bộ môn trực thuộc khoa:

+ *Ban Giám hiệu*

+ *11 Phòng chức năng*: Tổ chức Cán bộ; Đào tạo Đại học; Đào tạo Sau Đại học; Phòng Thanh tra; Hành chính Tổng hợp; Quản trị; Vật tư và Trang thiết bị; Tài chính Kế toán; Quản lý nghiên cứu khoa học; Công tác Học sinh - sinh viên; Công nghệ thông tin; Hợp tác Quốc tế;

+ *5 Khoa gồm: Khoa Điều dưỡng Hộ sinh* (03 Bộ môn trực thuộc Khoa: Điều

dưỡng Cơ sở, Quản lý và Nghiên cứu Điều dưỡng, Hộ sinh); *Khoa Y học Lâm sàng* (06 Bộ môn trực thuộc Khoa: Điều dưỡng Người lớn Nội khoa, Điều dưỡng Người lớn Ngoại khoa, Điều dưỡng Nhi khoa, Điều dưỡng Truyền nhiễm, Điều dưỡng Phụ sản, Điều dưỡng Tâm-Thần kinh); *Khoa Y học cơ sở* (05 Bộ môn trực thuộc Khoa: Hóa sinh, Sinh lý-Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Vi sinh-Kí sinh trùng, Dược, Y học cổ truyền, Giải phẫu-Mô); *Khoa Khoa học cơ bản* (09 Bộ môn trực thuộc Khoa: Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Toán - Tin, Tâm lý Y học - Y đức, Giáo dục pháp luật, Hóa học, Sinh vật, Ngoại ngữ). *Khoa Y tế Cộng đồng* (với 05 Bộ môn trực thuộc Khoa: Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế; Bộ môn Dinh dưỡng; Bộ môn Dịch tễ học; Bộ môn Chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Bộ môn Giáo dục sức khỏe)

+ 01 *Bộ môn trực thuộc Trường*: Bộ môn Vật lý trị liệu & Phục hồi chức năng.

+ 3 *Trung tâm*: Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục, Hợp tác-Khoa học công nghệ và Dịch vụ, Trung tâm Thực hành tiền lâm sàng.

+ *Thư viện*.

Đặc biệt, mới đây với sự nỗ lực và quyết tâm của Đảng ủy-Ban giám hiệu, Trường đã được bổ sung thêm một đơn vị trực thuộc mới đó là Bệnh viện Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được thành lập ngày 15/7/2016 theo Quyết định số 3607/QĐ-BYT của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Đây là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có con dấu và tài khoản riêng trực thuộc Trường, chịu sự chỉ đạo và quản lý toàn diện của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (H2.2.1.5).

Bên cạnh đó, Trường còn có các Hội, đoàn thể như: Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Điều dưỡng, Hội Nữ hộ sinh, Hội Cựu chiến binh...được thành lập theo các quy định của pháp luật, dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ. Các Hội và các Đoàn thể làm việc theo nhiệm kỳ và hoạt động theo quy chế làm việc của nhiệm kỳ đó cũng như Điều lệ quy định trên toàn quốc. Trong quy chế làm việc có quy định rõ về trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên trong Hội, Đoàn thể (H2.2.1.6). Ngoài ra, Trường còn thành lập một số Hội đồng tư vấn, giúp việc cho Hiệu trưởng những vấn đề cơ bản như nghiên cứu khoa học, đào tạo, đấu thầu mua sắm... như: Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng Khoa học Kỹ thuật, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng tuyển dụng.... Các hội đồng được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ Trường Đại học, cũng

như các quy định khác của pháp luật và được rà soát, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ của Nhà trường để nâng cao hiệu quả hoạt động (H2.2.1.7).

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều lệ Trường Đại học và chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Đảng ủy-Ban Giám hiệu Nhà trường cũng nhận thấy sự cần thiết phải thành lập Hội đồng trường, nhưng do một số điều kiện thực tế trong thời gian vừa qua Trường tập trung thay đổi, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy nên hiện nay Trường vẫn chưa thành lập Hội đồng trường.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được xây dựng phù hợp với quy định của Điều lệ trường đại học cũng như các điều kiện thực tế của Nhà trường;

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tình hình và sự phát triển trong từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Trường và nhu cầu hội nhập, phát triển.

Chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được phân định rõ ràng, phát huy tính chủ động và chuyên nghiệp của từng đơn vị, đồng thời có sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Trường chưa thành lập Hội đồng Trường.

Bệnh viện Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định mới được thành lập, đang trong giai đoạn xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động riêng cho bệnh viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016: Hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định trình Bộ Y tế phê duyệt.

Năm 2017: thành lập Hội đồng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định theo quy định tại Điều lệ Trường Đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2

Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Để chỉ đạo công việc và có sự phối kết hợp giữa Ban giám hiệu và toàn thể Công chức, viên chức, học viên sinh viên và các đơn vị Phòng, Ban, Khoa - Bộ môn... trong trường đạt hiệu quả tốt, toàn bộ hệ thống văn bản về quản lý các hoạt động của nhà trường đã được phổ biến trong toàn trường ở dạng văn bản. Về đào tạo, quản lý sinh viên, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, nhân sự... đã xây dựng được các quy trình, quy chế, quy định rõ ràng.

Về tài chính: Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (H2.2.2.1), trong đó quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu áp dụng trong toàn trường để phân phối sử dụng các khoản thu chi của trường. Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận rộng rãi, công khai, dân chủ trong toàn trường và có tổ chức Công đoàn nhà trường thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế này. Các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ thực sự là biện pháp tài chính hữu hiệu, động viên cán bộ viên chức thực hiện tốt công tác, nhắc nhở các sai phạm trong công tác quản lý CBVC.

Về quản lý nhân sự: Cùng với các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý nhân sự như quy trình tuyển dụng viên chức trong các cơ quan sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế (H2.2.2.2), Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ công chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế (H2.2.2.3), Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 15/4/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (H2.2.2.4), xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định của Nghị định số 41/2012/NĐ – CP ngày 8 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ. Căn cứ hướng dẫn của cấp trên, Nhà trường cũng xây dựng các văn bản từ yêu cầu thực tế của Nhà trường như: Hướng dẫn bình xét thi đua (H2.2.2.5), thông báo tuyển dụng (H2.2.2.6)... Các quy định về tổ chức và hoạt động của trường đại học giúp các cá nhân và tập thể trong trường hiểu rõ phạm vi, quyền hạn, nhiệm vụ của mỗi cá nhân,

tập thể, lãnh đạo, giúp phối hợp tốt trong công tác chuyên môn

Về quản lý sinh viên: Hàng năm, vào đầu khoá học, Nhà trường đều có Cẩm nang đào tạo, Tài liệu về một số nội quy, quy chế cho sinh viên dùng cho các đối tượng sinh viên (H2.2.2.7), giúp cho sinh viên chủ động trong học tập, rèn luyện, chấp hành tốt các nội quy, quy chế phấn đấu trở thành những sinh viên xuất sắc góp phần nâng cao chất lượng của Nhà trường, phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Về nghiên cứu khoa học: Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học, Phòng đã tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề tài khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong nhà trường. Công tác duyệt đề cương và tổ chức nghiệm thu đề tài tuân theo một quy trình nghiêm túc, khoa học theo đúng quy định của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ y tế. Nhà trường đã xúc tiến xây dựng bản tin khoa học để đăng tải những thông tin khoa học mới, kết quả các công trình nghiên cứu. Xây dựng văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện giám sát triển khai các đề tài đúng quy định về tiến độ và tài chính.

Về đào tạo: Nhà trường có kế hoạch giảng dạy vào đầu mỗi khoá học (H2.2.2.8) để các cán bộ giảng dạy và sinh viên biết được kế hoạch, chương trình học tập và giảng dạy của mình, từ đó thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chương trình đào tạo.

Hàng năm, các hội nghị tổng kết về công tác tổ chức và quản lý về hoạt động của Trường đều được tiến hành định kỳ, trong các hội nghị, ngoài việc nhận xét đánh giá và góp ý của hội nghị, các tập thể cá nhân với công tác này, Trường còn có Ban thanh tra nhân dân để giúp đánh giá hiệu quả các công tác trên. Tổng kết các báo cáo của Ban thanh tra trong thời gian qua, chưa thấy một khiếu nại nào liên quan.

Hàng tháng, Nhà trường tổ chức giao ban chuyên môn; Hàng quý, Nhà trường có buổi họp Đảng uỷ, sau các buổi họp đều có xây dựng Nghị quyết để đề ra kế hoạch hành động cho thời gian sau. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Trại hè, Hội nghị chương trình, Hội nghị cán bộ - viên chức để rà soát đánh giá hoạt động các đơn vị và của toàn trường chính xác hơn, đồng thời đề ra kế hoạch hoạt động tiếp theo.

Tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học về cơ bản được văn bản hoá đã góp phần rất lớn vào việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đáp ứng các yêu cầu do sứ mạng nhà trường đặt ra.

Bên cạnh đó, Trường đã tin học hóa các mặt hoạt động quản lý và điều hành của Trường thông qua phần mềm quản lý công việc. Tuy nhiên, nhà trường chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi về hệ thống văn bản của nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ, đồng bộ hệ thống văn bản để tổ chức quản lý các hoạt động và được phổ biến rộng rãi trong toàn trường.

- Trường đã tin học hóa các mặt hoạt động quản lý và điều hành của Trường thông qua phần mềm quản lý công việc. Các văn bản về tổ chức quản lý, các thông báo, các báo cáo về hoạt động của Trường được phổ biến công khai đến từng đơn vị, từng cá nhân trong Trường

3. Tồn tại

Sự phản hồi các văn bản của các đơn vị còn chậm trễ.

Chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi về hệ thống văn bản của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường sẽ thường xuyên lấy ý kiến phản hồi về hệ thống văn bản của nhà trường để kịp thời chấn chỉnh, bổ sung, thay thế, hoàn thiện hệ thống các văn bản theo hướng ngày càng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có hệ thống văn bản phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của từng đơn vị, của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên như: *“Quy chế làm việc Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”*; *“Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”*; *“Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, Trung tâm thuộc Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”*, *“Đề án Vị trí việc làm”*.... (H2.2.3.1), (H2.2.3.2), (H2.2.3.3). Trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đã nêu

rõ nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân trong Ban giám hiệu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong trường (H2.2.3.2). Ngoài ra, trong Đề án vị trí việc làm đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đối với từng vị trí việc làm (H2.2.3.3). Các văn bản đó đều tuân thủ theo quy định tại Luật Giáo dục Đại học và Điều lệ Trường đại học và các quy định hiện hành. Việc phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của lãnh đạo, giảng viên, nhân viên....là phù hợp với vị trí việc làm, phù hợp với chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, phù hợp với năng lực và công việc được phân công. Tuy nhiên, chức năng, nhiệm vụ của cán bộ quản lý và nhân viên thuộc khối phòng chức năng chưa cụ thể, chi tiết.

Bên cạnh đó, các hội đồng tư vấn của Trường cũng được thành lập trên cơ sở nhu cầu thực tế của Nhà trường và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Việc tuyển dụng viên chức được Hội đồng tuyển dụng Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình, quy định hiện hành (H2.2.3.4). Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thực hiện theo quy định. Việc bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm do Hội đồng Thi đua Khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua Khen thưởng (H2.2.3.5). Chức năng, quyền hạn của các thành viên Hội đồng tư vấn được quy định rõ tại các quyết định thành lập hoặc do Chủ tịch Hội đồng căn cứ vào các quy định hiện hành để phân công, điều hành các thành viên trong Hội đồng.

Theo sơ đồ tổ chức chung của Nhà trường, các Hội, đoàn thể chịu sự quản lý của Đảng ủy và có mối liên hệ chặt chẽ với các đơn vị trong trường. Tuy nhiên, đối với các Hội, đoàn thể như: Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Điều dưỡng, Hội Nữ hộ sinh, Hội Cựu chiến binh....được thành lập theo nhiệm kỳ, hoạt động theo Điều lệ quy định chung và được cụ thể hóa bằng Quy chế làm việc theo từng nhiệm kỳ. Hội cựu chiến binh Nhà trường hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội cựu chiến binh Việt Nam. Ban Chấp hành Công đoàn có chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công đoàn chung toàn quốc. Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên có nhiệm kỳ 2 năm, trách nhiệm và quyền hạn của Ban chấp hành được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc nhiệm kỳ đó (H2.2.3.6)

Ngoài ra Trường còn có Phòng Thanh tra, Ban thanh tra nhân dân giúp Hiệu

trưởng thanh kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, việc chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường; kiến nghị Hiệu trưởng về các biện pháp phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong các hoạt động của Nhà trường. Đây là bộ phận hết sức quan trọng trong công tác giám sát các hoạt động của Nhà trường để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Nhà trường, của Bộ Y tế và pháp luật hiện hành.

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có hệ thống văn bản phân định rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, tăng cường tính chủ động cho các đơn vị và cán bộ viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành của Nhà trường.

3. Tồn tại

Việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị chưa thường xuyên.

Một số chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của cán bộ quản lý và nhân viên thuộc khối phòng chức năng chưa cụ thể, chi tiết, còn chồng chéo.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường tiến hành rà soát lại bản mô tả vị trí việc làm của cán bộ quản lý và nhân viên khối phòng. Đây là cơ sở để hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cũng như giúp cho việc kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ các cá nhân, đơn vị chặt chẽ hơn, từ đó giúp công tác quản lý của Trường có nền nếp và đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định là một tập thể đoàn kết nhất trí, không có hiện tượng mất đoàn kết nội bộ (H2.2.4.1). Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên và chính quyền phối hợp nhịp nhàng, thu hút được cán bộ

quản lý, giảng viên, nhân viên người học tham gia và duy trì sinh hoạt thường xuyên theo quy định (H2.2.4.2).

Các tổ chức Đảng, đoàn thể được trang bị Điều lệ, có quy chế hoạt động rõ ràng, triển khai thực hiện đúng quy chế, điều lệ. Nhà trường đã bố trí đầy đủ phòng làm việc của các văn phòng: Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên (H2.2.4.3)

Hiện nay:

+ Đảng bộ Trường có 13 chi bộ với 232 đảng viên (trong đó có 49 đảng viên là sinh viên).

+ Công đoàn Trường có 16 công đoàn bộ phận với 344 công đoàn viên.

+ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 3.161 đoàn viên thanh niên với 05 chi đoàn cán bộ và 56 chi đoàn sinh viên.

+ Hội Sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định trực thuộc Trung ương Hội sinh viên Việt Nam, gồm 56 chi hội với 2.806 học viên.

+ Hội cựu chiến binh có 31 thành viên.

Đảng bộ trường Đại học Điều dưỡng Nam Định trực thuộc Đảng uỷ khối tỉnh Nam Định, các hoạt động của Đảng bộ Nhà trường đều thực hiện theo đúng những chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng uỷ khối và bám sát Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam (H2.2.4.3)

Hàng năm, nhiều đảng viên được đánh giá xếp loại xuất sắc, Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, suất sắc (H2.2.4.1)

Công đoàn trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có 16 công đoàn bộ phận với tổng số 344 đoàn viên, hoạt động theo đúng hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn (H2.2.4.4) và hướng dẫn của Công đoàn cấp trên. Thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ Nhà trường, BCH Công đoàn đã phát động các phong trào thi đua tới toàn thể cán bộ viên chức lao động; Tổ chức, vận động đoàn viên công đoàn đăng ký và thực hiện có hiệu quả, thường xuyên kiểm tra giám sát và tiến hành sơ kết các phong trào thi đua. Hàng năm tổ chức công đoàn được Công đoàn Y tế Việt Nam đánh giá tốt và tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen (H2.2.4.5)

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên có đội ngũ cán bộ trẻ, nhiệt tình, năng động, thường xuyên tổ chức các hoạt động nhân các ngày kỷ niệm, các

tháng hành động như Tháng Thanh niên, tham gia tích cực trong các phong trào tình nguyện, nhân đạo, tuyển sinh. Dưới sự chỉ đạo, giám sát của Đảng bộ Nhà trường, trong những năm qua, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên được tổ chức Đoàn, Hội cấp trên đánh giá cao và khen thưởng nhiều thành tích (H2.2.4.6).

Với thành tích 5 năm liền được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã phát huy sức mạnh trong các hoạt động của mình, các chủ trương hoạt động chính, công tác cán bộ và các mặt hoạt động đều được bàn bạc thống nhất trong Thường vụ Đảng ủy trước khi thông qua trước toàn Đảng bộ. Tất cả các hoạt động bình bầu, thi đua đều được tổ chức công khai, dân chủ trong toàn thể các đơn vị, trên nguyên tắc tập trung, thống nhất.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động ở một số Chi bộ, Công đoàn bộ phận, Chi đoàn và Chi hội một số hoạt động sinh hoạt còn mang tính hình thức, chưa được đổi mới thực sự. Bên cạnh đó, các hoạt động chuyên môn như dự giờ, trao đổi học thuật, sinh hoạt khoa học chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Đảng bộ Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định là đảng bộ trong sạch vững mạnh, luôn phát huy sức mạnh trong các hoạt động của mình

Các tổ chức Đảng và đoàn thể hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, tổ chức được nhiều chương trình hoạt động, phong trào thi đua, thu hút các thành viên trong trường tham gia, tạo sự đoàn kết nhất trí. Từ đó, tạo môi trường rèn luyện lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng góp phần thực hiện thành công các mặt hoạt động của Nhà trường.

3. Tồn tại

- Nội dung sinh hoạt ở một số Chi bộ, Công đoàn bộ phận, Chi đoàn và Chi hội còn mang tính hình thức, chưa được đổi mới thực sự.

- Các hoạt động chuyên môn như dự giờ, trao đổi học thuật, sinh hoạt khoa học chưa được các Công đoàn bộ phận, Chi đoàn và Chi hội quan tâm thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2015 – 2016, Đảng ủy tăng cường công tác chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức sinh hoạt Đảng và đoàn thể, gắn nội dung sinh hoạt với

nhiệm vụ chính trị của các tổ chức, đơn vị. Đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn: dự giờ, trao đổi học thuật, tổ chức hội giảng và các buổi sinh hoạt khoa học...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5

Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Thực hiện Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, ngày 11 tháng 11 năm 2008, Bộ phận Đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường được thành lập theo Quyết định số: 166/QĐ-ĐDN. Bộ phận Đảm bảo chất lượng giáo dục đã tham mưu cho nhà trường và đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá vào năm 2010 và nộp cho Cục Khảo thí và KCĐCLGD của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (H2.2.5.1). Đến năm 2012, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường được thành lập theo Quyết định số: 2797/QĐ-BYT, ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế (H2.2.5.2). Trung tâm có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tự đánh giá và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo (H2.2.5.3).

Trung tâm Khảo thí - ĐBCLGD được Trường bố trí 6 phòng làm việc độc lập với các trang thiết bị. Biên chế hiện nay của Trung tâm Khảo thí - ĐBCLGD có 7 CBVC; trong đó có 5 thạc sĩ, 01 cử nhân điều dưỡng và 01 cử nhân ngoại ngữ. Đội ngũ cán bộ của Trung tâm Khảo thí - ĐBCLGD là những người có năng lực trong lĩnh vực giáo dục, có khả năng tham mưu, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm nâng cao hoạt động toàn diện của Trường. Cán bộ của trung tâm Khảo thí - ĐBCLGD đã được tham dự các khoá tập huấn do Bộ GD&ĐT Đào tạo và Bộ Y tế tổ chức; đồng thời tham quan học hỏi kinh nghiệm của các trường có nhiều kinh nghiệm về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (H2.2.5.4). Năm 2014, có 01 cán bộ chuyên trách của Trung tâm KT&ĐBCLGD đã hoàn thành

khoá học thạc sỹ đo lường và đánh giá của Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội (H2.2.5.5). Hàng năm, Trung tâm đã đạt được các danh hiệu tập thể lao động xuất sắc (H2.2.5.6)

Bên cạnh đó, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục còn phối hợp cùng các đơn vị, Phòng ban chức năng, Khoa và bộ môn giúp trường có được hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường đã thành lập trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục để triển khai tổ chức các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Có cán bộ đạt trình độ thạc sỹ về chuyên ngành đo lường và đánh giá

3. Tồn tại

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục hoạt động trong nhiều lĩnh vực, một số cán bộ còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động đảm bảo chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, tiếp tục cử các cán bộ đi dự các lớp tập huấn nâng cao kiến thức về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT tổ chức, đồng thời tiếp tục gửi đi đào tạo các cán bộ chuyên trách đo lường và quản lý chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6

Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường

1. Mô tả

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có thuận lợi là trường Đại học chuyên ngành Điều dưỡng đầu tiên trong cả nước. Đây là trọng trách rất lớn và cũng là vinh dự đối với Nhà trường. Nhà trường đã có các chiến lược phát triển theo từng giai đoạn. Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký ban hành Quyết định số 3379/QĐ-BYT, ngày 15/9/2005 phê

duyet “Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020” (H2.2.6.1)

Trong quá trình phát triển, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định luôn nhận được sự chỉ đạo và ủng hộ về chủ trương của cấp trên. Đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo và hoà nhập với trình độ khu vực và quốc tế. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất đào tạo đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn vốn tài trợ xây dựng trường, cử người đi đào tạo ở nước ngoài. Thực hiện phối hợp đào tạo, nghiên cứu giữa các viện trường.

Kế hoạch trung hạn 2010-2015 của Nhà trường đã tiếp tục nhấn mạnh về đường lối chủ trương phát triển: Lấy người học làm trung tâm; Lấy chất lượng đào tạo làm đầu; Tích cực hội nhập quốc tế; Có trách nhiệm và tạo niềm tin trong cộng đồng. (H2.2.6.1)

Vừa qua, Nhà trường đã xây dựng và được Bộ Y tế ký ban hành Quyết định số 2999/QĐ-BYT, ngày 12/8/2014 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” (H2.2.6.2). Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển do Bộ Y tế phê duyệt, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó đã xác định các giải pháp chiến lược giai đoạn 2015 – 2020 và giai đoạn 2021 – 2030 (H2.2.6.3). Kế hoạch chiến lược trung hạn Nhà trường đã định lượng được ở mức nhất định quy mô phát triển, trình độ tổ chức quản lý và giảng dạy, chất lượng đào tạo, nguồn lực cần có và phương hướng tăng cường, quan hệ hợp tác quốc tế mở rộng và đặc biệt đặt vấn đề một số ngành nghề đào tạo phải đạt chuẩn mực quốc tế.

Kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn trên của nhà trường được xây dựng trên cơ sở các dự thảo kế hoạch của từng mảng chuyên môn do các đơn vị quản lý, được đăng tải trên website và lưu tại phòng hành chính (H2.2.6.4).

Hàng năm, các đơn vị trực thuộc trường đã triển khai kế hoạch chiến lược trung hạn thành các kế hoạch cụ thể của mình và rà soát, tổng kết để hiệu chỉnh cho các năm sau. Việc hiệu chỉnh lại kế hoạch đơn vị cho khớp với chiến lược tổng thể luôn đảm bảo sự phát triển đặc thù của từng đơn vị trong các thời kỳ vừa không phá vỡ định hướng chung đã được đặt ra. Các hiệu chỉnh lớn của Nhà trường cũng được các hội

ngợi công nhân viên chức đưa ra bàn bạc cụ thể và chỉ khi có sự nhất trí của hội nghị, kế hoạch của nhà trường mới đưa ra áp dụng (H2.2.6.5). Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, một số đơn vị chưa thực sự chủ động trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động đặc biệt là các kế hoạch dài hạn.

2. Điểm mạnh

Trường có chiến lược và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn cho từng giai đoạn phát triển của mình. Kế hoạch phát triển đó bám sát với phương hướng chỉ đạo của các Bộ chủ quản và phù hợp với sứ mạng, định hướng phát triển của Nhà trường, với sự phát triển KT -XH của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Các đơn vị trực thuộc của Nhà trường chưa chủ động trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng các kế hoạch cụ thể cho các đơn vị và chương trình hành động trong từng giai đoạn để được thực thi kế hoạch chiến lược phát triển của Trường.

5. Tự đánh giá : Đạt

Tiêu chí 2.7

Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định là cơ sở đào tạo Đại học trực thuộc Bộ Y tế, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GD&ĐT. Các báo cáo gửi cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý được các Phòng chức năng soạn thảo trình Hiệu trưởng duyệt và chuyển về Văn thư của phòng Hành chính – Tổng hợp vào sổ văn bản, ghi vào sổ công văn đi, chụp dấu, lưu trữ và gửi theo quy định. (H2.2.7.1)

Các đoàn công tác của cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý đến làm việc tại trường được bộ phận Hành chính - Tổng hợp ghi chép đầy đủ vào sổ, có biên bản làm việc, biên bản ký kết (H2.2.7.2).

Các báo cáo hàng năm đã được thực hiện và gửi tới các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý đầy đủ và tương đối kịp thời. (H 2.2.7.3). Nhà trường chưa bị nhắc nhở, xử lý phê bình về việc chậm trễ hoàn thành và nộp báo cáo.

Hồ sơ lưu trữ các báo cáo của Nhà trường trong 5 năm gần đây (2010 -2015) được thực hiện đầy đủ (H2.2.7.4).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hành chính, văn thư cụ thể là: Trang bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (hệ thống mạng internet, máy vi tính, trang website...); Tích hợp sử dụng phần mềm quản lý công việc trên website của Nhà trường tạo môi trường thuận tiện cho toàn thể lãnh đạo và CBVC trong việc nhận, gửi văn bản, phê duyệt văn bản nội bộ đều được thực hiện thông qua phần mềm, vì vậy đã rút ngắn thời gian, tiết kiệm kinh phí góp phần tích cực vào việc cải cách công tác hành chính của đơn vị (H2.2.7.5) ; Chủ động nghiên cứu, sử dụng Hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử (voffice) của Bộ Y tế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những văn bản gửi đi và các báo cáo theo quy định của công tác Hành chính, văn thư, lưu trữ.

Có bộ phận lưu trữ, công tác lưu trữ được tổ chức thực hiện theo quy định.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác hành chính, văn thư.

3. Tồn tại

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác lưu trữ chưa tốt. Một số báo cáo chuyên đề, định kỳ còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý đáp ứng sự phát triển của Nhà trường.

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo gửi cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý, lưu trữ đầy đủ các báo cáo và văn bản đi, đến... của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Trường ĐHDDNĐ có cơ cấu tổ chức và các hoạt động của Trường đảm bảo tuân thủ đúng quy định của nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường hoạt động hiệu quả, liên tục đạt danh hiệu vững mạnh, tiêu biểu. Trường có đủ hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý, điều hành với hệ thống các báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất được lưu trữ an toàn và đầy đủ. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân CBQL trong Trường được phân định rõ ràng, có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành. Trường đã thành lập TTKT&ĐBCL, bố trí đội ngũ CB chuyên trách đúng chuyên môn, có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường. Với những thành quả mà Trường đạt được trong thời gian qua, Trường đang từng bước khẳng định mục tiêu, phương hướng và quyết tâm của Trường trong các hoạt động với xu hướng phát triển và hội nhập.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

TIÊU CHUẨN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo của trường đại học Điều dưỡng Nam Định được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo thực hiện điều chỉnh định kỳ trong đó có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có sự tham gia của các nhà chuyên môn, GV, CBQL. Quy trình xây dựng CTĐT của Trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ nên nhìn chung các CTĐT của Trường được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Bên cạnh đó, CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo và được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo.

Tuy vậy, do chương trình mới được ban hành nên Nhà trường chưa tổ chức đánh giá chương trình.

Tiêu chí 3.1

Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

1. Mô tả

Trong giai đoạn trước năm 2010, các CTĐT của Nhà trường được xây dựng và thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT (theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT và QĐ 2368/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2007 do Bộ GD&ĐT ban hành). Từ năm học 2011 - 2015, trường có nhiều đổi mới và ban hành nhiều CTĐT. Cụ thể:

Bậc đại học và cao đẳng: hệ đại học điều dưỡng chính quy: 01 CTĐT; hệ liên thông: 04 CTĐT; hệ cao đẳng chính quy: 02 CTĐT (Cao đẳng điều dưỡng và cao đẳng hộ sinh).

Bậc sau đại học: Điều dưỡng chuyên khoa cấp 1: 06 CTĐT; Thạc sỹ điều dưỡng: 01 CTĐT.

Các CTĐT đã ban hành được xây dựng theo hướng hình thành năng lực và đào tạo theo hệ thống tín chỉ (H3.3.1.1). Nhà trường có đầy đủ CTĐT cho tất cả các ngành và bậc đào tạo (2 ngành với 14 CTĐT). CTĐT được xây dựng theo TT 14/2010/TT-BGD&ĐT và TT 32/2013/TT-BGD&ĐT đáp ứng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (H3.3.1.2) và đều đã được thẩm định bởi hội đồng thẩm định độc lập (H3.3.1.3).

Để xây dựng CTĐT Nhà trường đã tham khảo các CTĐT của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Đặc biệt trong quá trình xây dựng CTĐT Nhà trường có tham gia dự án “Nâng cao năng lực đào tạo Điều dưỡng“ giai đoạn 2 do trường Queensland University of Technology, Brisbane, Australia hỗ trợ. Vì vậy, CTĐT cử nhân điều dưỡng đã nhận được sự góp ý của các chuyên gia dự án (là các giáo sư chuyên ngành điều dưỡng). Do đó, CTĐT này được các chuyên gia đánh giá rất cao (H3.3.1.4). Ngoài ra, CTĐT thạc sỹ điều dưỡng nhà trường xây dựng đã được thẩm định bởi Hội đồng có các thành viên là các giáo sư, tiến sỹ tại Thailand. Hội đồng đánh giá CTĐT thạc sỹ điều dưỡng đảm bảo hoà nhập được với khu vực (H3.3.1.5).

Bên cạnh đó, CTĐT được xây dựng với sự cố vấn của Ban biên soạn chương trình, các nhà khoa học chuyên môn và được lấy ý kiến góp ý của các giảng viên giàu kinh nghiệm, các nhà quản lý (H3.3.1.6). Các CTĐT trong 5 năm trở lại đây đều có sự tham gia của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp (H3.3.1.7).

Mỗi CTĐT Nhà trường đều quy định rõ thời lượng đào tạo cho toàn khoá, thời lượng cho các khối kiến thức và có biên bản đánh giá của hội đồng thẩm định. Sau đó thông qua Hội đồng Khoa học Giáo dục và được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành (H3.3.1.8).

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT

Nhà trường đã ban hành các CTĐT đầy đủ cho từng đối tượng người học theo theo hướng hình thành năng lực.

3. Tồn tại

Một số CTĐT đáp ứng tính hoà nhập với khu vực và thế giới chưa cao.

Việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT từ các nhà tuyển dụng lao động cũng như các cựu sinh viên chưa thực hiện định kỳ và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường định kỳ chỉnh sửa các CTĐT theo góp ý của các chuyên gia trong và ngoài nước, đảm bảo có sự hoà nhập với khu vực và thế giới trong năm 2018.

Triển khai việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV để phục vụ cho việc điều chỉnh và xây dựng CTĐT của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2

Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động

1. Mô tả

Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện các chương trình đào tạo là: Thạc sỹ điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên khoa cấp I, Điều dưỡng chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng, cao đẳng hộ sinh chính quy, điều dưỡng liên thông từ cao đẳng và trung cấp, điều dưỡng liên thông chuyên ngành phụ sản từ cao đẳng và trung cấp. Các chương trình đào tạo được xây dựng căn cứ vào chương trình khung đã phê duyệt, theo quy trình chuẩn vừa đảm bảo tính kế thừa vừa có mục tiêu chung phù hợp với đối tượng người học, mục tiêu cụ thể được viết theo hướng hình thành năng lực và chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam và đồng thời có khả năng hội nhập (H3.3.2.1).

Tất cả các CTĐT đã được nhà trường xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đầu ra của CTĐT xác định rõ mục tiêu về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình, được thông qua Hội đồng Khoa học Giáo dục và được Hiệu trưởng phê duyệt (H3.3.2.1). Chuẩn đầu ra được công bố rộng rãi trên website của Nhà

trường (theo địa chỉ <http://ndun.edu.vn/index.php/ao-tao/quy-cha-2>) (H3.3.2.2) và thông tin tới từng sinh viên qua cẩm nang sinh viên (H3.3.2.3).

Chương trình đào tạo của từng ngành đào tạo đều có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và phù hợp với nhu cầu tự nghiên cứu của người học, nhằm đáp ứng sự phát triển của khoa học, phát triển giáo dục (H3.3.2.1). Các chương trình này được công bố rộng rãi trên cẩm nang sinh viên (H3.3.3.3).

Chương trình đào tạo của Trường có cấu trúc hợp lý. Cấu trúc chương trình giữa khối kiến thức đại cương, khối kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành, kiến thức tự chọn và kiến thức bổ sung hợp lý và đúng với quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (H3.3.2.1).

Chương trình chi tiết của từng học phần cũng thể hiện rõ mục tiêu cụ thể của từng ngành học (H3.3.2.1). Các học phần trong chương trình được cấu trúc thành kế hoạch đào tạo của từng học kỳ, đảm bảo tính tiên quyết và vị trí của các học phần trong toàn bộ chương trình. (H3.3.2.1).

Chương trình đào tạo được thiết kế một cách hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần. Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức. Các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học thuận tiện cho phân công giảng dạy và đăng ký học tập của SV (H3.3.2.1).

Chương trình đào tạo của Trường hướng đến việc tăng cường kỹ năng thực tế chuyên sâu (chuyên ngành); xem xét bổ sung, tăng thời lượng thực hành, thực tập, thảo luận chuyên đề, có sự tham gia giảng dạy của các giảng viên có kinh nghiệm (H3.3.2.1).

Mỗi chương trình có 58-150 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 22-28 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 6-10 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chi tiết ở một số môn học có tham khảo chương trình tiên tiến của các nước (H3.3.2.4) và được thông qua Hội đồng khoa học Giáo dục nhà trường (H3.3.2.5).

Trong các chương trình đào tạo, ngoài 2 học kỳ chính Nhà trường còn bố trí thêm học kỳ ba để sinh viên bố trí, sắp xếp thời gian học trả nợ học phần chưa học, học phần cải thiện điểm, học phần tự chọn theo hướng chăm sóc sức khỏe của các chuyên ngành (H3.3.2.1)

CTĐT xây dựng có điều chỉnh theo sự tham gia góp ý của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động cựu sinh viên (H3.3.2.6) nên đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo.

Việc sắp xếp thêm học kỳ ba giúp cho sinh viên học thêm các học phần tự chọn thuộc các chuyên ngành, góp phần đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động.

3. Tồn tại

Nghiên cứu về thị trường lao động để nắm bắt các yêu cầu (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của từng trình độ đào tạo chưa được tiến hành thường xuyên và còn ở quy mô hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giúp cho việc bổ sung và hoàn thiện các CTĐT, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3

Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Chương trình đào tạo hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học của trường đều được thiết kế tuân thủ theo các văn bản pháp quy quản lý đào tạo do Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế và Đại học Điều dưỡng Nam định ban hành; đặc biệt là đáp ứng các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định của Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường (H3.3.3.1), (H3.3.3.2). CTĐT của tất cả các trình độ đều do Hội đồng khoa học chuyên ngành tổ chức xây dựng một cách có hệ thống theo cấu trúc cơ bản riêng cho từng bậc học và được Hội đồng khoa học – đào tạo trường thông qua trước khi trình duyệt chính thức (H3.3.3.3).

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo của mỗi đối tượng, CTĐT được xây dựng về nội dung, phương pháp giảng dạy – học tập, phương pháp đánh giá sinh viên đáp ứng đầy

đủ với chuẩn đầu ra (H3.3.3.4).

Mỗi CTĐT có 58-150 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 22 đến 28 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 6-10 tín chỉ. Các CTĐT đều hướng tới việc xây dựng và hình thành cho sinh viên các năng lực thực hành chăm sóc, năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp; năng lực thực hành theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp.

CTĐT đối với chính quy và liên thông được xây dựng theo một nguyên tắc thống nhất, đảm bảo đủ khối lượng kiến thức liên thông, không trùng lặp và đặc biệt có liên thông dọc và liên thông ngang (H3.3.3.2).

Khác với đối tượng hệ liên thông sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về lĩnh vực điều dưỡng. Do vậy, CTĐT liên thông được xây dựng dựa trên chương trình chính quy có lược bỏ phần kiến thức trước đây sinh viên đã được học. Tuy nhiên chuẩn đầu ra của đối tượng liên thông và chính quy ở mỗi trình độ đào tạo là giống nhau (H3.3.3.4).

Để tìm hiểu về chất lượng chương trình đào tạo liên thông, trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của 136 cựu sinh viên liên thông chính quy khoá 7 và 8 cho thấy: có 80% sinh viên trả lời lượng kiến thức được cung cấp của hầu hết các học phần là đủ, 63,1% sinh viên trả lời kiến thức tự chọn rất cần thiết, hữu ích, nâng cao công việc chuyên môn (H3.3.3.5). Điều đó khẳng định chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học và đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo giữa đối tượng chính quy và liên thông, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể như đội ngũ giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo giữa chính quy và liên thông ở mỗi trình độ là như nhau và theo quy định của Bộ GD&ĐT (H3.3.3.6).

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng và cập nhật theo đúng quy trình của Bộ GD&ĐT; thống nhất cùng một nội dung chương trình đào tạo cho các hệ cùng chuyên ngành để đảm bảo chất lượng trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Tồn tại

Chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của người học, các nhà tuyển dụng và các tổ chức xã hội về CTĐT, nên sự điều chỉnh chương trình chưa thực sự phù hợp hoàn

toàn với đối tượng người học và người sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên và các tổ chức xã hội về CTĐT; từ đó, có sự bổ sung, hoàn thiện chương trình đáp ứng yêu cầu người học và thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Đề phù hợp với đổi mới giáo dục nói chung và những thay đổi của yêu cầu xã hội với các ngành nghề đào tạo, các CTĐT của Nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ ít nhất 1 lần trong vòng 5 năm. Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu thay đổi của Bộ giáo dục & Đào tạo, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học Giáo dục Nhà trường đã thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn. Cụ thể trong năm 2014, Nhà trường đã xây dựng lại toàn bộ 7 CTĐT trình độ đại học (H3.3.4.1).

Trong 5 năm qua Hội đồng Khoa học Giáo dục Nhà trường đã định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh các CTĐT theo hướng đổi mới và hội nhập nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. CTĐT của Nhà trường được xây dựng, hiệu chỉnh từ phương thức đào tạo niên chế, tính theo đơn vị học trình chuyển sang phương thức đào tạo tín chỉ, trong đó mỗi học phần có cấu trúc từ 2 đến 5 tín chỉ. Sau 4 năm học nếu sinh viên đã tích lũy đủ từ tín chỉ và đảm bảo đủ các điều kiện theo Quy chế 43 sẽ được xét công nhận tốt nghiệp (H3.3.4.2).

Các CTĐT được điều chỉnh có tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế. Nhà trường tham gia 2 dự án với ngoài nước đó là dự án “Nâng cao năng lực đào tạo Điều dưỡng” giai đoạn 2 (do trường Queensland University of Technology, Brisbane, Australia hỗ trợ) và dự án ADB do Ngân hàng thế giới hỗ trợ, Trong qua

trình tham gia dự án Nhà trường tham khảo khung CTĐT điều dưỡng và CTĐT tiên tiến của Australia. Bên cạnh đó, Nhà trường tham khảo ý kiến góp ý của các chuyên gia dự án (H3.3.4.3). Trong khuôn khổ dự án ADB, Nhà trường lựa chọn phương pháp và lượng giá dạy - học để đáp ứng chương trình đào tạo (H3.3.4.4). Ngoài 2 dự án trên, hàng năm Nhà trường cử các cán bộ chủ chốt đi tham quan và học tập ở các nước Anh, Nhật, Malaysia, Philippines, Thailand... (H3.3.4.5) về xây dựng CTĐT, phương pháp tổ chức giảng dạy.... CTĐT thạc sỹ điều dưỡng được thâm định ở Thailand đảm bảo hoà nhập được với khu vực (H3.3.3.6).

Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cựu sinh viên, kết quả cho thấy: có 80% sinh viên trả lời lượng kiến thức được cung cấp của hầu hết các học phần là đủ, 63,1% sinh viên trả lời kiến thức tự chọn rất cần thiết, hữu ích, nâng cao công việc chuyên môn (H3.3.4.7).

2. Điểm mạnh

CTĐT được xây dựng theo quy trình chuẩn, có sự tham khảo chương trình các nước tiên tiến, các cựu sinh viên, nên đáp ứng được nhu cầu người học, cũng như yêu cầu của thị trường lao động.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên và các tổ chức xã hội về chương trình đào tạo chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, việc lấy ý kiến của các cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội về chương trình đào tạo được tiến hành một cách có hệ thống.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả

Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường luôn quan tâm đến tính liên thông của CTĐT giữa các bậc đào tạo và các ngành đào tạo.

Bên cạnh CTĐT theo hệ chính quy, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT liên

thông từ trình độ trung cấp (điều dưỡng; điều dưỡng chuyên ngành phụ sản) lên trình độ đại học và liên thông từ trình độ cao đẳng (điều dưỡng; điều dưỡng chuyên ngành phụ sản) lên trình độ đại học. Đối với đối tượng liên thông: liên thông từ trung cấp lên đại học có thời gian đào tạo là 3 năm và 2,5 năm; liên thông từ cao đẳng lên thời gian đào tạo là 2 năm và 1,5 năm (H3.3.5.1). Các chương trình đào tạo được thiết kế theo học chế tín chỉ, có khả năng liên thông dọc và liên thông ngang (từ cao đẳng lên đại học và từ cao đẳng điều dưỡng với cao đẳng hộ sinh). Các CTĐT liên thông đều được xây dựng phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHĐDNĐ. Các hình thức liên thông này đã giúp người học rút ngắn thời gian đào tạo nhờ sử dụng các học phần đã học cho khối kiến thức đại cương (H3.3.5.1).

Hiện nay trong CTĐT của nhà trường đối với chuyên ngành đung đã có sự liên thông giữa các bậc đào tạo (đại học – cao đẳng). Cụ thể có 75 tín chỉ/150 tín chỉ (chiếm 50%) có tính liên thông (H3.3.5.2). Đối với các ngành gần (ngành điều dưỡng – ngành hộ sinh ở trình độ cao đẳng) sự liên thông cũng được thể hiện rõ qua CTĐT cụ thể có 72 tín chỉ/115 tín chỉ (chiếm 62%) có tính liên thông (H3.3.5.1).

Ngoài việc xây dựng CTĐT có khả năng liên thông dọc và liên thông ngang, CTĐT còn đảm bảo tính liên thông giữa các trường trong cùng nhóm ngành đào tạo; trong đó CTĐT đại cương có sự thống nhất chung của nhóm ngành chăm sóc sức khỏe (H3.3.5.1).

2. Điểm mạnh

Các CTĐT được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, giữa các ngành đã tạo cơ hội bình đẳng cho các đối tượng tham gia học tập.

3. Tồn tại

Cùng một lúc đào tạo nhiều hình thức do vậy một số CTĐT bị chùng chéo gây khó khăn cho việc quản lý, giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, chỉnh sửa các CTĐT đảm bảo tính liên thông rộng và phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6

Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá

1. Mô tả

Việc tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên theo phiếu thăm dò đối với các CTĐT Nhà trường bước đầu được thực hiện. Tuy nhiên trong vòng 5 năm qua mới chỉ có 2 CTĐT có sinh viên tốt nghiệp được đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn bằng hình thức lấy phiếu thăm dò thông qua sinh viên (H3.3.6.1).

Ngoài hình thức lấy phiếu khảo sát, hàng năm Nhà trường tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo, hội nghị về CTĐT. Các khoa, bộ môn định kỳ rà soát chương trình để kịp thời điều chỉnh (H3.3.6.2).

Nhà trường đã có biện pháp để cải tiến chất lượng CTĐT, cụ thể đã xây dựng và thẩm định tất cả các chương trình vào năm 2015 (H3.3.6.3).

Để CTĐT từng bước được hoàn thiện, Nhà trường tranh thủ sự hợp tác Quốc tế, tham khảo CTĐT tiên tiến của các nước (H3.3.6.4); đồng thời luân phiên cử các cán bộ chủ chốt đi tham quan và học tập ở nước ngoài; qua đó, CTĐT được cập nhật (H3.3.6.5).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và chỉnh sửa lại toàn bộ CTĐT năm 2013 - 2015.

3. Tồn tại

Việc tổ chức đánh giá CTĐT chưa được tiến hành do mới ban hành.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Nhà trường tổ chức đánh giá các CTĐT, qua đó chỉnh sửa chương trình phù hợp với đối tượng đào tạo và dần hội nhập với khu vực và thế giới.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Kết luận tiêu chuẩn 3

Phát triển CTĐT là một trong những mối quan tâm của Nhà trường nhằm hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Các CTĐT cho các ngành và hệ đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng có hệ thống và theo các văn bản quy định hiện hành cho các khối ngành của Bộ GD&ĐT ban hành. Từ năm 2013 các chương trình được xây dựng theo hướng chuyển từ đào tạo theo học chế niên chế, sang đào tạo theo học chế tín chỉ.

Các chương trình đảm bảo khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn, vừa linh hoạt, vừa đảm bảo cho quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong từng giai đoạn, Nhà trường đã có cập nhật bổ sung CTĐT, từng bước nâng cao và phù hợp với yêu cầu phát triển ngành nghề của xã hội.

CTĐT các ngành đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, thiết kế theo hướng liên thông giữa các bậc học, giữa các phương thức đào tạo.

Bên cạnh đó, CTĐT liên thông ngày càng được củng cố và mở rộng theo hướng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học và xã hội. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục tham khảo các CTĐT tiên tiến, thường xuyên khảo sát ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng, từng bước cải tiến CTĐT đang có hiện nay.

Tuy nhiên, hiện nay do mới ban hành lại các CTĐT nên trường chưa tiến hành đánh giá CTĐT. Năm 2018, Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá các CTĐT, qua đó chỉnh sửa chương trình phù hợp với đối tượng đào tạo và dần hội nhập với khu vực và thế giới

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/6

TIÊU CHUẨN 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trường ĐHDDNĐ là một trong những trường hàng đầu về đào tạo điều dưỡng. Hoạt động đào tạo ở Nhà trường được thực hiện theo quy trình và học chế mềm dẻo, phát huy tính tích cực của người học, thực hiện đa dạng các phương thức đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện. Một trong những nhiệm vụ được Nhà trường quan tâm chỉ đạo là tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú ý thực hiện chủ trương đa dạng hóa phương thức đào tạo nhằm đáp ứng được các đối tượng người học khác nhau. Trong những năm gần đây Nhà trường đã mở rộng liên kết đào tạo trong lĩnh vực có thế mạnh là đào tạo điều dưỡng.

Bên cạnh đó, việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học cũng đã được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác đào tạo, đánh giá. Tuy nhiên việc đánh giá còn nặng về đánh giá kết quả, chưa chú trọng đến khâu đánh giá quá trình người học và chưa thường xuyên.

Tiêu chí 4.1

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của người học và đáp ứng thị trường sử dụng lao động, Nhà trường đã đa dạng hoá loại hình đào tạo. Hiện Nhà trường đang thực hiện đào tạo sau đại học, đại học và cao đẳng

Đối với đào tạo đại học chính quy, cao đẳng chính quy: trường Đại Điều dưỡng Nam định bắt đầu áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ cho sinh viên đại học khóa 10, cao đẳng khóa 15 (tuyển sinh năm 2014) nhằm phát huy tính chủ động của người

học, nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường. Thời gian đào tạo hệ đại học là 4 năm, hệ cao đẳng là 3 năm. Sau khi tốt nghiệp sinh viên đại học sẽ được cấp bằng cử nhân điều dưỡng, sinh viên cao đẳng sẽ được cấp bằng cử nhân cao đẳng điều dưỡng (H4.4.1.1).

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu đào tạo sau đại học ngành điều dưỡng, Trường cũng đã mở chương trình đào tạo thạc sỹ điều dưỡng và chuyên khoa I điều dưỡng các chuyên ngành: Nội người lớn; Ngoại người lớn, Nhi, Sản-Phụ khoa, Tâm thần và Y tế cộng đồng. Đặc biệt, chương trình đào tạo thạc sỹ điều dưỡng có mời các giảng viên điều dưỡng ở Thái Lan, Hoa Kỳ tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành (H4.4.1.2).

Hệ liên thông vừa làm vừa học có 2 hình thức đào tạo tại trường và đào tạo liên kết với các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế khác (H4.4.1.3). Cụ thể, trường đã thực hiện liên kết đào tạo điều dưỡng đại học liên thông trình độ từ cao đẳng, trung cấp với các Trường Cao đẳng y tế Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hà Tĩnh (H4.4.1.4). Ngoài ra Nhà trường còn thực hiện đào tạo cử tuyển cho cả đối tượng chính quy và liên thông.

Với mỗi hình thức đào tạo, nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định tương ứng, thực hiện triển khai chi tiết cho từng hệ; từ đó, chủ động trong các hoạt động tổ chức đào tạo và kịp thời cung cấp các thông tin liên quan đến các sinh viên theo học ở các hệ.

Mặc dù đa dạng hoá phương thức tổ chức đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học nhưng Nhà trường luôn đảm bảo điều kiện chất lượng theo quy định trong đào tạo bằng lấy chuẩn đầu ra làm thước đo cho các đối tượng đào tạo (H4.4.1.5). Song song với việc thực hiện một chương trình đào tạo chung, nhà trường từng bước triển khai và áp dụng đúng các quy định về kiểm tra đánh giá cho các hình thức đào tạo khác nhau. Trên cơ sở các quy định chung về kiểm tra và đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT, 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, 06/2008/QĐ-BGD&ĐT và các Thông tư 55/2012/TT-BGDĐT, 57/2012/TT-BGDĐT. Các bộ môn, khoa đã họp và thảo luận để đưa ra hình thức kiểm tra và đánh giá phù hợp với từng học phần; từ đó, tiến hành xây dựng các ngân hàng đề thi tương ứng với các môn học, ngành học và hình thức đào tạo

2. Điểm mạnh

Đa dạng hoá phương thức đào tạo giúp cho người học chủ động lựa chọn loại hình học tập thích hợp, sắp xếp thời gian hợp lý hoàn thành kế hoạch khoá học, đáp ứng yêu cầu của người học và nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động.

3. Tồn tại

Mặc dù đã đa dạng hoá các loại hình đào tạo, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng hoàn toàn được yêu cầu của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, tiếp tục liên kết đào tạo về điều dưỡng, mở rộng các loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2

Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

1. Mô tả

Từ trước năm học 2014-2015, Nhà trường tổ chức đào tạo theo niên chế. Năm học 2014-2015, Nhà trường bắt đầu tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 10 và từ năm học 2015-2016 tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ cho tất cả các đối tượng.

Hiện nay toàn bộ CTĐT của Nhà trường được xây dựng theo học chế tín chỉ (100%). Đối với quá trình tổ chức giảng dạy - học tập theo tín chỉ, Nhà trường đã áp dụng quy chế đào tạo theo quy chế số 43/2007 và thông tư 57/2012 của Bộ GD&ĐT (H4.4.2.1), QĐ số 868/QĐ-ĐDN ngày 16/06/2014 của Hiệu trưởng trường ĐHDDNĐ về quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (H4.4.2.2).

Để xây dựng các CTĐT theo học chế tín chỉ, Trường đã có các văn bản chỉ đạo xây dựng CTĐT; chuẩn đầu ra; biên soạn chương trình chi tiết, biên soạn đề cương bài giảng, giáo trình (H4.4.2.3).

Trong thời gian học, người học phải hoàn tất số học phần bắt buộc và tự chọn của từng ngành học đã được phân chia theo từng học kỳ (H4.4.2.4), nếu chưa hoàn thành các học phần ở học kỳ chính, sinh viên có thể đăng ký tham gia học lại ở học kỳ hè

(gọi là kỳ phụ) (H4.4.2.4). Sau khi hoàn tất chương trình học, người học sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp đúng quy định của Bộ GD&ĐT (H4.4.2.5).

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức dạy - học Nhà trường còn áp dụng quy chế số 42 trong việc quản lý sinh viên của toàn khoá học và xét điểm rèn luyện cho sinh viên (H4.4.2.6).

2. Điểm mạnh

Thực hiện đúng việc công nhận kết quả của người học theo hình thức đào tạo niên chế kết hợp với học phần và công nhận kết quả của người học theo hình thức tín chỉ, góp phần thúc đẩy tính tích cực của người học.

3. Tồn tại

Nhà trường mới đào tạo theo học chế tín chỉ, vì vậy chưa lấy được ý kiến phản hồi từ người học về việc công nhận kết quả học tập theo học chế tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 đến năm 2017 Nhà trường thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần và tín chỉ; từ năm 2018 Nhà trường công nhận kết quả học tập của người học theo học chế tín chỉ.

Thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá/phản hồi cụ thể của người học về việc tổ chức đào tạo và công nhận kết quả học tập của người học theo tín chỉ

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3

Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học

1. Mô tả

Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được tiến hành hàng năm thông qua công tác đánh giá, bình chọn giáo viên dạy giỏi hay chiến sĩ thi đua, thông qua các hoạt động dự giờ, thông qua kết quả nghiên cứu khoa học và đánh giá giáo trình, giáo án (H4.4.3.1).

Hàng năm, nhà trường yêu cầu các bộ môn phải cử các giảng viên có kinh nghiệm phụ trách hướng dẫn và bồi dưỡng các giảng viên mới trong thời gian tập sự, tổ chức cho các giảng viên có kinh nghiệm dự giờ đánh giá giảng viên mới. Tất cả giảng viên trong thời gian tập sự phải giảng thử trước Khoa/Bộ môn và trước Hội đồng xét hết thời gian tập sự để đánh giá năng lực chuyên môn (H4.4.3.2).

Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt khoa học về sự cần thiết phải đổi mới về phương pháp dạy - học, mở các lớp đào tạo liên tục về phương pháp dạy học tích cực cho các giảng viên trẻ (H4.4.3.3).

Trong quá trình giảng dạy/học tập, Nhà trường có sự điều chỉnh, bố trí giảm số giờ lên lớp, tăng thời gian tự học cho sinh viên (H4.4.3.1). Sử dụng các phương tiện dạy học tiên tiến (H4.4.3.4)

Đối với giảng dạy thực hành sinh viên thực tập được chia theo nhóm nhỏ để có điều kiện theo dõi, uốn nắn về thao tác; tăng cường huấn luyện các kỹ năng chăm sóc tại các phòng tiền lâm sàng, nhằm phát huy tính tích cực, tự giác của người học. Bằng các hình thức đóng vai, ra các bài tập, tình huống cho các nhóm thảo luận; từ đó, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng: tư vấn, giao tiếp, kỹ năng tư duy, ra quyết định (H4.4.3.3); (H4.4.3.5).

Bắt đầu từ năm học 2015 – 2016, Nhà trường đã triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Các nội dung SV đánh giá giảng viên bao gồm: Nội dung và phương pháp giảng dạy; Học liệu và đồ dùng học tập; Khả năng tổ chức lớp học của giảng viên và khuyến khích tư duy độc lập của người học; Tác phong sư phạm của giảng viên; Trách nhiệm của giảng viên đối với người học và đánh giá chung (H4.4.3.6). Trong năm học 2015-2016, TTKT&ĐBCLGD đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi đối với 5 Khoa – Bộ môn trực thuộc, 57 lượt giảng viên, 3257 lượt người học. Theo kết quả khảo sát, hầu hết các tiêu chí đánh giá giảng viên được người học đánh giá ở mức khá. Trong tất cả các tiêu chí đánh giá, tiêu chí tác phong sư phạm của giảng viên được người học đánh giá cao nhất. Khả năng tổ chức lớp học của giảng viên và khuyến khích tư duy độc lập của người học cũng đã được người học nhìn nhận và đánh giá: tiêu chí giảng viên giúp người học phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm đạt 3.13 (thang điểm 4); tiêu chí giảng viên kiểm tra, giám sát người học làm bài tập/ thực hành/tham gia thảo

luận nhóm (3.27 điểm) và tiêu chí Giảng viên giúp người học phát huy khả năng học tập/nghiên cứu (3.28 điểm). Như vậy có thể thấy, khả năng tổ chức lớp học theo hướng học tập lấy người học làm trung tâm được giảng viên triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên sinh viên cho rằng các giảng viên trường cần tích cực hơn nữa trong công tác giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tinh thần tự học của người học cũng như phát triển các kỹ năng mềm và khả năng nghiên cứu của người học (H4.4.3.7).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có sự đổi mới phương pháp dạy - học mang lại hiệu quả trong công tác đào tạo.

Giảng viên của Trường đã tích cực đổi mới phương pháp giáo dục, sử dụng những phương pháp giáo dục tiên tiến, đa dạng.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên thông qua các hoạt động đa dạng từ đánh giá đồng nghiệp đến SV đánh giá giảng viên.

3. Tồn tại

Số lượng giảng viên được sinh viên đánh giá còn ít.

Đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được thực hiện đồng đều giữa các Bộ môn và các Khoa do đặc trưng của từng môn học, từng chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, 100% giảng viên được lấy ý kiến phản hồi từ người học

Nhà trường định kỳ tổ chức đánh giá về hiệu quả của công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tự học, tự nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề

1. Mô tả

Năm 2012, theo quyết định của Bộ Y tế Nhà trường đã thành lập Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục. Đây là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra đánh giá, độc lập với công tác đào tạo (H4.4.4.1). Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch triển khai công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục (H4.4.4.2).

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT (H4.4.4.3), Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá người học (H4.4.4.4). Nhà trường phổ biến cho các Khoa, Bộ môn chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành học, hình thức đào tạo. Vì vậy, các hình thức kiểm tra đánh giá trong nhà trường đã được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, phù hợp với mục tiêu môn học và mọi hình thức đào tạo. Việc kiểm tra đánh giá người học được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần. Đối với tất cả các hình thức đào tạo tập trung và không tập trung, điểm đánh giá học tập đều bao gồm: điểm quá trình học tập được giảng viên môn học đánh giá trình học (chiếm 50% trọng số điểm) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 50%) (H4.4.4.5).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi (H4.4.4.6). Hội đồng nghiệm thu câu hỏi của Nhà trường chịu trách nhiệm kiểm tra độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy của các câu hỏi trước khi cho biên soạn ngân hàng đề thi (H4.4.4.7). Đề thi được lựa chọn trong bộ câu hỏi đã được nghiệm thu vì vậy đảm bảo được tính khách quan.

Công tác tổ chức thi cũng được nhà trường thực hiện nghiêm túc. Cụ thể, mỗi phòng thi có không quá 35 sinh viên và có 02 cán bộ coi thi, cán bộ giám sát thi của TTKT&ĐBCLGD và phòng Thanh tra thường xuyên kiểm tra giám sát mỗi buổi thi. Bên cạnh đó hệ thống camera giám sát thi cũng đã được đi vào hoạt động và đạt hiệu

quả cao (H4.4.4.8). Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa, các hệ đào tạo tại trường cũng như tại các địa phương. Với các hình thức kiểm tra đánh giá đang được áp dụng trong nhà trường thì việc học tủ, gian lận trong thi cử đang dần được xóa bỏ, người học hoàn toàn chủ động với chương trình học của mình.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học, chú trọng đánh giá quá trình của người học.

Việc tổ chức kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, khách quan và công bằng.

Nhà trường đã tách hoạt động khảo thí ra khỏi hoạt động đào tạo nhằm tăng cường tính khách quan trong quá trình đào tạo.

3. Tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác đánh giá chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác đánh giá. Từ đó, có sự cải tiến đánh giá để đảm bảo tính khách quan, trung thực và chính xác cho người học.

Tăng cường bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi và tăng cường giám sát công tác đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường

1. Mô tả

Trong quá trình tổ chức thực hiện CTĐT, cùng với việc chú trọng đến mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, công tác kiểm tra đánh giá người học cũng đặc biệt được quan tâm. Song song với việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá thì

việc thông báo kết quả đến người học cũng được nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Kết quả học tập của người học được công bố lưu trữ đầy đủ, chính xác theo đúng quy chế đào tạo cho các đối tượng (H4.4.5.1). Kết quả thi được công nhận hợp pháp khi có đầy đủ chữ ký theo quy định; kết quả thi được in thành 04 bản, 01 bản công bố cho người học biết, 01 bản lưu tại Bộ môn và bản còn lại gửi về TTKT&ĐBCLGD và bản gốc gửi phòng Đào tạo để làm cơ sở cho việc xét lưu ban, lên lớp, điều kiện dự thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp... Đối với học phần thực hành lâm sàng, hình thức thi kết thúc là vấn đáp hoặc thi trắc nghiệm trên máy, kết quả được công bố ngay sau khi kết thúc buổi thi. Đối với các học phần lý thuyết hình thức thi kết thúc là thi tự luận hoặc trắc nghiệm trên máy; kết quả được công bố chậm nhất trong vòng 1 tuần sau khi thi (H4.4.5.2). Để việc lưu trữ, quản lý kết quả học tập của người học được đầy đủ, chính xác, an toàn; Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý CMC, đây là phần mềm quản lý có các tính năng phù hợp cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp các báo cáo đã được Bộ GD&ĐT khuyến cáo dùng (H4.4.5.3). Bên cạnh đó, nhà trường đã có cán bộ chuyên trách để tiếp nhận và giải quyết kịp thời thắc mắc của người học về kết quả thi, đơn phúc khảo và các vấn đề liên quan đến kết quả học tập, tạo tâm lý ổn định và tin cậy của người học đối với nhà trường.

Tất cả các khoá tốt nghiệp, Nhà trường đều thông báo đầy đủ kết quả học tập theo đúng quy định trên cổng thông tin <http://www.ndun.edu.vn> (H4.4.5.4)

Nhà trường thực hiện việc cấp các loại văn bằng và chứng chỉ học tập theo đúng với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế. Sau khi người học trúng tuyển nhập học, Nhà trường làm văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế xét duyệt. Đây là căn cứ để khi khoá học kết thúc, Nhà trường sẽ làm văn bản đề nghị Bộ GD&ĐT cấp phôi bằng theo đúng danh sách báo cáo thí sinh trúng tuyển. Đối với các môn học đào tạo theo hình thức cấp chứng chỉ như ngoại ngữ, tin học, quản lý điều dưỡng...việc cấp phát, lưu trữ cũng được thực hiện theo đúng quy định hiện hành (H4.4.5.5).

Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Đào tạo Sau đại học theo dõi, cấp phát, lưu trữ hệ thống văn bằng cho các đối tượng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Trong 5 năm qua, việc cấp phát, lưu trữ hệ thống văn bằng chưa có sai sót xảy ra, không có trường hợp nào khiếu kiện và không có trường hợp nào vi phạm quy định (H4.4.5.6).

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được công bố công khai, kịp thời, chính xác theo quy chế hiện hành.

Việc cấp phát, quản lý, lưu trữ văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập theo đúng quy định, góp phần giữ vững uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về việc công bố kết quả học tập và cấp phát, lưu trữ văn bằng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về kết quả học tập và cấp phát, quản lý, lưu trữ văn bằng của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6

Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Để giúp người học có được thông tin về hoạt động đào tạo, Nhà trường thực hiện chế độ 3 công khai là: công khai về nguồn lực, công khai về chất lượng đào tạo và công khai về cơ sở vật chất thông qua cẩm nang sinh viên (H4.4.6.1). Ngoài ra, thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo còn được cập nhật thường xuyên thông qua website của Nhà trường theo địa chỉ <http://www.ndun.edu.vn> (H4.4.6.2). Từ đó, giúp cho người học lựa chọn phương thức đào tạo và ngành học phù hợp, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. Đầu mỗi khoá học, Nhà trường đã phổ biến về mục tiêu, chương trình đào tạo, điều kiện dự thi kết thúc học phần, điều kiện tốt nghiệp đến từng sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân (H4.4.6.3).

Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu từ trước năm 2010 để lưu trữ các thông tin. Công tác lưu trữ thông tin về CTĐT các năm, văn bản quy định đào tạo của Trường, điểm chuẩn đầu vào, điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển, danh sách SV các lớp, bảng điểm kết quả học tập các học phần, điểm đánh giá rèn luyện (theo lớp, cá nhân, từng học kỳ), thời khóa biểu các lớp, được lưu đủ trên sổ và trên máy tính tại Phòng Đào

tạo, Phòng Công tác SV và các khoa, bộ môn (H4.4.6.4). Danh sách, hồ sơ, thông tin về SV các khóa sau khi tốt nghiệp được lưu tại Phòng Đào tạo và Phòng Công tác SV theo quy định (H4.4.6.5). Phòng Công tác SV có phần mềm quản lý hồ sơ SV và được thường xuyên cập nhật (<http://www.ndun.edu.vn/index.php/hac-sinh-sinh-vian>)

Năm 2012, để có được thông tin chính xác về tình hình sinh viên sau tốt nghiệp, tình trạng việc làm và thu nhập; Nhà trường đã tiến hành khảo sát việc làm đối với sinh viên Đại học điều dưỡng chính quy Khoá I, II và sinh viên Cao đẳng chính quy khoá V, VI, VIII kết quả cho thấy có 35,9% có việc làm ngay và có 84% có việc làm sau 4 tháng đối với đại học. Đối với cao đẳng 50,8% có việc làm ngay và có 87,8% có việc làm sau 6 tháng (H4.4.6.6).

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc tuyên truyền các thông tin liên quan đến các hoạt động đào tạo giúp cho người học nắm được các thông tin về hoạt động đào tạo của nhà trường.

3. Tồn tại

Hiện nay trong cơ sở dữ liệu Nhà trường chưa có thông tin việc làm và thu nhập sau khi sinh viên tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của người hệ chính quy về tình trạng việc làm, mức thu nhập sau khi tốt nghiệp.

Lập cơ sở dữ liệu thông tin việc làm và thu nhập sau khi sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7

Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội

1. Mô tả

Đánh giá chất lượng đào tạo là công tác được nhà trường rất quan tâm và hằng năm nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện mục tiêu này như tiến hành khảo sát sinh viên các hệ đào tạo, tiến hành tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường... Trường đã tiến hành một cuộc điều tra lấy ý kiến phản hồi

của 136 cựu sinh viên liên thông chính quy khoá 7 và 8 về chương trình đào tạo của Nhà trường (H4.4.7.1). Bên cạnh đó, năm học 2015 – 2016, nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên khối đại học chính quy khóa 8 và cao đẳng chính quy khóa 15 trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường (H4.4.7.2). Kết quả của cuộc khảo sát được các đơn vị liên quan sử dụng như là cơ sở dữ liệu để tham khảo, từ đó lập ra kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội (H4.4.7.3).

Từ năm 2010 đến nay, trường đã điều chỉnh lại chương trình đào tạo cho phù hợp với tình hình mới và yêu cầu của xã hội. Nhiều chuyên ngành đào tạo mới được mở thêm nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của các cơ sở y tế, của xã hội trong lĩnh vực điều dưỡng (H4.4.7.4). Nhà trường tiếp tục có kế hoạch mở các mã ngành đào tạo mới như Cử nhân Y tế công cộng, Cử nhân Dinh dưỡng, Đại học Hộ sinh (H4.4.7.5).

Tuy nhiên việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên cũng như nhà tuyển dụng lao động chưa được nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy việc lập kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội gặp một số khó khăn nhất định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường bước đầu đã có những khảo sát về chất lượng đào tạo của người học sau khi ra trường và đã điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu xã hội.

3. Tồn tại

Chưa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp đối với tất cả các ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với nhà sử dụng lao động và người học sau khi ra trường thường xuyên hơn, từ đó điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Điểm nổi bật nhất trong hoạt động đào tạo của trường là trường đã xây dựng lộ trình và thực hiện triệt để việc chuyển đổi quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ, một phương thức đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi đồng thời cũng nâng cao tính chủ động cho người học. Đây chính là chìa khóa giúp công tác đào tạo của trường từng bước đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Và bắt đầu từ năm học 2014 - 2015, Nhà trường bắt đầu thực hiện CTĐT theo hệ thống tín chỉ và tổ chức đào tạo theo Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT cho sinh viên Đại học chính quy khóa 10 và từ năm học 2015 – 2016 cho tất cả các sinh viên trong toàn trường.

Trường đã đa dạng hóa các bậc, hệ và hình thức đào tạo nhằm mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Giảng viên của Nhà trường đã tích cực đổi mới các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học; đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá học tập theo hướng chú trọng hơn đến các kỹ năng tổng quát và tăng cường tính khách quan, công bằng, chính xác đáp ứng đúng trình độ được đào tạo.

Việc tổ chức đào tạo ở Trường đã diễn ra đa dạng và từng bước (từ xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đến việc cấp phát bằng tốt nghiệp) theo chuẩn mực để bảo đảm chất lượng đào tạo.

Hệ thống quản lý và lưu trữ kết quả học tập của người học đầy đủ và chính xác; kịp thời thông báo đến người học về kết quả học tập. Việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập của Nhà trường cho người học trong thời gian qua đảm bảo đúng qui định.

Tuy nhiên, những khó khăn trong quá trình triển khai phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ như: sự thụ động của người học trong việc xây dựng kế hoạch học tập cũng như đăng ký học phần trên phần mềm quản lý đào tạo, một số GV chưa sẵn sàng trong việc đổi mới phương pháp dạy-học và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, những hạn chế về cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin... cũng chính là những tồn vướng mắc, đòi hỏi Nhà trường sớm có giải pháp có tính đồng bộ và toàn diện để khắc phục những khó khăn nêu trên.

Từ năm 2016, Nhà trường tập trung vào các kế hoạch hành động chính như: tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy-học, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm

việc theo nhóm của người học; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác tổ chức hoạt động đào tạo hiệu quả; định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, người sử dụng lao động về chương trình giáo dục, công tác đánh giá, trong đó đặc biệt quan tâm đến khâu đánh giá quá trình người học; mở mã ngành và ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội; tiếp tục liên kết đào tạo về điều dưỡng bằng nhiều hình thức khác nhau, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7.

TIÊU CHUẨN 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Trường ĐHQĐNĐ có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và được đảm bảo quyền lợi theo quy định.

Nhà trường có kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng viên chức rõ ràng minh bạch, đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu đã đề ra; có chế độ, chính sách nhằm động viên, khuyến khích cán bộ viên chức học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; làm tốt công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ.

Tuy vậy, đội ngũ cán bộ giảng viên vẫn chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu phát triển của Nhà trường; chưa tuyển dụng được cán bộ theo đúng chuyên ngành Nhà trường cần, đặc biệt khó khăn trong việc tuyển dụng bác sĩ giảng dạy các môn Y học cơ sở.

Tiêu chí 5.1

Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý luôn được Trường ĐHQĐNĐ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn tới việc hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Trường thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm. Căn cứ tình hình thực tế với khối lượng công việc của các đơn vị, Trường xây dựng Đề án vị trí việc làm cho năm tiếp theo trình Bộ Y tế phê duyệt, trong đó thể hiện rõ các vị trí có nhu cầu cần tuyển dụng (H5.5.1.1). Căn cứ Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Đảng ủy Nhà trường họp để thống nhất chủ trương tuyển dụng, sau đó Trường xây dựng kế

hoạch tuyển dụng trình Bộ Y tế phê duyệt. Sau khi được Bộ Y tế đồng ý, Trường thực hiện Quy trình tuyển dụng viên chức theo quy định tại Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (H5.5.1.2). Các bước thực hiện tuyển dụng đều rất chặt chẽ và có sự giám sát của đại diện Bộ Y tế. Biểu mẫu và tiêu chí chấm các môn thi được Hội đồng tuyển dụng thống nhất và xây dựng rõ ràng. Các vị trí tuyển dụng đều có những yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể, phù hợp với vị trí việc làm. Thông báo tuyển dụng rõ ràng, minh bạch qua các phương tiện thông tin đại chúng như: đăng tin trên đài phát thanh và truyền hình Nam Định, đăng tải trên website của Trường, dán tại Bảng tin của Nhà trường... (H5.5.1.3). Trong giai đoạn 2010-2015, Nhà trường đã tuyển dụng được 92 viên chức, trong đó: năm 2010 tuyển dụng 18 viên chức; năm 2011 tuyển dụng 27 viên chức; năm 2013 tuyển dụng 05 viên chức; năm 2014 tuyển dụng 25 viên chức; năm 2016 tuyển dụng 17 viên chức. Do việc tuyển dụng bác sỹ vẫn gặp rất nhiều khó khăn nên trong tổng số 92 viên chức được tuyển dụng trong 05 năm qua thì chỉ có 19 bác sỹ (*chiếm 20,7%*).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên cũng được Nhà trường được chú trọng phát triển mạnh. Nhà trường đã xây dựng Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2015-2020 (H5.5.1.4), hàng năm Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức theo quy hoạch đã được duyệt của từng giai đoạn (H5.5.1.5). Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ viên chức khi đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn (H5.5.1.6). Vì thế, trong giai đoạn 2010-2015, đã có 8 nghiên cứu sinh, 73 người đi học cao học, 33 người đi học chuyên khoa I và chuyên khoa II, 59 người đi học nghiệp vụ quản lý nhà nước, 9 người đi học cao cấp lý luận chính trị và 30 người đi học trung cấp lý luận chính trị. Ngoài ra, còn có nhiều cán bộ, giảng viên được cử đi tham gia các lớp bồi dưỡng, hội thảo ngắn hạn về nghiệp vụ như: nghiệp vụ đấu thầu, phòng cháy chữa cháy, quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng, tập huấn công tác Tổ chức cán bộ, văn thư lưu trữ, tập huấn giảng viên các môn Lý luận chính trị... Tổng số lượt đi bồi dưỡng nghiệp vụ trong giai đoạn 2010-2015 là 901 lượt

Đối với công tác quy hoạch cán bộ, Trường căn cứ Công văn số 5040/BYT-

TCCB ngày 19/8/2011 của Bộ Y tế về việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý (H5.5.1.7); Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 8/5/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp (H5.5.1.8) và đã thực hiện tốt công tác Quy hoạch cán bộ. Giai đoạn 2010-2015, đã thực hiện quy hoạch 02 đồng chí vào chức danh Hiệu trưởng; 03 đồng chí vào chức danh Phó Hiệu trưởng; 44 đồng chí vào chức danh Trưởng phòng/Trung tâm và tương đương; 53 đồng chí vào chức danh Phó Trưởng phòng /Trung tâm và tương đương; Giai đoạn 2015-2020, Trường đã quy hoạch 04 đồng chí vào chức danh Hiệu trưởng; 12 đồng chí vào chức danh Phó Hiệu trưởng; 34 đồng chí vào chức danh Trưởng khoa (phòng, trung tâm) và tương đương; 41 đồng chí vào chức danh Phó Trưởng phòng (Trung tâm) và tương đương; 37 đồng chí vào chức danh Trưởng bộ môn trực thuộc Khoa; 48 đồng chí vào chức danh Phó trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa (H5.5.1.9);

Song song với công tác quy hoạch cán bộ công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý của Trường cũng được Đảng ủy, Ban Giám hiệu thực hiện đúng quy trình quy định tại Quyết định 29/2006/QĐ-BYT ngày 29/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ; Quyết định số 2060/QĐ-ĐDN ngày 10/12/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐHĐDNĐ Quy định Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, viên chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng Trường ĐHĐDNĐ (H5.5.1.9). Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn bổ nhiệm cũng được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-BYT ngày 24/1/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế (H5.5.1.10); Các đồng chí được bổ nhiệm đều có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định và điều thuộc diện đã được quy hoạch. Hiện nay đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường đã đáp ứng được mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường. Phần lớn lãnh đạo các đơn vị đều có trình độ sau đại học (*64/80 người, chiếm 80%*). Giai đoạn 2010-2015, Nhà trường đã bổ nhiệm 01 đồng chí Hiệu trưởng; 05 đồng chí Phó Hiệu trưởng; 92 đồng chí trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Trường (H5.5.1.11)

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý rõ ràng; việc triển khai đúng quy trình, công khai, minh bạch nên tạo

được sự đồng thuận của cán bộ.

3. Tồn tại

Công tác dự báo trong việc lập kế hoạch chưa đạt hiệu quả như mong muốn, vì vậy mặc dù nhà trường đã rất chú trọng phát triển đội ngũ, song số lượng giảng viên trình độ bác sỹ vẫn còn thiếu so với nhu cầu phát triển của Nhà trường.

Nhiều giảng viên có trình độ bác sỹ chưa đạt trình độ sau đại học.

4. Kế hoạch hành động

Chú trọng hơn nữa việc lập kế hoạch, dự báo khả quan mức độ thay đổi lớn mạnh trong tương lai nhằm điều chỉnh, định hướng đúng kế hoạch trong phát triển của nhà trường.

Trong các năm tiếp theo tập trung đào tạo sau đại học đối với đội ngũ bác sỹ nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học

1. Mô tả

Trường ĐHQĐNĐ đã xây dựng được môi trường dân chủ để tất cả cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến một cách rộng rãi trong tất cả các hoạt động của Nhà trường. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, lãnh đạo các đơn vị đã thể hiện được vai trò, chức năng của mình, luôn tạo ra môi trường dân chủ, đoàn kết nhất trí trong toàn thể CBVC và người lao động để cùng hướng đến mục tiêu xây dựng và phát triển Nhà trường một cách bền vững.

Để tạo môi trường dân chủ, Nhà trường thường xuyên tổ chức các Hội nghị, Hội thảo để CBVC đóng góp ý kiến cho các chủ trương kế hoạch và các hoạt động của nhà trường. Cụ thể như sau:

Trường tổ chức đại hội CBVC hàng năm để tiếp nhận ý kiến góp ý, phản ánh của CBVC về tất cả các mặt hoạt động. Việc tổng hợp ý kiến từ các cá nhân, đơn vị cấp cơ sở và được trao đổi, trả lời ngay trong cuộc họp phản ánh rõ nét quyền dân chủ trong trường. Thông qua đó, các cá nhân có cơ hội bày tỏ tâm tư, thắc mắc và góp ý cho

công tác quản lý nhà trường. Các cấp lãnh đạo có thể nắm bắt điều chỉnh và có những hướng đi mới trong công tác quản lý phát triển nhà trường. (H5.5.2.1)

Nhà trường đã xây dựng Quy chế dân chủ trong nhà trường và đã được Bộ Y tế phê duyệt, đây là cơ sở để nhà trường tổ chức triển khai mọi hoạt động của Nhà trường đến mọi Công chức, viên chức, người lao động và Sinh viên, học viên trong nhà trường đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động của Nhà trường.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng và quản lý tài chính trong trường cũng được thực hiện công khai. Hàng năm, tại Hội nghị CNVC nhà trường đã tổ chức các cuộc Hội nghị đóng góp ý kiến, xây dựng và sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng quy chế làm việc... 100% Công chức, viên chức, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến công khai, dân chủ để xây dựng, từng bước hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc của Nhà trường (H5.5.2.2).

Hàng năm, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng: Tuyển dụng viên chức, Thi đua - khen thưởng, kỷ luật, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng khoa học đào tạo, Hội đồng tự đánh giá v.v.. để tư vấn tham mưu cho Hiệu trưởng triển khai mọi hoạt động của Nhà trường bảo đảm tính công khai, minh bạch

Để đảm bảo tốt công tác thanh tra, kiểm tra, Trường thành lập Phòng Thanh tra. Phòng Thanh tra có chức năng giúp Hiệu trưởng trong việc thanh tra, kiểm tra nội bộ trên các mặt hoạt động của nhà trường, việc chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và cá nhân trong đơn vị; Thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo (H5.5.2.3); (H5.5.2.4); (H5.5.2.5). Việc giải quyết các đơn từ khiếu nại, tố cáo của Nhà trường được tiến hành đúng quy định và phù hợp với pháp luật, mọi công việc đều được công khai minh bạch. Trong những năm qua Nhà trường không có vụ khiếu nại nào xảy ra. Kênh trao đổi thông tin giữa các cấp lãnh đạo trường và đội ngũ cán bộ công nhân viên cũng rất được chú trọng, các ý kiến đóng góp, thắc mắc có thể trao đổi nhanh chóng và đảm bảo tính an toàn thông qua Email trên mạng Internet của trường (H5.5.2.6).

2. Điểm mạnh

Hàng năm trường tổ chức Đại hội, Hội nghị để cán bộ viên chức đóng góp ý kiến cho các kế hoạch, chủ trương của trường.

Có lịch tiếp công dân của Lãnh đạo nhà trường và phòng Thanh tra để tiếp nhận ý kiến, giải quyết các khiếu nại tố cáo nếu có.

Phòng Thanh tra làm việc có hiệu quả và đảm bảo tốt tính chất dân chủ, khách quan trong các hoạt động của trường.

3. Tồn tại

Thực hiện tốt quyền dân chủ trong trường đại học đặc biệt trong việc tiếp nhận ý kiến đóng góp của các cá nhân tập thể trong công tác xây dựng nhà trường. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan, việc điều chỉnh, thay đổi ngay còn gặp nhiều khó khăn và cần được cân nhắc.

4. Kế hoạch hành động

Đảm bảo tốt hơn nữa quyền dân chủ trong mọi mặt hoạt động của trường. Từ việc giải quyết hợp lý nguyện vọng của cá nhân đến việc tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương kế hoạch lớn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3

Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

1. Mô tả

Nhà trường có chính sách cụ thể về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. Trường luôn luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước.

Quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ về việc hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước (H5.5.3.1). Các văn bản hướng dẫn CBVC làm thủ tục đi học tập, nghiên cứu được phổ biến tới các CBVC, giúp CBVC dễ dàng làm thủ tục, giấy tờ. Đối với những CBVC được đi học tập, nghiên cứu Nhà trường đều có Quyết định cử đi học (H5.5.3.2). Có chế độ khen thưởng đối với những CBVC được cử đi học sau khi tốt nghiệp, hỗ trợ kinh phí cho CBVC tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra trường còn khuyến khích cán bộ, viên chức theo học các lớp ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ (H5.5.3.2); (H5.5.3.4). Nhà trường còn hợp đồng với các Giáo sư, các nhà khoa học giỏi đến giảng dạy và đào tạo cán bộ trẻ. Phối

hợp với các tổ chức quốc tế, các trường đại học ở nước ngoài để đào tạo giảng viên.

Các chế độ khen thưởng được công khai, cụ thể: GV - CBCNV được nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân sẽ được nhà trường thưởng 12,5 lần lương tối thiểu/người; danh hiệu Nhà giáo ưu tú sẽ được nhà trường thưởng 9 lần mức lương tối thiểu/người; danh hiệu Vì sự nghiệp Giáo dục, “Vì sức khỏe nhân dân” thưởng 0.6 lần mức lương tối thiểu/người; Chiến sĩ thi đua cấp bộ được thưởng 4 lần mức lương tối thiểu/người; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở được thưởng 1 lần mức lương tối thiểu/người; danh hiệu Lao động giỏi sẽ được nhà trường thưởng 200.000 đồng/người. (H5.5.3.3).

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã mở nhiều lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên (H5.5.3.4). Bên cạnh việc tổ chức các lớp tập huấn, Trường đã cử hàng trăm lượt cán bộ quản lý và giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước (H5.5.3.5). Những đợt tập này đã giúp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, từ đó giúp nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hàng năm, nhà trường xây dựng báo cáo về việc thực hiện chính sách, các biện pháp nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài báo cáo Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT như: Trường hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; thanh toán tiền tàu xe; được hỗ trợ thêm tiền ăn, ở cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng. Đối với những cán bộ, giảng viên tham gia đi làm nghiên cứu sinh hoặc học cao học được Trường hỗ trợ tiền học phí, được hưởng nguyên lương, được hưởng các quyền lợi như những viên chức đang làm việc, được thanh toán tiền giờ giảng (nếu có tham gia giảng dạy).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả to lớn đạt được từ các hoạt động trên, ở trường vẫn còn tình trạng chảy máu chất xám, cho đi đào tạo nhưng lại không trở về phục vụ đào tạo tại trường. Mặc dù đã có những biện pháp hạn chế, song tình trạng này vẫn còn như một vấn nạn chung của toàn xã hội.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Quy định cụ thể các mức hỗ trợ về thời gian cũng như kinh phí cho những cán bộ công chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở cả trong và ngoài nước.

Có chế độ khen thưởng cho những cán bộ viên chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Mặc dù đã có những biện pháp hạn chế, song hiện tượng chảy máu chất xám vẫn còn xảy ra dù không đáng kể. Nhà trường chưa có những biện pháp thực sự hiệu quả để ngăn chặn hết tình trạng này.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục tạo điều kiện về thời gian và tài chính cho những CBVC tham gia các hoạt động bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng giáo dục của cán bộ công chức nhà trường.

Có biện pháp mềm dẻo, chặt chẽ nhằm hạn chế tình trạng chảy máu chất xám sau khi đã hỗ trợ về mọi mặt cho cán bộ công nhân viên đi học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường hiện có 80 người từ cấp trưởng phó các Bộ môn, các khoa, phòng trực thuộc đến hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng. Về trình độ chuyên môn có 14 tiến sỹ và bác sỹ chuyên khoa II (đạt 17,5%), 51 thạc sỹ và chuyên khoa I (đạt 63,75%), 15 cử nhân và bác sỹ (đạt 18,75%); về cơ cấu giới tính có 38 nữ (đạt 47,5%) và 42 nam (đạt 52,5%). Qua số liệu thống kê trên cho thấy đội ngũ quản lý của Trường đạt trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ cao (đạt 80%), đồng thời có cơ cấu cân đối về mặt giới tính. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, Trường còn chú trọng bồi dưỡng năng lực quản lý và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. Đã có 08 lượt cán bộ quản lý được cử đi học cao cấp lý luận chính trị-hành chính, 30 lượt cán bộ quản lý được cử đi học trung cấp lý luận chính trị-hành chính. Những đồng chí mới được bổ nhiệm, Nhà trường sẽ cử đi học lý luận chính trị-hành chính vào những năm tiếp theo. Nhà trường đã tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho 55 lượt

cán bộ quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cho 19 lượt cán bộ quản lý. Ngoài ra, cán bộ quản lý từng lĩnh vực còn được cử đi dự các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề hàng năm (H5.5.4.1). Với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ như trên cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường hoàn toàn có đủ trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của Nhà trường, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý. Các cán bộ quản lý đều được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ, đúng quy trình, đảm bảo công khai, dân chủ và đủ tiêu chuẩn theo quy định, có đủ khả năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (H5.5.4.2). Trước khi được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, viên chức phải làm bản tự nhận xét, đánh giá có ý kiến của tập thể nơi đồng chí đó công tác và được lãnh đạo Nhà trường nhận xét; có ý kiến nhận xét của nơi cư trú. Hàng năm, các đồng chí đảng viên đều được cấp ủy nơi cư trú nhận xét theo quy định 76 của Bộ Chính trị. Qua các ý kiến nhận xét của các tập thể và cá nhân đối với các đồng chí lãnh đạo quản lý cho thấy các đồng chí đều có phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm túc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành, của Trường (H5.5.4.3)

Vào dịp cuối năm học hàng năm, các đơn vị tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua đối với tập thể và cá nhân thuộc đơn vị, sau đó gửi kết quả bình xét về Hội đồng Thi đua khen thưởng Nhà trường. Trên cơ sở kết quả bình xét của các đơn vị, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường tiến hành họp để thống nhất các danh hiệu thi đua đối với các tập thể và cá nhân. Trong giai đoạn 2010-2015, đội ngũ cán bộ quản lý, các tập thể đã được tặng nhiều huân chương, bằng khen, chiến sỹ thi đua các cấp (H5.5.4.4).

Bên cạnh đó, các đồng chí lãnh đạo quản lý còn được đánh giá, phân loại ở thời điểm cuối năm. Kết quả đánh giá qua các năm cho thấy, đội ngũ cán bộ quản lý đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhiều đồng chí đảng viên được tặng danh hiệu đảng viên xuất sắc. Đảng bộ Trường ĐHDDNĐ luôn đạt tiêu chuẩn “*Đảng bộ trong sạch vững mạnh*” (H5.5.4.3). Từ năm 2010 đến năm 2015, không có đồng chí cán bộ quản lý nào bị kỷ luật hoặc vi phạm các quy định về đạo đức và những điều Đảng viên không được làm. Tuy nhiên Nhà trường chưa triển khai thăm dò ý kiến đánh giá của cán bộ viên chức

về năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý.

2. Điểm mạnh

Do Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nên chất lượng đội ngũ quản lý đảm bảo chất, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý tốt, đáp ứng với yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp được thực hiện đúng quy trình và tiêu chuẩn

Công tác đánh giá thường xuyên cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng được yêu cầu về phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa triển khai công tác thăm dò ý kiến đánh giá của cán bộ viên chức về năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường triển khai xây dựng các tiêu chí thăm dò ý kiến của cán bộ viên chức về năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5

Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên

1. Mô tả

Tính đến thời điểm tháng 06/2016, tổng số giảng viên cơ hữu của Trường ĐHDDNĐ 206 người, trong đó có 12 tiến sĩ, 78 thạc sĩ, 02 bác sĩ chuyên khoa cấp II và 33 trình độ chuyên khoa cấp I, tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm 60,7% (H5.5.5.1). Ngoài trình độ chuyên môn, giảng viên của trường đều có tin học và ngoại ngữ trình độ B trở lên; giảng viên sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác giảng dạy. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, trường còn mời 293 giảng viên thỉnh

giảng thuộc các bệnh viện thực hành tuyển trung ương, tuyển tỉnh và giảng viên của các trường trong khối ngành Y, Dược; ngoài ra còn có đội ngũ giáo sư, tiến sĩ có trình độ chuyên môn sâu về điều dưỡng từ nước có uy tín (H5.5.5.2).

Hiện nay, Trường ĐHQĐHN đang đào tạo 02 chuyên ngành là điều dưỡng và hộ sinh ở các trình độ: Cao đẳng Điều dưỡng; Cao đẳng Hộ sinh; Đại học Điều dưỡng; Chuyên khoa cấp I Điều dưỡng; Thạc sĩ Điều dưỡng.

Đối với đào tạo chuyên ngành Hộ sinh: Trường ĐHQĐHN là đơn vị đầu tiên trong ngành Y tế đang hoàn thiện hồ sơ mở mã ngành đào tạo Đại học Hộ sinh. Vì thế đội ngũ giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn để mở mã ngành Cao đẳng Hộ sinh là các giảng viên có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II thuộc các chuyên ngành gần như phụ sản, nhi... Hiện nay Trường có 02 bác sĩ chuyên khoa II phụ sản và nhi; 06 thạc sĩ và chuyên khoa I chuyên ngành phụ sản và nhi, 04 cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản tham gia giảng dạy chuyên ngành đối với đào tạo Cao đẳng Hộ sinh cho 150 sinh viên ngành Cao đẳng Hộ sinh. Như vậy, đối với chuyên ngành Hộ sinh, tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên quy đổi đạt $120/8,7 = 13,8$ sinh viên/1 giảng viên, tỷ lệ này hoàn toàn phù hợp với quy định hiện nay của Bộ GD&ĐT (H5.5.5.3).

Đối với đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng: Nhà trường đã nhiều năm thực hiện đào tạo Đại học Điều dưỡng, Cao đẳng Điều dưỡng và bắt đầu từ năm 2014 Nhà trường được Bộ GD&ĐT cho phép được đào tạo thí điểm Thạc sĩ điều dưỡng trong hai năm 2014, 2015. Sau 02 năm đào tạo có hiệu quả, năm 2016 Bộ GD&ĐT cho phép trường tiếp tục đào tạo thạc sĩ điều dưỡng. Tham gia đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng gồm có 12 tiến sĩ, 105 thạc sĩ và chuyên khoa I, 77 đại học (trong đó có 8 tiến sĩ y học, điều dưỡng; 50 thạc sĩ và chuyên khoa điều dưỡng, y học). Các giảng viên trình độ sau đại học về điều dưỡng đều được đào tạo ở những nước có uy tín. Tham gia vào chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường còn có 10 giáo sư, tiến sĩ điều dưỡng quốc tế đến từ Đại học thành phố Birmingham (vương quốc Anh), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan) và Baylor (Hoa Kỳ). Đối với chuyên ngành điều dưỡng, tổng số sinh viên hệ chính quy là 2749 sinh viên. Tỷ lệ tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên quy đổi đạt $2652/193,68 = 13,7$ sinh viên/1 giảng viên, tỷ lệ này hoàn toàn phù hợp với quy định hiện nay của Bộ GD&ĐT (H5.5.5.4).

Bên cạnh đó, các giảng viên còn tham gia công tác nghiên cứu khoa học nhằm nghiên cứu sâu hơn về chuyên môn và những vấn đề mới liên quan đến lĩnh vực giảng dạy của mình. Trong những năm qua, nhiều công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được nghiệm thu và được đánh giá cao (H5.5.5.5).

Hiện nay trình độ tiến sĩ của giảng viên vẫn còn thấp nên trong những năm gần đây, Nhà trường đã đẩy mạnh công tác phát triển đội ngũ giảng viên. Hàng năm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo (H5.5.5.6). Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng các giảng viên có trình độ sau đại học, đặc biệt là bác sỹ có trình độ sau đại học. Tuy nhiên, các giảng viên đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn để vừa học tập nâng cao trình độ, vừa hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Hàng năm, Trường thực hiện các chính sách ưu đãi như giữ nguyên lương trong thời gian đi học sau đại học; được hỗ trợ học phí, tiền tàu xe, tiền nhà trọ....để tạo động lực cho đội ngũ giảng viên tiếp tục đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu đến năm 2020 sẽ có 100% giảng viên đạt trình độ thạc sỹ trở lên, nhằm giảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo đúng mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (H5.5.5.7).

2. Điểm mạnh

Trường ĐHDDNĐ là đơn vị tiên phong trong đào tạo các ngành mới. Trường có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Giảng viên đạt trình độ tiến sĩ còn thấp.

Tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên quy đổi của Trường vẫn còn cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, đẩy mạnh công tác đào tạo giảng viên. Ưu tiên các giảng viên chuyên ngành y học, điều dưỡng đi học sau đại học, đặc biệt có chính sách ưu đãi cho các giảng viên đi học tiến sĩ.

Từ năm 2017, tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng theo hướng nâng cao chất lượng, ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6

Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Theo số liệu thống kê tại thời điểm tháng 6/2016, tổng số giảng viên cơ hữu của Trường ĐHDDNĐ là 206 người, trong đó có 14 tiến sỹ và bác sỹ chuyên khoa II, 111 thạc sỹ và chuyên khoa I, còn lại 81 người đạt trình độ đại học (H5.5.6.1). Như vậy, đội ngũ giảng viên đạt trình độ sau đại học là 125 người (*chiếm 60,7%*). Qua số liệu trên cho thấy đội ngũ giảng viên của Trường đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Tuy nhiên, giảng viên trình độ tiến sỹ vẫn còn thấp 12/206 giảng viên (*chiếm 5,8%*). Các giảng viên được tuyển chọn ngay từ khâu tuyển dụng, do đó 100% giảng viên của Trường được bố trí công việc giảng dạy phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

Trong những năm học vừa qua, Nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là nâng cao trình độ chuyên môn theo quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với giảng viên hàng năm (H5.5.6.2). Nhà trường có chính sách hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được thể hiện rõ trong “*Quy chế chi tiêu nội bộ*” của trường (H5.5.6.3). Do có kế hoạch và cơ chế đãi ngộ tốt, nên giảng viên của Trường tích cực học tập nâng cao trình độ. Cụ thể, năm 2010 số lượng giảng viên đạt trình độ sau đại học chỉ có 48 người/181 giảng viên (*chiếm 26,5%*), nhưng hiện nay con số này đã tăng lên đáng kể là 125 người/206 giảng viên (*chiếm 61%*) (H5.5.6.4).

Việc phân công giảng dạy của giảng viên được thực hiện từ cấp bộ môn, các bộ môn căn cứ vào chuyên ngành được đào tạo của từng giảng viên trong đơn vị và tổng số giờ giảng của bộ môn để phân công giờ giảng phù hợp. Phòng Đào tạo Đại học và phòng Đào tạo Sau đại học rà soát, để xây dựng kế hoạch giảng dạy từng năm học và tổ chức đăng ký lịch giảng hàng tuần cho các bộ môn, đồng thời tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác quản lý giờ giảng các đơn vị. Việc phân công giảng dạy từ cơ sở

lên đã giúp Nhà trường giao nhiệm vụ giảng dạy theo đúng trình độ chuyên môn được đào tạo đối với từng giảng viên (H5.5.6.5).

Cùng với năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo thì trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. 100% cán bộ giảng dạy khi tham gia tuyển dụng có đủ các chứng chỉ theo yêu cầu. Trong đó có 14 giảng viên đạt trình độ cử nhân tiếng Anh trở lên và 6 giảng viên đạt trình độ cử nhân công nghệ thông tin trở lên (H5.5.6.6). Thực tế, đa số giảng viên của trường sử dụng máy tính thành thạo, sử dụng được các phần mềm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học như: phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Powerpoint, phần mềm thống kê SPSS, Stata.... Một số giảng viên trẻ của Nhà trường đã chủ động tự học tiếng Anh, tiếng Nhật để nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ và tham gia học tiến sỹ, thạc sỹ tại nước ngoài. Tuy nhiên, mặc dù rất cố gắng nhưng kỹ năng giao tiếp, đọc dịch ngoại ngữ của giảng viên còn rất hạn chế, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành.

Do có trình độ năng lực chuyên môn phù hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy nên công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường cũng được đẩy mạnh. Kết quả là trong 5 năm gần đây nhiều bài báo khoa học của giảng viên đã được đăng ở tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, gồm: 06 bài đăng tạp chí khoa học quốc tế, 63 bài đăng tạp chí khoa học trong nước, 67 bài đăng tạp chí/tập san cấp trường. Ngoài ra còn có 04 đề tài cấp bộ, 86 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (H5.5.6.7).

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn, tích cực tự bồi dưỡng tin học và ngoại ngữ, có triển vọng hội nhập khu vực và quốc tế.

Chương trình giảng dạy được phân công phù hợp với trình độ chuyên môn của giảng viên vì vậy đảm bảo năng lực giảng dạy phù hợp với mục tiêu đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Tồn tại

Số lượng giảng viên có học vị tiến sỹ còn thấp.

Do trình độ ngoại ngữ còn hạn chế nên số lượng giảng viên đi học sau đại học ở nước ngoài còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

- Trong những năm tới, Trường tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên đi học sau đại học, đặc biệt là giảng viên đi học sau đại học ở nước ngoài.

- Năm 2017, tiếp tục cử giảng viên đi học ngoại ngữ và sau đại học, đặc biệt chú trọng giảng viên trình độ bác sỹ, điều dưỡng. Phấn đấu mỗi năm cử ít nhất 1-2 giảng viên đi học tiến sỹ và 10-12 giảng viên đi học thạc sỹ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7

Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Mục tiêu của Nhà trường từ nay đến năm 2020 là xây dựng và phát triển Trường ĐHQĐ-NĐ trở thành Trường Đại học trọng điểm của ngành Điều dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực Điều dưỡng có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt góp phần vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Muốn đạt được các mục tiêu nói trên, cần phải có một đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn vững vàng. Do vậy, việc xác định chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ chính là công tác trọng tâm trong mọi kế hoạch phát triển.

- Về kinh nghiệm thâm niên giảng dạy của giảng viên: 48 người có thâm niên dưới 5 năm (23,3%); 66 người có thâm niên từ 5-10 năm (32%); 62 người có thâm niên từ 11-20 năm (30%); 30 người có thâm niên 21 năm trở lên (14,6%) (H5.5.7.1)

- Độ tuổi giảng viên cơ hữu của trường: có 47 người dưới 30 tuổi (22,8%); có 91 người trong độ tuổi từ 30-40 tuổi (44,2%); có 39 người trong độ tuổi từ 41-50 tuổi (18,9%); có 29 người trong độ tuổi trên 50 (14.1%) (H5.5.7.1)

Qua thống kê tuổi đời và thâm niên công tác của giảng viên cho thấy cơ cấu tuổi giữa đội ngũ giảng viên của Nhà trường hiện nay khá hợp lý và được trẻ hóa, tỷ lệ giảng viên có kinh nghiệm và đội ngũ giảng viên trẻ kế thừa tương đương nhau. Đây là một lợi thế của nhà trường trong việc đào tạo và phát triển về năng lực chuyên môn. Theo đó, nhà trường đã ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm và có chính sách hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện cho cán bộ đi học tập trong và ngoài nước, cập

nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, có khả năng hội nhập (H5.5.7.2).

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng giảng viên trẻ để bổ sung nguồn nhân lực để thay thế giảng viên đến tuổi nghỉ hưu. Do đặc thù của Nhà trường là đào tạo về Điều dưỡng, đây là ngành mới của đất nước, nên mặc dù trong những năm vừa qua giảng viên của Nhà trường rất tích cực đi học tập nâng cao trình độ, nhưng tỷ lệ giảng viên Điều dưỡng có trình độ sau đại học hiện nay vẫn còn thấp. Hiện nay trường mới chỉ có 03 tiến sỹ điều dưỡng, 09 thạc sỹ điều dưỡng, 27 chuyên khoa cấp I điều dưỡng và 23 người đang đi học thạc sỹ điều dưỡng. Số lượng giảng viên trình độ sau đại học về điều dưỡng chủ yếu là các giảng viên có tuổi đời còn trẻ.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên trẻ, năng động và sáng tạo, có khả năng nhanh chóng hội nhập với khu vực và thế giới, là yếu tố cơ bản để Trường nhanh chóng đổi mới, tiếp cận khoa học tiên tiến, hiện đại, là mũi nhọn để phát triển đào tạo điều dưỡng, đặc biệt là điều dưỡng sau đại học.

3. Tồn tại

Giảng viên trẻ ít kinh nghiệm trong công tác chuyên môn.

Tỷ lệ giảng viên điều dưỡng trình độ sau đại học về điều dưỡng còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ giảng viên, ưu tiên giảng viên trẻ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và học tập ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ và kinh nghiệm công tác. Có chế độ khuyến khích giảng viên điều dưỡng đi học sau đại học.

Hàng năm, tổ chức các hội thảo/sinh hoạt khoa học để trao đổi kinh nghiệm giữa các giảng viên

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.8

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Bên cạnh việc tăng cường công tác tuyển dụng đội ngũ giảng viên, Trường ĐHDDND đã thực hiện tuyển chọn đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, phục vụ hiệu quả cho việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt được các mục tiêu chung của Trường.

Hiện nay, Trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên được phân công công việc tại các phòng, trung tâm, các bộ môn.... theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Y tế phê duyệt. Số lượng kỹ thuật viên, nhân viên của trường là 116 người trong tổng số 328 cán bộ viên chức (chiếm 35,5%). Trong đó 84 người biên chế và 32 người là hợp đồng lao động theo Nghị định 68 (H5.5.8.1). Nhiệm vụ của kỹ thuật viên và nhân viên được phân công phù hợp với vị trí việc làm, hỗ trợ và phục vụ có hiệu quả cho các cán bộ quản lý, giảng viên trong việc sử dụng các trang thiết bị giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên chia theo trình độ chuyên môn gồm có 10 thạc sỹ và 01 điều dưỡng chuyên khoa cấp I; 47 đại học; 58 trình độ khác và gồm các nhóm như sau:

- *Nhóm kỹ thuật viên*: gồm 30 người thực hiện nhiệm vụ của kỹ thuật viên tại các Bộ môn theo vị trí việc làm.

- *Nhóm chuyên viên, cán sự tại các phòng*: gồm 30 người, thực hiện công tác tham mưu theo vị trí việc làm tại các phòng chức năng.

- *Nhóm Thư viện viên*: gồm 6 người, thực hiện nhiệm vụ quản lý tài liệu thư viện, phục vụ sinh viên tìm kiếm, khai thác thông tin tại Thư viện.

- *Nhóm Kế toán viên*: gồm 10 người, thực hiện thanh toán chế độ tiền lương, học bổng, thu học phí...cho cán bộ viên chức và sinh viên toàn trường.

- *Nhóm Y tế*: gồm 03 người thực hiện nhiệm vụ y tế cơ quan.

- *Nhóm nhân viên phục vụ*: gồm 37 người, thực hiện các công việc: bảo vệ, tạp vụ, vệ sinh phòng học, vệ sinh cảnh quan và lái xe.

Trong những năm gần đây, từ việc tuyển chọn đội ngũ đảm bảo chuẩn về trình độ cho đến sự quan tâm tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho việc học tập nâng cao trình độ, nên đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường đã có khả năng bảo trì và sử dụng thành thạo các máy móc, trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Hàng năm, nhà trường đều cử đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như tham gia các khóa đào tạo sau đại học, tập huấn về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, các lớp quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính (H5.5.8.2). Bên cạnh đó, nhà trường còn có cơ chế hỗ trợ về kinh phí cho cán bộ viên chức trong đó có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên khi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do nhà trường cử đi (H5.5.8.2). Số lượng tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ từ 2010 đến nay cụ thể như sau:

- Học cao học: 9 người.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên viên chính: 3 người.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên viên: 5 người.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản: 12 người.
- Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy: 56 người.
- Huấn luyện an toàn-vệ sinh lao động: 07 người.
- Bồi dưỡng kiến thức về văn thư lưu trữ: 01-02 người mỗi năm.
- Tập huấn công tác Tổ chức cán bộ: 02-04 người mỗi năm theo chuyên đề.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trẻ, năng động, đủ về số lượng và được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học và các hoạt động quản lý khác của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội thảo... để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường có trình độ sau đại học còn ít.

Số lượng kỹ thuật viên và nhân viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ 2016, nhà trường xây dựng kế hoạch hàng năm để cử kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Phát triển nguồn nhân lực về số lượng lẫn chất lượng là một trong những nhiệm vụ quan trọng thường xuyên được Nhà trường quan tâm đặt ra. Trường ĐHĐDNĐ đã đề ra được một chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV tổng thể nằm trong chiến lược phát triển của Trường. Về cơ bản, Trường đã xây dựng được một đội ngũ đảm bảo về số lượng, cơ cấu độ tuổi hợp lý và có xu hướng trẻ hóa. Đội ngũ CBQL của Trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ và công tác được giao. Trường có đội ngũ GV được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn tốt, có thâm niên công tác giảng dạy. Đội ngũ CBGV ngày càng được trẻ hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ cả về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ ở trong và ngoài nước.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục tuyển dụng CBGV trẻ có năng lực tốt để bổ sung cho các đơn vị. Tăng cường việc bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên nhằm không ngừng nâng cao trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc thực hiện thành công chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục theo Nghị Quyết 29 của Đảng.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

TIÊU CHUẨN 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện sứ mạng và mục tiêu của mình, Trường ĐHDDNĐ đã xác định Người học là trọng tâm trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho cả nước nói chung và các địa phương trong khu vực miền Bắc nói riêng. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khoẻ theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động văn thể mỹ, được đảm bảo an toàn trong trường học; được rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức lối sống, được tham gia các hoạt động đoàn thể...

Tiêu chí 6.1

Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Trường tuyển sinh và đào tạo các đối tượng Cao học điều dưỡng, Điều dưỡng Chuyên khoa cấp I, Đại học Điều dưỡng chính quy, Đại học liên thông, Cao đẳng Điều dưỡng chính quy, Cao đẳng hộ sinh chính quy. Vào đầu khóa học, các tân học viên/sinh viên được nghe trình bày về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, học tập các quy định trong qui chế đào tạo, quy chế kiểm tra đánh giá, thông qua Tuần sinh hoạt công dân (H6.6.1.1).

Bên cạnh đó, trường luôn tạo mọi điều kiện để sinh viên tiếp cận đầy đủ các qui chế của Bộ GD&ĐT và các quy định của nhà trường, cụ thể: Mỗi sinh viên đến nhập học bên cạnh việc được nghe các thầy cô giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập, các chuyên viên của các đơn vị hướng dẫn, cung cấp thông tin, sinh viên còn được phát 01 quyển Cẩm nang sinh viên có in đầy đủ các Quy chế, Quy định, Chương trình chi tiết các ngành, các chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập năm học cho từng đối tượng mà sinh viên sẽ theo học (H6.6.1.2).

Nhà trường đưa lên trang Website (www.ndun.edu.vn) của trường tất cả các thông tin cần thiết về mục tiêu, các chương trình đào tạo, các văn bản quy chế của Bộ, các chuẩn đầu ra đối với từng đối tượng đào tạo. Sinh viên được làm thẻ sinh viên đa năng (có mã sinh viên kết hợp thẻ ATM), cung cấp tài khoản riêng trên mạng để sinh viên cập nhật thường xuyên các chủ trương, chính sách, thông báo nội bộ, kết quả học tập, kết quả rèn luyện từng học kỳ, từng năm học và cả khóa học (H6.6.1.3).

Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường chưa có được thông tin phản hồi chính thức của sinh viên về công tác cung cấp thông tin của nhà trường để nắm bắt được nhu cầu của người học.

2. Điểm mạnh

Trường đã cung cấp đầy đủ các văn bản của Nhà nước, của Bộ, quy định, thông báo của trường đến từng sinh viên bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá.

3. Tồn tại

Chưa tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên một cách công khai về công tác cung cấp thông tin của nhà trường để biết được việc cung cấp thông tin đã kịp thời và đầy đủ hay chưa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiếp tục tăng cường việc cung cấp thông tin cho người học thông qua tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với Ban Giám hiệu, đại diện các Khoa, Phòng chức năng.

Tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên liên quan đến công tác cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2

Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Ngoài công tác đào tạo, rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, đảm bảo cho mọi sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo hàng năm, nhà trường còn chú trọng công tác đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm lo sức khỏe cho sinh viên. Nhà trường đã phổ biến kịp thời các chế độ chính sách xã hội, có các biện pháp để đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm lo sức khỏe, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo an toàn trong trường học (H6.6.2.1).

Về công tác quản lý, nhà trường đã phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác học sinh, sinh viên và một Phó Phòng Công tác sinh viên trực tiếp phụ trách về công tác chế độ, chính sách của sinh viên.

Khi tổ chức đón tiếp sinh viên khóa mới, luôn có 1 bộ phận chuyên viên của Phòng Công tác sinh viên xét duyệt, giải quyết miễn, giảm học phí cho sinh viên đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định trước khi nhập hồ sơ trúng tuyển (H6.6.2.2), (H6.6.2.3), (H6.6.2.4). Trong "Tuần sinh hoạt công dân" nhà trường bố trí 1 buổi học về chế độ, chính sách xã hội cho toàn thể sinh viên trong trường (H6.6.2.2). Bên cạnh đó, nhà trường còn thông báo tại trang Website (www.ndun.edu.vn/index.php/hac-sinh-sinh-vian) các đối tượng được hưởng ưu tiên, ưu đãi; thời gian, thủ tục và nơi giải quyết chế độ, chính sách cho sinh viên hệ chính quy theo quy định của Nhà nước (H6.6.2.5). Khi có những Nghị định, Quy chế, Thông tư, Quyết định mới ban hành liên quan đến chế độ, chính sách của sinh viên, nhà trường đều thông báo kịp thời tại trang Website, Bảng thông báo trước cửa các Phòng học và gửi về các lớp sinh viên. Danh sách sinh viên được miễn giảm học phí, hưởng chế độ ưu đãi, hưởng chính sách xã hội do nhà trường xét và giải quyết, được công bố công khai trên trang Web đầu mỗi học kỳ. Chính vì thế, mọi sinh viên đã được tiếp cận thông tin và được giải quyết đúng chế độ quy định, đảm bảo công bằng, dân chủ. Năm học 2014-2015 đã có 147 sinh viên được miễn giảm học phí (H6.6.2.6).

Ngoài chế độ miễn giảm học phí, sinh viên được xét hưởng học bổng khuyến khích học tập. Năm học 2014 – 2015, đã có 501 sinh viên được xét học bổng khuyến khích học tập (H6.6.2.7).

Công tác y tế học đường đã được nhà trường chú trọng trong kế hoạch hoạt động hàng năm. Nhà trường có 03 biên chế làm công tác y tế học đường, thực hiện khám, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, sinh viên trong trường. Khi vào nhập học, sinh viên được nhà trường tổ chức khám sức khỏe. Ngoài ra, Nhà trường giao nhiệm vụ cho cán bộ y tế cùng Phòng công tác học sinh - sinh viên làm đầu mối cho công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể tự nguyện (H6.6.2.3). Kết quả hàng năm có trên 80% sinh viên đã tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc (H6.6.2.8).

Công tác văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng được Nhà trường quan tâm. Hàng năm nhà trường tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao vào các dịp lễ lớn như 27/02, 26/3, 01/6, 20/11... thu hút được đông đảo sinh viên toàn trường tham gia. Nhà trường luôn được đánh giá là một đơn vị có phong trào văn nghệ, phong trào thể dục thể thao mạnh và đạt thành tích cao qua các năm.

Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường luôn đảm bảo. Ngoài lực lượng bảo vệ ngày, đêm của nhà trường, Trường còn thành lập Trung đội tự vệ do một Phó hiệu trưởng làm chỉ huy trưởng. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các đội xung kích trong các dịp lễ, Tết để làm nhiệm vụ trực 24/24 tại khuôn viên trường. Từ trước đến nay, chưa có hiện tượng mất cắp tài sản của nhà trường cũng như của sinh viên, không xảy ra những hiện tượng gây rối trật tự công cộng hay đánh nhau trong trường, sinh viên luôn được an toàn về tính mạng cũng như tài sản (H6.6.2.9).

Nhìn chung, công tác sinh viên của nhà trường được sinh viên nhất trí đánh giá cao về hiệu quả hoạt động.

2. Điểm mạnh

- Trường đã làm tốt công tác giải quyết các chế độ chính sách cho sinh viên, cho đến nay chưa có trường hợp nào sai sót.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và được sinh viên tham gia nhiệt tình, sôi nổi.

- Sinh viên luôn cảm thấy an toàn bởi trật tự, an ninh trong trường học luôn đảm bảo tốt.

3. Tồn tại

Hình thức phổ biến các chế độ chính sách, các quy định về y tế học đường đến với sinh viên chưa đa dạng, chủ yếu qua phổ biến tại "Tuần sinh hoạt công dân". Thông báo tại trang Website đôi khi còn chậm trễ, chưa thu hút được sự quan tâm của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, trường tiếp tục hoàn thiện và tăng cường việc cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến các chế độ chính sách, xã hội và y tế lên trang thông tin điện tử và mạng nội bộ của trường một cách kịp thời hơn và nhanh hơn để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học đã được Đảng ủy, Ban giám hiệu coi là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chính trị sinh viên trong nhà trường. Bằng các quyết định hành chính, hàng năm nhà trường đã cho thành lập Ban chỉ đạo tổ chức Tuần sinh hoạt công dân vào đầu năm, đầu khoá và cuối khoá học cho tất cả các khoá, với nhiều nội dung liên quan về công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học. Nhà trường còn phối hợp giữa Ban tuyên giáo của đảng ủy với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV trường tổ chức các chương trình sinh hoạt kỉ niệm những ngày lễ lớn, những sự kiện chính trị nổi bật như các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, về Biên đảo quê hương, về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tổ chức các cuộc nói chuyện về truyền thống của trường... nhằm định hướng cho người học xác định được mục tiêu, lý tưởng để phát huy được động cơ học tập tốt và rèn luyện tốt “Vì ngày mai lập nghiệp”. Ban giám hiệu nhà trường còn chỉ đạo phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên mời thêm các chuyên gia phổ biến các Nghị quyết, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, hiến pháp mới; nói chuyện về giáo dục giới tính, phối hợp với công an

thành phố nói chuyện về an ninh trật tự, an toàn giao thông, về phòng chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác. Kết thúc Tuần sinh hoạt công dân, SV phải viết bài thu hoạch (H6.6.3.1). Nhà trường định kỳ tổ chức các buổi nói chuyện về tình hình thời sự, kinh tế chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới cho toàn thể sinh viên. Qua đó, giáo dục cho sinh viên nhận thức đúng về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo mọi điều kiện để sinh viên tham gia tốt các hoạt động xã hội.

Bên cạnh điểm học tập, sinh viên còn được đánh giá điểm rèn luyện để giúp sinh viên rèn luyện ý thức tư tưởng đúng đắn. Ngay từ đầu khoá học, sinh viên được phổ biến Quy định về công tác sinh viên trường ĐHQĐNĐ, hướng dẫn quy chế rèn luyện, quy trình đánh giá điểm rèn luyện, trong đó có từng tiêu chí rèn luyện với mức điểm đánh giá và xếp loại cụ thể (H6.6.3.4). Cuối kỳ học nhà trường xét điểm rèn luyện và thông báo kết quả rèn luyện trên website của Nhà trường. Kết quả, tất cả sinh viên đều có kết quả rèn luyện từ loại Trung bình trở lên (H6.6.3.2), (H6.6.3.3).

Thông qua tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường tổ chức nhiều hoạt động thanh niên tình nguyện (H6.6.3.5). Hiện nay nhà trường đã thành lập các Câu lạc bộ, Đội nhóm trong sinh viên như: Đội tuyên truyền Hiến máu nhân đạo, Đội thanh niên tình nguyện thường trực, Đội tình nguyện vì cộng đồng, Đội tiếp sức người bệnh tại bệnh viện, Đội văn nghệ, Câu lạc bộ Ngoại ngữ tin học, Câu lạc bộ võ thuật ... Thông qua các hoạt động của Đoàn, Hội sinh viên được rèn luyện tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh, tích cực.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có nhiều giải pháp cụ thể, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để làm tốt công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học.

- Đa số sinh viên trong trường đã ý thức tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do các tổ chức đoàn thể và nhà trường phát động.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa quản lý hiệu quả số lượng sinh viên ngoại trú do số lượng này khá đông cho nên còn một số ít sinh viên do tiếp xúc môi trường xã hội đa dạng phức tạp có ý thức rèn luyện học tập chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016 - 2017, Trường tiến hành thu thập các dữ liệu thông tin về tất cả sinh viên đang học tại trường, cập nhật thường xuyên số điện thoại, những thay đổi về nơi cư trú, tạm trú và các thông tin liên lạc; phối hợp chặt chẽ với gia đình và công an địa phương để kịp thời nắm bắt tình hình sinh hoạt của sinh viên, nhất là sinh viên ngoại trú để có giải pháp nhắc nhở, giải quyết kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4

Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng nói chung và trong sinh viên nói riêng. Trường có một cán bộ văn phòng trực thuộc Văn phòng Đảng uỷ chuyên phụ trách công tác văn thư của Đảng uỷ và Công Đoàn; vì vậy, công tác phát triển Đảng trong sinh viên khá thuận lợi. Đảng uỷ Trường cũng thành lập Chi bộ sinh viên để các đảng viên là sinh viên sinh hoạt đảng. Hàng năm, Đảng uỷ Trường mở lớp học bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho các sinh viên ưu tú. Hàng năm, Đảng uỷ xem xét, đánh giá và kết nạp những sinh viên ưu tú vào đội ngũ của Đảng. Năm 2015, đã có 42 sinh viên được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. (H6.6.4.1).

Bên cạnh đó, Nhà trường có hai tổ chức chính trị quan trọng của sinh viên là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên của Trường. Hai tổ chức này luôn phối hợp với nhau để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác Đoàn và phong trào sinh viên. Để đáp ứng quy mô ngày càng tăng của Trường, Nhà trường đã có 01 cán bộ phụ trách công tác bí thư đoàn thanh niên và 01 cán bộ phụ trách công tác hội sinh viên (H6.6.4.2), (H6.6.4.3). Định kỳ tổ chức đại hội Đoàn thanh niên, Hội sinh viên 5 năm 01 lần (H6.6.4.2), (H6.6.4.3), (H6.6.4.4).

Đầu mỗi năm học, Đoàn thanh niên đều xây dựng kế hoạch năm học và triển khai đến các chi đoàn (H6.6.4.4). Các hoạt động được Đoàn và Hội tổ chức thường xuyên như: phong trào thanh niên tình nguyện, tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm ngày lễ lớn 27/2, 26/3, 08/3, 19/5... thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều sinh viên. Các

phong trào đoàn và hội luôn được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm, động viên và hỗ trợ kinh phí (H6.6.4.5).

2. Điểm mạnh

Đảng uỷ, Ban giám hiệu trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác đoàn, hội và phong trào sinh viên.

Công tác Đảng, đoàn thể trong nhà trường đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện tu dưỡng đạo đức và lối sống lành mạnh trong sinh viên. Những sinh viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng đã phát huy tốt vai trò nòng cốt trong phong trào sinh viên.

3. Tồn tại

Đội ngũ cán bộ đoàn là những giảng viên trẻ, còn thiếu một số kỹ năng về công tác Đoàn – Hội, nên việc triển khai các hoạt động đôi khi còn chậm; hình thức sinh hoạt Đoàn – Hội tại các lớp đôi khi còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 - 2017, triển khai chuyển đổi hình thức sinh hoạt Đoàn – Hội theo các lớp học tín chỉ phù hợp hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5

Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Nhà trường xây dựng một đội ngũ giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập là những người nhiệt tình và có kinh nghiệm trong công tác giáo dục đào tạo. Đội ngũ này luôn tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ việc học tập của sinh viên.

Nhà trường đã thành lập câu lạc bộ giúp sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa yêu thích như: câu lạc bộ bạn yêu khoa học, học ngoại ngữ- tin học, câu lạc bộ võ thuật, Thông qua hoạt động đó sinh viên trao đổi về phương pháp học tập và phát triển các kỹ năng giao tiếp. Nhà trường thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua để chào mừng các ngày lễ kỷ niệm như: 27/2, 26/3, 1/6, 20/11,.... Bên cạnh đó, Trường còn tạo mọi điều kiện cho sinh viên tham gia các sân chơi chung hay các khu

thể dục thể thao ở sân bóng đá, bóng chuyền, tennis và nhà đa năng (H6.6.5.1). Chính quyền còn phối hợp tốt với Đoàn thanh niên triển khai hoạt động hỗ trợ tìm kiếm chỗ ở cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên mới nhập học. Sinh viên được cung cấp một danh sách các địa chỉ nhà có phòng cho thuê và Đội sinh viên tình nguyện của Trường đã tư vấn và hướng dẫn cụ thể cho người học về cách chọn nhà, thuê mượn các dụng cụ sinh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế của sinh viên (H6.6.5.2). Khu ký túc xá của sinh viên được xây dựng kiên cố, phòng khép kín với trang thiết bị tốt, đã giải quyết được khoảng 30% nhu cầu về nhà ở của sinh viên các địa phương đến học tập tại Trường. Trong ký túc xá có 5 phòng tự học và 1 câu lạc bộ sinh viên; giúp cho các em có nơi để tổ chức sinh nhật, hội họp và tự học (H6.6.5.3). Các việc làm này đã giúp cho người học yên tâm hơn trong việc học tập.

Hoạt động tín dụng cũng được nhà Trường quan tâm để tạo điều kiện cho các sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn có thể học tập tốt. Nhà trường đã tạo điều kiện như xác nhận Đơn xin vay vốn sinh viên để sinh viên tiếp cận dễ dàng các nguồn vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng theo chủ trương của chính phủ (H6.6.5.4).

Trường đã dành nhiều kinh phí cho các hoạt động học tập, mua sắm trang thiết bị, tạo điều kiện cho sinh viên được đi thực tập, thực tế tốt nghiệp tại các cơ sở y tế lớn. Điều này đã giúp cho sinh viên có đủ kiến thức thực tế cũng như sự tự tin để khi ra trường có thể đáp ứng ngay nhu cầu của thị trường lao động.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học nên chưa có biện pháp để kịp thời điều chỉnh, nhằm phục vụ tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều giải pháp và tổ chức có hiệu quả nhiều hoạt động hỗ trợ cho sinh viên trong học tập, sinh hoạt.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường định kỳ năm một lần tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. Từ đó, kịp thời bổ sung và hoàn thiện biện pháp tốt nhất cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học

1. Mô tả

Ngoài việc tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học, trường ĐHDDND luôn bảo đảm công tác giáo dục, nâng cao hiểu biết và tôn trọng pháp luật cũng như các chính sách, chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước đối với sinh viên được thực hiện tốt.

Công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên là việc làm thường xuyên của Nhà trường. Hàng năm, Trường mời đại diện Công an thành phố đến tuyên truyền, phổ biến về vấn đề phòng chống ma túy, tệ nạn mại dâm, phòng chống HIV/AIDS và phòng chống các tệ nạn xã hội khác (H6.6.6.1).

Song song với việc giáo dục pháp luật là công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước. Hằng năm, Nhà trường mời báo cáo viên của Ban tuyên giáo tỉnh uỷ kết hợp với giảng viên trong Trường báo cáo về Tình hình kinh tế chính trị xã hội trong nước và quốc tế, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng và các nội dung cơ bản của cuộc vận động toàn dân “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo nội dung quy định cho sinh hoạt Tuần sinh hoạt công dân HSSV của Bộ GD&ĐT (H6.6.6.2). Công tác giáo dục truyền thống dân tộc cho sinh viên được nhà Trường chú trọng. Trong các ngày lễ truyền thống của ngành cũng như của đất nước như ngày 27/02, 26/3, 20/10, 20/11, 19/5... Trường ĐHDDND luôn tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao giữa các chi đoàn trong từng từng khoa và cũng như toàn Trường. Trong các hoạt

động trên, nhiều sinh viên tích cực tham gia và đạt kết quả tốt được nhà trường tặng giấy khen (H6.6.6.3).

Các phong trào tình nguyện trong nhà trường được đẩy mạnh, Đoàn trường có các đội nhóm hoạt động rất tích cực, đóng góp nhiều thành tích trong phong trào xây dựng nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục như: Đội Thanh niên tình nguyện thường trực, đội tình nguyện vì cộng đồng, đội tiếp sức người bệnh ở bệnh viện... Phong trào hiến máu nhân đạo được sinh viên ủng hộ và nhiệt tình tham gia. (H6.6.6.4)

2. Điểm mạnh

Nhờ nhà trường làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nên phần lớn sinh viên trong trường hiểu biết và tôn trọng pháp luật, hiểu biết chính sách, chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.

3. Tồn tại

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về pháp luật cho sinh viên chưa phong phú và không thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm tới, Nhà trường phối hợp với tổ chức Đoàn thanh niên, Hội SV đa dạng hoá hình thức tuyên truyền hiểu biết về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người học như: thông qua tuần sinh hoạt công dân, tổ chức các buổi nói chuyện, phát thanh trên loa, làm các tờ rơi... Định kỳ mỗi năm tổ chức 1 – 2 lần thi tìm hiểu về kiến thức pháp luật và đường lối, chính sách của Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7

Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Ngày 22/4/2016, nhà trường đã ra Quyết định thành lập Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên, Ban hướng nghiệp đã tổ chức ngày hội việc làm vào ngày 25-26/5/2016 giúp sinh viên tìm hiểu về thông tin nhu cầu lao động và việc làm

từ các tổ chức, doanh nghiệp, tìm kiếm và lựa chọn việc làm (H6.6.7.1). Bộ phận này cũng thường xuyên phối hợp và kêu gọi sự giúp đỡ của các cơ quan truyền thông đại chúng để chuyển tải các thông tin về nhu cầu việc làm của sinh viên đến các nhà tuyển dụng trên toàn quốc và thông qua hoạt động này, trường ĐHQĐNĐ đã nhận được nhiều thông tin tuyển dụng từ các tổ chức, doanh nghiệp để thông báo cho sinh viên của trường (H6.6.7.2). Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên đã tổ chức các đợt tập huấn về kỹ năng tìm việc làm cho sinh viên; tổ chức các chương trình giao lưu giữa các doanh nghiệp với sinh viên. Thông qua các hoạt động này, sinh viên trường ĐHQĐNĐ có cơ hội gặp gỡ và giao lưu với nhà tuyển dụng và học hỏi từ họ kinh nghiệm làm việc trong tương lai; nắm bắt được những thông tin về thị trường lao động, việc làm; được huấn luyện về kỹ năng tìm việc trong thời kỳ hội nhập của đất nước và tham gia phỏng vấn tìm việc trực tiếp với các nhà tuyển dụng.

Nhằm giúp sinh viên của trường có thể tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo, trường ĐHQĐNĐ đã tổ chức các hoạt động để giúp sinh viên cập nhật các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành, đặc biệt cho các sinh viên năm cuối. Hàng năm, Trường đều tổ chức cho tất cả sinh viên thực tập, thực tế tại các bệnh viện trong và ngoài tỉnh nhằm giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và học hỏi nhiều kinh nghiệm bổ ích (H6.6.7.3). Đây là những hoạt động hữu ích nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, đồng thời tạo được mối quan hệ giữa nhà trường và các nhà tuyển dụng tiềm năng. Nhà trường đã thực hiện tổ chức ký kết hợp tác đào tạo với các bệnh viện trong tỉnh. Thông qua hoạt động này, một số sinh viên đã được các bệnh viện tuyển dụng vào làm việc theo đúng chuyên ngành đào tạo của sinh viên (H6.6.7.4).

2. Điểm mạnh

- Trường đã tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên, cung cấp cho SV nhiều thông tin về nhu cầu tuyển dụng từ các bệnh viện, tổ chức trên khắp toàn quốc.

- Lãnh đạo trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh đi thực tập, thực tế để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ sở bệnh viện trong và ngoài tỉnh.

- Trường đã thực hiện được việc ký kết hợp tác đào tạo với bệnh viện trên địa bàn Tỉnh Nam Định.

3. Tồn tại

Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên chưa thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên. Hiện nay, việc tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên của nhà trường chưa thực sự chủ động.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016 - 2017, Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể hàng năm trình Ban giám hiệu phê duyệt về (1) Công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; (2) Cung cấp cho sinh viên những thông tin về lao động và việc làm; (3) Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng; (4) Giúp đỡ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tìm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.8

Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Đào tạo sinh viên ra trường có việc làm là mục tiêu hàng đầu của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Từ năm 2016, trường ĐHĐDNĐ đã thành lập Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên tách khỏi phòng công tác HSSV và trực thuộc Ban Giám Hiệu (H6.6.8.1). Ban có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyển dụng, ngày hội tư vấn việc làm cho sinh viên. Ban là cầu nối giữa sinh viên với các cơ sở sử dụng lao động, cung cấp thông tin tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng giúp sinh viên trong quá trình tìm kiếm việc làm; tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho sinh viên đang học và sinh viên đã tốt nghiệp có nhu cầu của trường.

Trong thời gian gần đây, Trường cũng đã quan tâm và đầu tư cho việc điều tra sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường. Mục đích điều tra sinh viên tốt nghiệp nhằm thu

thập thông tin về tình trạng người học ra trường tham gia vào thị trường lao động (việc làm). Mặc dù chưa thực hiện khảo sát cựu sinh viên trên quy mô lớn nhưng qua nhiều kênh thông tin phản hồi cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường khá cao. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp của trường ở quy mô nhỏ (03 khoá học) cho thấy tỷ lệ này đạt trên 80% (H6.6.8.2). Tuy vậy, do số lượng sinh viên tốt nghiệp được khảo sát chưa đầy đủ, nên chưa có cơ sở vững chắc để khẳng định về tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

2. Điểm mạnh

Sinh viên sau khi ra trường nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tế cũng như do nhu cầu nhân lực trong ngành y tế.

3. Tồn tại

Chưa nắm hết được các thông tin cụ thể về cựu sinh viên để đánh giá xem việc làm của đối tượng này sau khi ra trường có ổn định không và có đúng chuyên ngành đào tạo không.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016 - 2017, thực hiện khảo thực trạng việc làm và thu nhập của cựu sinh viên sát theo định kỳ 1 năm 1 lần để Trường nắm bắt kịp thời và đầy đủ thông tin về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9

Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, từ năm học 2015-2016 đến nay, Trường đã triển khai khảo sát sinh viên nhằm ghi nhận và tổng hợp các ý kiến đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo và chất lượng giảng dạy của giảng viên (H6.6.9.1); và ý kiến đánh giá của sinh viên trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường (H6.6.9.2). Qua đó, giúp lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các khoa/bộ môn, các đơn vị trong toàn trường và bản thân giảng viên biết được thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu người học

đến đâu để từ đó có định hướng phù hợp và giải pháp cụ thể, thiết thực góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của Nhà trường trong thời gian tới

Đối với sinh viên đang học, việc khảo sát được tiến hành vào các buổi học. Đối với sinh viên cuối khóa, trường tổ chức phát phiếu trực tiếp vào buổi sinh hoạt gặp mặt trước khi thi tốt nghiệp. Số liệu khảo sát được mã hóa để đảm bảo tính bảo mật thông tin và được nhập vào phần mềm SPSS, xử lý và báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu, Lãnh đạo Khoa, Bộ môn và các giảng viên có môn giảng trong kỳ. Kết quả này được sử dụng trong nội bộ nhà trường để làm cơ sở xây dựng các kế hoạch nâng cao chất lượng giảng dạy cho những năm học tiếp theo (H6.6.9.3).

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường rất quyết tâm triển khai các cuộc khảo sát, chỉ đạo sát sao triển khai công tác này.

Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đã thực hiện triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của người học thường xuyên và đúng theo quy định.

3. Tồn tại

Số giảng viên được lấy ý kiến phản hồi còn ít, tập trung chủ yếu vào đối tượng tham gia giảng dạy lý thuyết, giảng viên giảng lâm sàng và thực hành được đánh giá còn ít.

Đối với việc đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp mới được thực hiện trên đối tượng sinh viên chính quy.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tiến hành mở rộng khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của tất cả các giảng viên trong trường.

Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tất cả các hệ: Đại học chính quy, Cao đẳng chính quy, Đại học liên thông và Học viên sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 6

Trường ĐHĐDNĐ đã có những biện pháp cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ sinh viên về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong sinh viên. Đảng ủy, Ban Giám hiệu trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào sinh viên bằng cách tạo cơ chế, điều kiện và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Công tác phát triển Đảng trong sinh viên được Đảng ủy trường quan tâm chú trọng và số lượng sinh viên được vào Đảng hàng năm cao so với năm trước.

Bên cạnh những mặt mạnh nêu trên, trường còn hạn chế về cơ sở vật chất nên một số hoạt động hỗ trợ như chỗ ở ký túc xá chưa đáp ứng đủ nhu cầu về nội trú của sinh viên.

Để khắc phục tồn tại trên, trong thời gian tới, trường có kế hoạch tiếp tục thực hiện hiệu quả, nâng cao hơn nữa các hoạt động chăm lo cho người học ngày càng tốt hơn, trong đó tập trung hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của sinh viên; tăng cường quản lý sinh viên ngoại trú; thu thập và cập nhật thường xuyên thông tin về cựu sinh viên để nhà trường có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

TIÊU CHUẨN 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Với nhận thức sâu sắc về vai trò của NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, Trường ĐHĐDNĐ coi đây là một trong hai nhiệm vụ chính của Nhà trường. Nhà trường luôn xác định: hoạt động nghiên cứu khoa học có một vai trò rất quan trọng. Việc hoạch định chính sách về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với mục tiêu đào tạo. Vì vậy, Nhà trường đã đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho công tác giảng dạy/học tập và nghiên cứu khoa học.

Tuy vậy, số lượng đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh còn ít. Nguồn kinh phí mang lại từ các đề tài nghiên cứu khoa học chưa nhiều; chưa có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực trong hoạt động khoa học và công nghệ; chưa ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn quyền sở hữu trí tuệ.

Tiêu chí 7.1

Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý KH&CN đó là Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học. Chức năng, nhiệm vụ của phòng được quy định trong quyết định số 416/QĐ-ĐDN ngày 21 tháng 4 năm 2014 (H7.7.1.1).

Căn cứ định hướng, chỉ tiêu khoa học, các chủ đề và nhiệm vụ đã được thể hiện trong Quyết định 2999/QĐ-BYT ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐHĐDNĐ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (H7.7.1.2), Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển trường ĐHĐDNĐ đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 bằng việc ban hành quyết định 319/QĐ-ĐDN ngày 24 tháng 3 năm 2015, trong đó các định hướng, chỉ tiêu khoa học, chủ đề, nhiệm vụ khoa học công nghệ được đưa ra cụ thể cho từng giai đoạn cùng với các giải pháp chiến lược nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học

(H7.7.1.3).

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và Nhà trường, tháng 12 hàng năm, phòng Quản lý nghiên cứu khoa học xây dựng và trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn (H7.7.1.4).

Công tác quản lý khoa học – công nghệ được thực hiện một cách bài bản, khoa học và theo đúng quy trình của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ GD&ĐT về các nội dung: Xây dựng danh mục đề tài và phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học hàng năm, cụ thể mỗi đề tài nghiên cứu có mức kinh phí tối đa 10.000.000 VNĐ (H7.7.1.5), (H7.7.1.6).

Trong việc triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, tháng 01 hàng năm, phòng Quản lý nghiên cứu khoa học gửi thông báo đến các đơn vị và cá nhân đề xuất nhiệm vụ Khoa học công nghệ trong năm. Phòng là đầu mối tập trung các đề xuất, thành lập Hội đồng xét duyệt và tiến hành tuyển chọn các đề xuất phù hợp với định hướng nghiên cứu hàng năm của Nhà trường. Sau khi có thông báo phê duyệt các đề xuất được tuyển chọn trên trang Web, các đơn vị và cá nhân tiếp tục xây dựng thuyết minh đề tài, xét duyệt thuyết minh đề tài, ký hợp đồng theo các quy định trong quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của nhà trường (H7.7.1.7).

Trong 5 năm qua Nhà trường, Phòng quản lý nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu 90 đề tài dự án cấp cơ sở, tổ chức nhiều lớp tập huấn về nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt là học tập về phương pháp nghiên cứu khoa học: viết tổng quan, phương pháp nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo, xử lý số liệu bằng các phần mềm, viết báo cáo tổng kết đề tài, viết sáng kiến kinh nghiệm; nghiên cứu về điều dưỡng (H7.7.1.8), (H7.7.1.9).

Hàng quý Nhà trường đều tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ (H7.7.1.10), hàng năm đều tổ chức tổng kết hoạt động khoa học – công nghệ nhằm phân tích và đánh giá phát triển về quy mô và hiệu quả hoạt động theo sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đồng thời xuất bản Đặc san nghiên cứu khoa học (H7.7.1.11).

Trong năm học 2014-2015, nhà trường đã đẩy mạnh một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu khoa học: tiếp cận nhờ các kinh nghiệm được đúc rút trong quá trình làm việc nhằm cải thiện chất lượng hoạt động giảm bớt chi phí hoặc nâng cao hiệu quả

làm việc. Nhà trường đã đưa ra hướng dẫn quy trình viết sáng kiến (H7.7.1.12) và đã có 06 sáng kiến cấp Bộ môn - trường, 2 sáng kiến cấp tỉnh được công nhận và đưa vào ứng dụng (H7.7.1.8).

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học đi theo hướng nghiên cứu các lĩnh vực thuộc các ngành nghề đào tạo của trường, đặc biệt là nghiên cứu chuyên sâu về điều dưỡng; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng các thành tựu về khoa học và kỹ thuật để nâng cao chất lượng đào tạo. Đây là hướng nghiên cứu phù hợp với sứ mạng phát triển của nhà trường vì vậy đa số các đề tài đã đi theo hướng phát triển này, cụ thể có tới 50/76 đề tài (chiếm 65.8%), từ những kết quả nghiên cứu giúp cho giảng viên có thêm nguồn kiến thức tham khảo trong đào tạo nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe cho người bệnh cho cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược, kế hoạch phát triển công tác nghiên cứu khoa học theo đúng định hướng phát triển của Nhà trường

Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học theo đúng kế hoạch đã đề ra đạt hiệu quả.

3. Tồn tại

Các nghiên cứu về điều dưỡng chưa có quy mô lớn. Chưa tạo được các nhóm nghiên cứu sâu trong các lĩnh vực Điều dưỡng và đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ bằng việc ưu tiên cho các nghiên cứu sâu về điều dưỡng, điều dưỡng mô phỏng và đào tạo.

Từ năm học 2016 – 2017, xuất phát từ những đề xuất các ý tưởng nghiên cứu đơn lẻ về điều dưỡng và đào tạo, Nhà trường sẽ tổ chức thành các nhóm nghiên cứu sâu, phát triển các đề tài nghiên cứu về điều dưỡng có quy mô lớn hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2

Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Thực hiện kế hoạch của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, trong 5 năm qua (2011 – 2015), trường ĐHQĐNĐ bước đầu đã có những thành công đáng kể trong công tác nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học đã được tổ chức thực hiện thường xuyên và có kế hoạch (H7.7.2.1).

Quy trình xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động KH&CN được tiến hành như sau:

(1) Nhà trường gửi công văn thông báo về kế hoạch hoạt động KH&CN đến các đơn vị để CBGV tiến hành đăng ký đề xuất hướng nghiên cứu

(2) Trên cơ sở đăng ký, đề xuất của cá nhân, đơn vị, Trường thành lập Hội đồng Tư vấn tuyển chọn đề tài để xét chọn những đề tài có chất lượng tốt. Đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên được Nhà trường khuyến khích và không hạn chế số lượng. Việc duyệt đề cương được tiến hành 2- 3 lần/năm và được thực hiện nghiêm túc, khoa học, đúng quy định của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Y tế (H7.7.2.2), (H7.7.2.3).

Trong quá trình triển khai, Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học thường xuyên giám sát việc thực hiện và kịp thời báo cáo lên BGH về những khó khăn, vướng mắc phát sinh để có biện pháp khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phòng tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện các hoạt động KH&CN, đánh giá đầy đủ và khách quan những nhiệm vụ được thực hiện so với kế hoạch. Ban thanh tra đề tài đã hoạt động có hiệu quả, các đề tài thực hiện đúng quy định sẽ được nghiệm thu, các đề tài chưa thực hiện đúng quy định, thanh tra nhắc nhở để chủ đề tài bổ sung hoàn chỉnh mới cho phép nghiệm thu (H7.7.2.3).

(3) Nghiệm thu: Các đề tài khi hoàn thành được Nhà trường ra quyết định tổ chức nghiệm thu. Hội đồng Nghiệm thu do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập (nghiệm thu cấp cơ sở). Hội đồng gồm những nhà khoa học am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, những người quản lý có kinh nghiệm và đại diện của các cơ quan ứng dụng đề tài (H7.7.2.3). Kết quả của đề tài được thể hiện trong Biên bản Nghiệm thu đề tài và sản phẩm kèm theo (H7.7.2.3).

Các đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt là điều kiện để bình xét thi đua. Các đề tài chưa đạt yêu cầu được hướng dẫn để chủ đề tài sửa. Việc nghiệm thu lại được thực hiện theo đúng quy định (H7.7.2.2).

Hoạt động KH&CN trong 5 năm qua đã đạt được kết quả khá tốt. Từ năm 2010-2015 số lượng các đề tài đã tăng lên rõ rệt, tham gia ở nhiều cấp và đã được nghiệm thu đúng thời gian quy định cụ thể :

Số lượng tính theo năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dự án, sáng kiến cấp tỉnh	1		1		
Đề tài cấp bộ					
Đề tài cấp tỉnh					2
Đề tài, sáng kiến cấp cơ sở	14	15	22	7	24

Từ 2011 – 2015, có 76 đề tài được duyệt cho phép thực hiện. Trong đó, 70 đề tài nghiệm thu đúng thời hạn, chiếm tỷ lệ 92%; Lý do các đề tài không thực hiện đúng thời hạn được phê duyệt là: 5 chủ đề tài đang đi học thạc sỹ và nghiên cứu sinh, 1 chủ đề tài chuyển chuyên công tác (H7.7.2.4).

2. Điểm mạnh

Số lượng giảng viên tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học ngày càng tăng. Hầu hết đề tài được nghiệm thu đúng thời gian (92%).

3. Tồn tại

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh còn ít so với nhu cầu thực tế của trường Đại học.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường phấn đấu thực hiện 1 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp tỉnh, hàng năm nghiệm thu 15 đề tài cấp cơ sở và 05 sáng kiến. Các đề tài nghiên cứu bao trùm nhiều lĩnh vực: Điều dưỡng, Y tế cộng đồng, Y học cơ sở, Đào tạo, Quản lý học sinh sinh viên... và tập trung chủ yếu vào nghiên cứu điều dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường Đại học

1. Mô tả

Để phát triển trường đại học trở thành đại học nghiên cứu, ngoài việc thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học mang lại kết quả có tính ứng dụng thực tiễn thì hoạt động công bố thông tin khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN.

Trong 5 năm qua với sự cố gắng của các giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu, dự án được thực hiện và đăng ở tạp chí trong nước (H7.7.3.1) và ngoài nước (H7.7.3.2). Các bài báo, công trình nghiên cứu được đăng tải hàng năm trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế như: Tạp chí y học Việt Nam, Tạp chí Y học thực hành, Tạp chí Y dược học, Tạp chí y học dự phòng, Y tế công cộng, Tạp chí Điều dưỡng, Tạp chí khoa học, Y học Cộng đồng, Dinh dưỡng và thực phẩm, Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Tạp chí hoá học, *Asian Journal of chemistry, Research Journal, Journal Health Res, ...*

Hàng năm Nhà trường đều cho in nội san nghiên cứu lưu hành nội bộ qua đó góp phần hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Từ năm 2015, nhà trường đã được Cục báo chí của Bộ thông tin và truyền thông cấp phép xuất bản Đặc san với số lượng 3 số/năm. Đây là bước tiến quan trọng khẳng định vị thế của trường đã đưa những kết quả nghiên cứu đến với độc giả, quảng bá thương hiệu của trường.

Số liệu các đề tài được nghiệm thu và công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành được minh họa cụ thể ở bảng sau:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số đề tài của CBGV	14	15	22	7	18
Số lượng các bài báo được đăng trên nội san, đặc san của nhà trường	18	0	9	18	22
Số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí trong nước	8	14	10	28	16
Số lượng bài báo được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế	0	1	0	2	1
Tổng số bài báo	26	15	19	48	39

Như vậy, năm 2011 không có bài báo nào được đăng trên tạp chí nước ngoài, năm 2012 có 1 bài, năm 2014 có 2 bài và tính đến tháng 6 năm 2015 có 1 bài báo được đăng trên tạp chí nước ngoài. Tuy số lượng bài báo nước ngoài còn ít nhưng cho thấy xu hướng phát triển tốt và đang tiếp tục phát huy. Tính trung bình hàng năm tỷ lệ bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành đạt 1 bài báo/đề tài đã nghiệm thu, nếu tính cả số đăng trên đặc san của nhà trường thì số lượng đạt 1,88 bài báo/đề tài nghiệm thu. Nguyên nhân số lượng bài báo/đề tài còn thấp: việc thống kê số lượng bài báo khó thực hiện chính xác do nhiều cán bộ giảng viên không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ; Nhà trường chưa có quy định yêu cầu phải đăng báo trên tạp chí chuyên ngành cho mỗi đề tài cấp cơ sở.

Tuy nhiên, những năm gần đây, Nhà trường đã có sự quan tâm đặc biệt động viên, khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và đăng báo. Mỗi bài báo đăng được tính ít nhất 150 giờ nghiên cứu khoa học (H7.7.3.3), là tiêu chí để tính giờ giảng của giảng viên (H7.7.3.4), là tiêu chí trong đánh giá thi đua hàng năm (H7.7.3.5). Vì vậy, số lượng các bài báo đăng trên tạp chí đã tăng lên rõ rệt, nhiều đề tài được nghiệm thu đã được tác giả công bố kết quả trên các tạp chí chuyên ngành, năm 2014 tỷ lệ bài báo/đề tài là 4 cao gấp 8.8 lần so với năm 2013.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có chính sách khuyến khích giảng viên công bố các đề tài nghiên cứu khoa học, số lượng và chất lượng các bài báo khoa học ngày càng tăng.

- Nhà trường đã được Cục báo chí của Bộ thông tin và truyền thông cấp phép xuất bản Đặc san với số lượng 3 số/năm

3. Tồn tại

- Việc thống kê số lượng bài báo khó thực hiện chính xác do nhiều cán bộ giảng viên không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ cho phòng Quản lý NCKH.

- Chưa có quy định bắt buộc việc đăng báo cho mỗi đề tài cấp cơ sở.

- Chưa có bài báo khoa học có chỉ số IF cao.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2016 – 2017 trở đi, Nhà trường tiếp tục thực hiện khuyến khích, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và gửi các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành đặc biệt trên các tạp chí có chỉ số IF cao.

- Năm 2017, xây dựng quy định bắt buộc việc đăng báo cho mỗi đề tài cấp cơ sở.
- Mục tiêu từ 2016-2020, xây dựng tạp chí nghiên cứu điều dưỡng riêng của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, cùng với sự phát triển về số lượng đề tài nghiên cứu mới, những đề tài sau khi nghiệm thu đã góp phần giải quyết những vấn đề cấp thiết của địa phương và có những ứng dụng thực tế.

Các dự án, đề tài cấp tỉnh của Nhà trường trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc thai kỳ hay chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Cụ thể, dự án “*Xây dựng và áp dụng mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng tại 2 xã Thành Lợi và Tam Thanh huyện Vụ Bản*” (H7.7.4.1): khám lâm sàng cho 1500 người, khám định kỳ hàng tháng cho 30 người cao tuổi; tập huấn cho 30 cán bộ y tế thôn có kiến thức hướng dẫn chăm sóc người cao tuổi thường xuyên tại địa phương; tổ chức các lớp giáo dục sức khỏe cho người cao tuổi tự chăm sóc và điều trị bệnh; trao tặng cho 2 cơ sở y tế của thôn 30 máy đo huyết áp Nhật, 30 tai nghe Nhật, 04 giường inox, 02 bộ tiểu phẫu. Hiệu quả của dự án được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao và có thể mở rộng áp dụng trên toàn tỉnh nâng cao chất lượng chăm sóc cho người cao tuổi.

Dự án “*Ứng dụng mô hình sàng lọc đái tháo đường thai kỳ của WHO cho phụ nữ mang thai tỉnh Nam Định*” (H7.7.4.2): kiểm tra và theo dõi sức khỏe cho 600 thai phụ tại 6 phường xã của tỉnh Nam Định trong suốt thời gian thai kỳ; cung cấp tài liệu, kiến thức về đái tháo đường thai kỳ cho phụ nữ cũng như các thai phụ nâng cao sự hiểu biết và tự chăm sóc bản thân khi mang thai; chuyển giao công nghệ kỹ thuật cho các xã phường. Từ kết quả của dự án đã cung cấp những số liệu đáng tin cậy cho nhà

chức trách của tỉnh Nam Định có những chính sách phù hợp trong việc nâng cao chăm sóc sức khoẻ thai phụ.

Đề tài “*Nghiên cứu triển khai mô hình chăm sóc sức khoẻ tại nhà ở tỉnh Nam Định*” (H7.7.4.3) được thực hiện năm 2014 - 2016 mang lại những hiệu quả to lớn về kinh tế và xã hội: mô hình chăm sóc sức khoẻ tại nhà triển khai đã góp phần nâng cao sức khoẻ cộng đồng qua đó giảm chi phí khám chữa bệnh; trang bị cho người dân những kiến thức cơ bản cần thiết trong vệ sinh môi trường, phòng bệnh và phát hiện xử trí kịp thời những trường hợp tai nạn, giảm bớt những di chứng và chi phí điều trị; giúp cán bộ y tế nâng cao kiến thức thực hành về vấn đề truyền thông giáo dục sức khoẻ, kỹ năng chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng từ đó kiểm soát được vấn đề sức khoẻ của người dân. Đây là một minh chứng cho hiệu quả về chính sách y tế chăm sóc sức khoẻ toàn dân đang được Nhà nước triển khai, tạo một dư luận tốt trong toàn xã hội về các chủ trương đường lối của Đảng các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, tạo được niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Đề tài: “*Nghiên cứu tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ cộng đồng tại làng nghề cơ khí Bình Yên huyện Nam Trực tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp can thiệp*” (H7.7.4.4) đã đưa ra những số liệu quan trắc khách quan, chính xác về môi trường làng nghề cơ khí Bình Yên huyện Nam Trực tỉnh Nam Định, sự tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ cộng đồng từ đó đề xuất giải pháp can thiệp hữu ích, hạn chế sự ảnh hưởng của môi trường nâng cao sức khoẻ của người dân. Đề tài cung cấp số liệu quan trọng cho ngành môi trường, cho Sở y tế tỉnh Nam Định từ đó có cái nhìn đúng đắn và có biện pháp giúp việc phát triển kinh tế xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Cùng với các đề tài dự án cấp tỉnh, 6 sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở năm 2015 mang lại những lợi ích đáng kể cho nhà trường. Có thể kể đến như sáng kiến “Thay thế bộ phận dạ dày của mô hình áp dụng trong giảng dạy thực hành điều dưỡng” giúp việc thay rửa dạ dày mô hình dễ dàng và giảm chi phí khi thay thế (H7.7.4.5). 2 sáng kiến cấp tỉnh được Sở khoa học công nghệ tỉnh Nam Định công nhận ngày 03/03/2015 của tác giả Ngô Huy Hoàng và Đỗ Minh Sinh; 05 giải thưởng trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Nam Định năm 2014 – 2015 (H7.7.4.6) đều là những sáng kiến được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao có tính sáng tạo và ứng dụng

trong thực tiễn.

Các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của Nhà trường nghiệm thu trong 5 năm qua đều được hội đồng nghiệm thu đánh giá có tính thực tiễn cao, có ý nghĩa ứng dụng thực tế trong giảng dạy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (H7.7.4.7). Nhiều đề tài được sử dụng làm học liệu trong các bài giảng tuy nhiên chưa được đưa chính thức vào trong giáo trình giảng dạy của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự phối hợp với các ban ngành trong quá trình triển khai cũng như đánh giá nghiệm thu các đề tài dự án. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn đã kết hợp lý thuyết hiện đại và thực tiễn của địa phương và đưa ra những đề tài phù hợp, có giá trị lý luận và thực tiễn cao, là nguồn tư liệu tham khảo giá trị cho các nhà quản lý, các sở ban ngành của địa phương.

3. Tồn tại

Chưa đưa kết quả đề tài vào trong giáo trình giảng dạy.

Số lượng văn bằng sáng chế các cấp còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường phấn đấu đưa 50% đề tài đã nghiệm thu vào áp dụng trong giảng dạy, 20% đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu gửi đi tham gia dự hội thi khoa học sáng tạo cấp tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5

Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả

Nhà trường luôn tích cực phát triển hợp tác, khuyến khích cán bộ giảng viên chủ động thực hiện các hợp đồng tư vấn, các hoạt động khoa học công nghệ. Tuy nhiên, do bản chất của hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường là các nghiên cứu về mặt lý thuyết và kết quả của các nghiên cứu đó chủ yếu ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, tư vấn, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng... nên nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu của nhà trường khó tính được. Có thể nói

“doanh thu” mà nhà trường thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học chủ yếu dưới dạng nâng cao năng lực cho cán bộ giảng viên từ đó góp phần phát triển nhà trường về chất.

Trên thực tế, Trường ĐHĐDNĐ rất chú trọng đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học. Thực hiện nghị định 99/2014/NĐ-CP của chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học Nhà trường dành 5% tổng kinh phí từ nguồn thu dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học mỗi năm. Các nguồn kinh phí sử dụng trong nghiên cứu khoa học: kinh phí của Trường, của Bộ chủ quản và của Sở khoa học công nghệ môi trường tỉnh Nam Định (H7.7.5.1), (H7.7.5.2).

Năm	Nguồn kinh phí của trường	Các nguồn kinh phí khác (vnd)		Tỷ lệ các nguồn kinh phí khác so với nguồn kinh phí của trường (lần)
		Tỉnh	Bộ	
2011	200.000.000	113.400.000	200.000.000	1,567
2012	211.064.000	288.845.000	700.000.000	4,685
2013	194.461.000	181.155.000	0	0,932
2014	284.475.000	598.529.000	0	2,104
2015	304.836.000	343.471.000	0	1,127

Các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án sử dụng nguồn kinh phí ngoài trường luôn lớn hơn nguồn kinh phí của Nhà trường cấp, mặt khác nguồn kinh phí phục vụ cho nghiên cứu khoa học năm sau cao hơn năm trước. Có được kết quả trên là do: Nhà trường đã tạo điều kiện cho các giảng viên, khoa phòng gặp gỡ, tiếp xúc với các Bộ, ngành của Trung ương và địa phương, các dự án trong và ngoài nước để thu hút nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực trong việc tìm kiếm và huy động kinh phí từ các nguồn khác nhau để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tạo ra được nguồn thu từ chuyển giao công nghệ, kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục khuyến khích cán bộ giảng viên tìm kiếm và thực hiện các đề tài dự án khoa học công nghệ từ nguồn ngoài trường.

Từ năm 2016, phân đầu tạo ra nguồn kinh phí từ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bằng cách chuyển giao công nghệ từ các đề tài, các sản phẩm được tạo ra từ nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 7.6

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường

1. Mô tả

Các đề tài, dự án các cấp Nhà trường triển khai đều gắn với đào tạo. Hầu hết nội dung của các đề tài đều gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo của Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy, cung cấp thêm kiến thức cho sinh viên.

Dựa trên các hướng nghiên cứu đã được đề xuất của các tổ chức và cá nhân, các Hội đồng khoa học do Trường thành lập tiến hành xét chọn các hướng nghiên cứu vừa gắn với mục tiêu chương trình đào tạo của Nhà trường, vừa giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong xã hội (H7.7.6.1).

Nhiều đề tài là tài liệu hữu ích cho công tác giảng dạy, các đề tài hầu hết đều liên quan tới việc chăm sóc người bệnh và công việc của người điều dưỡng trên thực tế lâm sàng. Kết quả cũng như các khuyến nghị của các nghiên cứu giúp cho bài giảng của giảng viên phong phú hơn, bên cạnh đó cũng giúp sinh viên nâng cao được nhận thức về các tình huống thực tế lâm sàng. Ngoài ra, các đề tài liên quan đến chương trình đào tạo cũng là cơ sở dữ liệu quan trọng cho Nhà trường trong việc xem xét cải tiến chất lượng (H7.7.6.2).

Một số dự án đào tạo gắn liền với hợp tác quốc tế như dự án “Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế” do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Bộ ngoại giao và thương mại Úc tài trợ cho Bộ Y tế Việt Nam mà Nhà trường là đơn vị được hưởng lợi

ích (H7.7.6.3). Thông qua dự án này đã đào tạo được 1 tiến sĩ, 3 thạc sĩ, 2 Điều dưỡng chuyên khoa I và nhiều lớp tập huấn nâng cao năng lực đào tạo cho giảng viên. Về xây dựng cơ sở vật chất: Dự án ADB đã cung cấp nhiều máy móc trang thiết bị phục vụ giảng dạy thực hành và tiền lâm sàng cho nhà trường (H7.7.6.4). Cũng từ các trang thiết bị được cung cấp này, một số đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện. Tuy nhiên số đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, các dự án gắn với các luận văn nghiên cứu của học viên học cao học và nghiên cứu sinh của Trường còn thấp.

Công tác nghiên cứu khoa học còn được triển khai tới đối tượng sinh viên, tuy nhiên hiệu quả đạt được còn chưa cao. Năm học 2014-2015, Nhà trường đã tổ chức nhiều buổi tập huấn hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Năm 2015 đã có 6 đề tài của sinh viên chủ nhiệm được duyệt đề cương và cử cán bộ hướng dẫn, tuy nhiên số lượng và kết quả còn nhiều hạn chế.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động nghiên cứu đa dạng dưới nhiều hình thức như đề tài dự án các cấp, các buổi thuyết trình, hội thảo khoa học... và đều gắn với mục tiêu đào tạo của nhà trường, nâng cao năng lực giảng dạy nghiên cứu của giảng viên.

3. Tồn tại

Có ít hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học còn thấp

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường phấn đấu thực hiện 100% đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, các dự án gắn với các luận văn nghiên cứu của học viên học cao học và nghiên cứu sinh của Trường.

Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên

Mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.7

Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả

Bên cạnh việc khuyến khích cán bộ giảng viên tích cực tham gia hoạt động khoa học công nghệ, Nhà trường có những quy định cụ thể về tiêu chuẩn chủ nhiệm đề tài các cấp (cấp nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở) thể hiện trong điều 6 Quyết định số 875/QĐ-ĐDN ngày 13/9/2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ (H7.7.7.1). Theo quy trình tuyển chọn đề tài, các đề tài phải trải qua khâu thẩm định bảo vệ thuyết minh của đề tài trước khi phê duyệt. Quá trình tuyển chọn thẩm định các tiêu chí được đề cập là: tính cấp thiết; mục tiêu; cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện; sản phẩm của đề tài; hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả; năng lực của chủ nhiệm đề tài; dự toán kinh phí (H7.7.7.1).

Quá trình tuyển chọn, thẩm định cũng xem xét đến tiêu chuẩn, tính đạo đức của nghiên cứu. Nhà trường cũng đã ban hành Quyết định số 425/QĐ-ĐDN ngày 08/5/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng về việc thành lập Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh cấp cơ sở. Hội đồng đạo đức làm việc dựa trên 4 tiêu chuẩn trong phụ lục đính kèm (H7.7.7.2). Các tiêu chuẩn này được lấy từ Quyết định 5129/2002/QĐ-BYT ngày 19/12/2012 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Hội đồng đạo đức tổ chức xét duyệt cho nhiều đề tài ngay sau khi các đề tài được xét duyệt thuyết minh. Tuy nhiên, để đơn giản hoá thủ tục hành chính, với những đề tài nghiên cứu đơn thuần không có các xét nghiệm xâm lấn thì Hội đồng xét duyệt chỉ xem xét khía cạnh đạo đức dựa trên các phiếu đồng thuận nghiên cứu và các biện pháp bảo mật người nghiên cứu (H7.7.7.3).

Năm học 2014 – 2015, Nhà trường đã tổ chức buổi sinh hoạt khoa học thường kỳ trong đó hướng dẫn và phổ biến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành đến

toàn bộ các cán bộ giảng viên trong Nhà trường (H7.7.7.4). Tuy nhiên, với những hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường hiện nay chưa có hoạt động tạo ra các sản phẩm công nghệ mà đa phần là các công trình nghiên cứu mang tính học thuật vì vậy cán bộ giảng viên chưa có nhu cầu đăng ký bản quyền tác giả. Về hoạt động đăng ký công nhận sản phẩm cho các nghiên cứu khoa học là sáng kiến, Nhà trường đã khuyến khích các tác giả tham gia dự thi giải thưởng sáng tạo kỹ thuật hàng năm của tỉnh Nam Định và kết quả đã có 05 tác giả đạt giải thưởng và được cấp chứng nhận (H7.7.7.5).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định và phổ biến đến toàn thể cán bộ giảng viên các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ cũng như quyền sở hữu trí tuệ.

3. Tồn tại

Chưa có các biện pháp cụ thể để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, tiếp tục phổ biến rộng rãi và có biện pháp khuyến khích nhằm đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ cho các công trình nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Trong những năm qua, Nhà trường đã từng bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng các đề tài, dự án về KH-CN. Số lượng các đề tài, dự án lớn cũng được tăng lên với việc hoạch định các hướng nghiên cứu mũi nhọn. Số lượng các bài báo khoa học công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước ngày càng nhiều. Nhà trường cũng chú trọng đào tạo số cán bộ có trình độ cao để trở thành cán bộ đầu đàn trong nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của Nhà trường, của ngành và địa phương; đẩy mạnh việc thành lập và đưa vào hoạt động các nhóm nghiên cứu – giảng dạy. Ngoài việc phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo trong Nhà trường, hoạt động KH-CN của Trường đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển về kinh tế và xã hội của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường còn gặp khó khăn trong việc tạo ra nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong tương lai, Nhà trường tiếp tục nỗ lực phát triển các hoạt động KH-CN cả bề rộng lẫn chiều sâu. Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường phấn đấu thực

hiện 1 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp tỉnh, hàng năm nghiệm thu 15 đề tài cấp cơ sở và 05 sáng kiến. Tạo ra nguồn kinh phí trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bằng cách chuyển giao công nghệ từ các đề tài, các chương trình đào tạo, các sản phẩm được tạo ra từ nghiên cứu; dự án với nước ngoài, đề tài cấp bộ, đề tài cấp tỉnh.

Số tiêu chuẩn đạt yêu cầu: 6/7

TIÊU CHUẨN 8

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu, Hợp tác quốc tế (HTQT) là hoạt động không thể thiếu đối với các trường đại học. Nhà trường luôn xác định HTQT là một trong những hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học để bắt kịp với xu thế phát triển chung của thời đại. Vì vậy, Nhà trường bắt đầu xây dựng mối quan hệ hợp tác với các đối tác ở Nhật, Anh, Mỹ, Úc..., nhiều chương trình hợp tác đã được triển khai. Thời gian từ năm 2010 đến 2014, hoạt động HTQT do phòng HCTH và Phòng Đào tạo Sau Đại học đảm nhiệm, đến tháng 5 năm 2015 Nhà trường đã xây dựng đề án trình Bộ Y tế phê duyệt thành lập Phòng HTQT. Đến ngày 17 tháng 9 năm 2015 Bộ Y tế ban hành Quyết định số 3883/QĐ-BYT về việc thành lập Phòng HTQT thuộc trường ĐHQĐ-NĐ. Kể từ đây phòng HTQT đã được tổ chức và quản lý chuyên nghiệp hơn, mang lại những lợi ích thiết thực nhất định giúp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, giảng viên và sinh viên; tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường tập trung vào các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, thực hiện đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học. Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường đã và đang triển khai luôn theo hướng tuân thủ đúng quy định của luật pháp Nhà nước Việt Nam và Quốc tế; hoạt động HTQT về đào tạo có hiệu quả và hoạt động HTQT về nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

Tiêu chí 8.1

Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Nhà trường đã thành lập Phòng Hợp tác quốc tế là bộ phận chuyên trách về hoạt động hợp tác quốc tế, đưa công tác HTQT trở thành một nhiệm vụ then chốt nhằm thúc đẩy hoạt động đào tạo và NCKH. Các hoạt động HTQT của Nhà trường đã thực hiện theo đúng Quy định của nhà nước về xuất nhập cảnh đối với công dân Việt

Nam và người nước ngoài; các quy định của Chính phủ và Bộ Y tế về hợp tác đầu tư trong lĩnh vực đào tạo, NCKH; về tổ chức hội nghị và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam (H8.8.1.1). Trường có mối liên hệ chặt chẽ với phòng PA 61 và PA 83, Vụ HTQT-BYT báo cáo đầy đủ và đúng những theo yêu cầu và quy định về công tác quản lý đoàn ra và đoàn vào (H8.8.1.2). Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của HTQT năm 2014; Quyết định điều chuyển và ban hành chức năng nhiệm vụ của phòng HTQT thuộc trường ĐHQGHN, quy định quản lý đoàn ra và đoàn vào năm 2015 (H8.8.1.3).

Hoạt động hợp tác Quốc tế của Trường được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước và đảm bảo an ninh, an toàn. Các công văn, tài liệu hướng dẫn và những văn bản hiện hành của Bộ Y tế về hợp tác Quốc tế được Phòng hợp tác Quốc tế của Nhà trường nghiên cứu, thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước. Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch hoạt động hợp tác quốc tế và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo kế hoạch đặt ra, nội dung ký kết thống nhất từ cá nhân, đơn vị, phòng ban, Ban Giám hiệu Nhà trường (H8.8.1.4). Không có trường hợp người nước ngoài công tác tại Trường vi phạm quy định lưu trú và luật pháp của Nhà nước Việt Nam.

Trường cũng đã thực hiện đúng quy trình cử các bộ, viên chức đi học tập, công tác ở nước ngoài. Tất cả cán bộ đã đi, về đúng kế hoạch, không có trường hợp nào vi phạm qui định của nước sở tại. Công tác hợp tác quốc tế đã thu được những kết quả tích cực trong 5 năm trở lại đây (H8.8.1.5). Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ, giảng viên còn chưa ý thức được nhiệm vụ báo cáo kết quả học tập/công tác tại nước ngoài. Một số đơn vị còn bị động trong việc trong quá trình làm việc với các chuyên gia nước ngoài do thông tin về các đối tác nước ngoài đến các đơn vị còn chậm trễ.

2. Điểm mạnh

Hoạt động hợp tác Quốc tế của Trường chuyên nghiệp hơn so với những năm kể ngay từ khi thành lập phòng HTQT. Từ năm 2010 đến nay, Nhà trường không vi phạm các quy định hiện hành về các hoạt động HTQT. Đồng thời những qui định về hợp tác Quốc tế luôn được cập nhật.

3. Tồn tại

Một số cán bộ, giáo viên ở các Khoa, phòng trung tâm chưa thực sự quan tâm đến việc tìm hiểu các văn bản, quy định định về HTQT nên nhiều cán bộ giảng viên

còn xem nhẹ và chưa kịp thời báo cáo kết quả học tập thăm quan và làm việc ở nước ngoài. Việc thông tin về các đối tác nước ngoài đến các Bộ môn đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2016, Nhà trường sử dụng website và phần mềm quản lý công việc để thông báo nhanh và kịp thời đến các đơn vị trong toàn trường trong việc triển khai thực hiện kế hoạch HTQT, các thông tin về học bổng, thông tin đối tác.

Xây dựng đội ngũ công tác viên tại các khoa, tổ chuyên môn nhằm phối thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa, bổ sung các điều khoản quy định rõ trách nhiệm của các phòng, khoa và cá nhân khi thực hiện các chương trình hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm tạo ra cơ chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế chặt chẽ và hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2

Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học

1. Mô tả

Nhà trường xác định hoạt động hợp tác Quốc tế là đòn bẩy thúc đẩy các hoạt động đào tạo. Vì vậy, trong các năm 2010 – 2015, các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Quy mô hoạt động hợp tác ngày càng mở rộng với nhiều hình thức hoạt động đa dạng. Trường đã chủ động quan hệ hợp tác với các trường đại học của các nước trên thế giới như: Thái Lan, Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và ký kết 07 biên bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài (H8.8.2.1). Trong 5 năm trở lại đây, thông qua Bộ Y tế, các chương trình hợp tác Nhà trường Nhà trường đã cử 94 cán bộ giảng viên và sinh viên đi tham quan, học tập nâng cao trình độ ở các quốc gia, trong đó có 8 Thạc sĩ và 4 Tiến sĩ (H8.8.2.2). Bên cạnh đó trường đón tiếp, làm việc với hơn 40 đoàn vào và 200 khách quốc tế là các đối tác, chuyên gia, giảng viên mời giảng và tham dự các hội nghị hội thảo, các khoá học ngắn hạn, seminar chuyên đề cho giảng viên tại Trường (H8.8.2.3).

Trường cũng hợp tác với trường đại học Chulalongkon thẩm định chương trình

đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng và mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Điều dưỡng duy nhất tại Việt Nam (H8.8.2.4). Chương trình đào tạo của trường được các tổ chức quốc tế nhận xét đánh giá (H8.8.2.5).

Đặc biệt, Nhà trường mời các Giáo sư, Phó giáo sư, các giảng viên có trình độ Tiến sĩ tham gia giảng dạy 06 môn học trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng: môn Thực hành Điều dưỡng nâng cao; Phương pháp giảng dạy Điều dưỡng; Thực hành Điều dưỡng dựa trên bằng chứng, Học thuyết điều dưỡng; Quản lý và lãnh đạo Điều dưỡng, Phương pháp nghiên cứu khoa học (H8.8.2.6). Học viên và các giảng viên trợ giảng được tiếp cận với phương pháp giảng dạy tiên tiến, các kiến thức mới.

Với sự hỗ trợ của dự án ADB, trường đã thực hiện biên soạn và nghiệm thu giáo trình đào tạo (H8.8.2.7), thu hút tổng vốn của dự án ADB 1.094.260 Đô-la Mỹ, 85 danh mục trong thiết bị được đầu tư nhằm nâng cao cơ vật chất cho Nhà trường (H8.8.2.8). Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị, hàng hóa bằng nguồn vốn vay ADB để thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế của trường đã được Bộ Y tế phê duyệt (H8.8.2.9).

Trong khuôn khổ của dự án QUT, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện dự án QUT hiệu quả (H8.8.2.10). Thông qua dự án QUT nhiều giảng viên được tham gia tập huấn về xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường (H8.8.2.10). Đặc biệt qua dự án QUT, Nhà trường đã xây dựng được chương trình đào tạo dựa trên năng lực (H8.8.2.11). Tổng tiền thu hút đầu tư cho đào tạo giảng viên, tập huấn thông qua dự án QUT hơn 23.000 Đô la Mỹ (H8.8.2.12).

Song song với việc cử giảng viên, cán bộ đi học tập tại nước ngoài; mời giảng viên và các chuyên gia giảng dạy và trao đổi kinh nghiệm, Nhà trường cũng thúc đẩy các chương trình trao đổi sinh viên nhằm tạo cơ hội cho sinh viên Nhà trường giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, trải nghiệm thực tế (H8.8.2.13). Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, đội ngũ giảng viên, sinh viên của Nhà trường có nhiều cơ hội thuận lợi bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy và chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, do lực lượng làm công tác hợp tác quốc tế còn ít, vì vậy việc tìm các đối tác cũng như gắn kết các chương trình, dự án hợp tác đôi khi chưa thực sự tốt.

2. Điểm mạnh

Việc mở rộng quan hệ hợp tác với các nước đã giúp Nhà trường xây dựng được chương trình đào tạo Đại học và Thạc sĩ đạt chuẩn, trang thiết bị phục vụ giảng dạy/học tập được bổ sung và nâng cấp đáng kể góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên, chất lượng đào tạo nhằm phát huy tiềm lực của Nhà trường.

3. Tồn tại

Các Khoa, Phòng, cá nhân chưa chủ động trong việc tìm nguồn, chưa thực hiện tốt việc báo định kỳ các hoạt động hợp tác quốc tế.

Đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế còn mỏng, chưa được đào tạo về nghiệp vụ công tác hợp tác quốc tế, do đó còn hạn chế trong việc gắn kết chặt chẽ các chương trình, dự án hợp tác.

Các Khoa, Trung tâm trong Nhà trường chưa thực sự chủ động trong công tác HTQT.

Các hình thức HTQT về đào tạo, trao đổi sinh viên chưa thực sự thu hút được nhiều sinh viên đến từ các nước phát triển.

Cơ hội đi thực tế của sinh viên tại các trường đại học nước ngoài còn hạn chế, chỉ giới hạn ở học viên Cao học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường sẽ bổ sung nhân lực đảm nhiệm công tác hợp tác quốc tế, đồng thời điều chỉnh các quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, bổ sung các quy định phù hợp để gắn kết chặt chẽ hơn nữa các chương trình, dự án hợp tác nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, cử cán bộ đảm nhiệm công tác hợp tác quốc tế tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đặc biệt các khóa học đào tạo về viết dự án đề xuất và quản lý dự án nhằm tăng cường vai trò chủ động tìm nguồn dự án của các tổ chức nước ngoài.

Tiếp tục tìm hiểu, mở rộng và xây dựng mối quan hệ hợp tác với các trường đại học trên thế giới. Nhà trường chú trọng cải tiến website để giới thiệu và thu hút các tổ chức, cũng như các trường đại học trên thế giới hợp tác với Trường.

Thực hiện các chương trình quảng bá để thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập và giao lưu.

Tăng cường cơ hội đi thực tế ở nước ngoài của sinh viên, mở rộng cho đối

tượng sinh viên Đại học.

Tổ chức nhiều hơn nữa các chương trình giao lưu giữa sinh viên Việt Nam với sinh viên các trường đối tác.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Trường luôn xác định công tác hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học là một nội dung quan trọng. Trường đã cử 08 giảng viên đi học cao học tại Thái Lan, Hà Lan và 04 giảng viên đi học nghiên cứu sinh tại Anh Quốc, Thái Lan, Hồng Kong nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cũng như năng lực nghiên cứu khoa học. Các đề tài luận văn của các giảng viên trên có đóng góp tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học của trường (H8.8.3.1).

Trường đã cử các cán bộ giảng viên tham gia báo cáo tại các Hội thảo quốc tế về điều dưỡng (H8.8.3.2).

Các hoạt động HTQT còn được thông qua các chương trình hội nghị, hội thảo quốc tế và đào tạo phương pháp NCKH bằng việc mời giảng viên trường Burapha Thái Lan, Kyushu, Nhật Bản giảng dạy môn Phương pháp nghiên cứu khoa học cho học viên Cao học và giảng viên (H8.8.3.3).

Nhà trường tổ chức 03 hội thảo khoa học với sự tham gia của các giảng viên, chuyên gia quốc tế chia sẻ các quan điểm khoa học về Giáo dục Điều dưỡng ở Nhật Bản; Chương trình giáo dục Đại học ở trường Đại học Bách khoa Hồng Kông; Chương trình đào tạo dựa trên năng lực ở Úc (H8.8.3.4).

Bên cạnh đó dự án QUT cũng mở ra chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các chuyên gia và giảng viên của Nhà trường nghiên cứu về Nhận thức của sinh viên Đại học Điều dưỡng về môi trường học tập trong chương trình đào tạo dựa trên

năng lực mới: Nghiên cứu đa chiều tại Việt Nam (H8.8.3.5). Thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu các giảng viên và nghiên cứu viên được tiếp cận phương pháp làm việc và phương pháp nghiên cứu, năng lực nghiên cứu, phát huy khả năng làm việc độc lập. Dự án hợp tác nghiên cứu này đã thu hút đầu tư ban đầu cho giai đoạn 1 là 2000 Đô la Mỹ (H8.8.3.6). Bên cạnh đó, Nhà trường có các cán bộ giảng viên đăng tải các báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí quốc tế (H8.8.3.7).

Nhìn chung, công tác hợp tác quốc tế đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên trong trường. Tuy nhiên, số lượng các đề tài, báo cáo, bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chưa nhiều, chủ yếu tập trung vào một số cán bộ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, hoạt động hợp tác Quốc tế của Nhà trường đã nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của một bộ phận cán bộ giảng viên, sinh viên; giúp giảng viên tiếp cận được phương pháp NCKH tiên tiến; tiếp cận nguồn dữ liệu phong phú, nâng cao năng lực tổ chức các cuộc hội thảo có yếu tố khách quốc tế tham gia.

3. Tồn tại

Tiềm năng nghiên cứu của cán bộ giảng viên của Nhà trường khá lớn, tuy nhiên việc thiết lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực và thế mạnh nghiên cứu còn rời rạc, do đó chưa phát huy được hết tiềm năng.

Số lượng các dự án Quốc tế, các bài báo và công trình nghiên cứu của giảng viên Nhà trường được đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Chưa tổ chức nhiều các hội nghị, hội thảo khoa học tầm cỡ quốc tế.

Các cán bộ giảng viên tham dự hội thảo và đào tạo ở nước ngoài chưa thực sự phát huy vai trò là cầu nối trong các dự án hợp tác NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Trường có kế hoạch khuyến khích thiết lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thế mạnh để tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện các chương trình/dự án hợp tác nghiên cứu có quy mô lớn, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của Nhà trường.

Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học cho cán bộ giảng viên trẻ để chuẩn bị nguồn lực,

chủ động thiết lập quan hệ với các đối tác tiềm năng trong việc thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu phù hợp với tiềm lực của Nhà trường.

Định kỳ hàng năm tổ chức ít nhất một hội thảo quốc tế có sự tham gia của các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Nhà trường giao nhiệm vụ và tạo điều kiện cho giảng viên tốt nghiệp ở nước ngoài có thể phát huy vai trò là cầu nối giữa Nhà trường với các tổ chức quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 8

Trong 5 năm trở lại đây hoạt động hợp tác quốc tế của trường đã có những bước khởi sắc đáng kể, đem lại hiệu quả thiết thực cho trường và góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của trường, góp phần nâng cao uy tín của trường trong khu vực và quốc tế. Hoạt động hợp tác quốc tế của trường ngày càng đi vào nề nếp, quy củ, bài bản hơn, đúng với các quy định hiện hành và đảm bảo an ninh trong hợp tác quốc tế. Các chương trình, dự án quốc tế được thực hiện đa dạng trên các lĩnh vực chứng tỏ tính hội nhập quốc tế trong chương trình đào tạo của trường ngày càng được nâng cao. Trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ của giảng viên ngày càng được cải thiện hơn, nhất là đối với giảng viên trẻ, cơ sở vật chất trường học, phòng thí nghiệm được đầu tư hiện đại hơn, đáp ứng tốt hơn năng lực đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, để xứng đáng với tầm vóc, quy mô phát triển trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong những năm tới trường cần tập trung khắc phục những tồn tại, đồng thời tiếp tục duy trì, chủ động đầu tư và phát triển hơn nữa lĩnh vực này. Trường cần mở rộng hình thức hợp tác Quốc tế; qua đó, tiếp nhận công nghệ, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục tìm kiếm và giới thiệu các đề tài nghiên cứu cần sự hợp tác của các đại học trên thế giới.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

TIÊU CHUẨN 9

THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Cùng với việc xây dựng đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; trong những năm qua, Trường Đại học ĐDND đã không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và NCKH. Đến nay, Trường đã có một hệ thống CSVC và thiết bị khang trang. Thư viện của Trường được nâng cấp về cơ sở hạ tầng và nguồn lực đáp ứng yêu cầu giảng dạy/học tập và nghiên cứu khoa học. Khu giảng đường được xây mới với diện tích và trang thiết bị đạt tiêu chuẩn Việt Nam 3981/85. Khu thực hành, thí nghiệm có đủ phòng, diện tích; trang thiết bị, phương tiện dạy/học ngày càng hiện đại. Môi trường làm việc thân thiện và không ngừng được cải thiện ngày một tốt hơn. Công tác quản lý CSVC, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý công sản. Công tác an ninh, trật tự trong Trường và tại KTX sinh viên luôn luôn được đảm bảo tốt. Trường có đầy đủ các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho CBVC và người học.

Tuy vậy, sách giáo khoa vẫn còn thiếu, phần mềm ELIB LITE chưa được bổ sung đầy đủ các phân hệ để quản lý thư viện.

Tiêu chí 9.1

Thư viện của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Trong đó, thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả

1. Mô tả

Thư viện trường ĐHĐDND được thành lập từ năm 2001 thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định (H9.9.1.1); (H9.9.1.2); (H9.9.1.3). Được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, thư viện đang phát triển cả chất, lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng học liệu của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường. Về tổ chức, thư viện là đơn vị độc lập trực thuộc Ban Giám hiệu; hiện nay, tổ chức hoạt

động của thư viện gồm có các phòng như: phòng mượn trả tài liệu, phòng đọc sinh viên, phòng tra cứu Internet, đa phương tiện (H9.9.1.4); (H9.9.1.5).

Biên chế của thư viện là 6 cán bộ, bao gồm: Trưởng thư viện và 5 cán bộ đều là cử nhân chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Thư viện hoạt động theo giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần và mở cửa ngoài giờ buổi tối (H9.9.1.5).

Về cơ sở vật chất và vốn tài liệu: Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường là: 1.400 đầu sách (H9.9.1.6), trong đó:

- Số đơn vị sách: 45.000 đơn vị sách;
- Số đầu sách giáo trình: 120 đầu sách; số đơn vị sách giáo trình: 19.230 đơn vị sách;
- Số đầu sách: 1380 đầu sách tham khảo; số đơn vị sách: 25.770 đơn vị sách tham khảo;

- Số đầu báo, tạp chí thường là 31 đầu tạp chí, tạp chí chuyên ngành là 28 đầu tạp chí. Việc bổ sung giáo trình, sách tham khảo được thực hiện trường xuyên: năm 2012 bổ sung 172 đầu sách (H9.9.1.7); (H9.9.1.8); năm 2014 bổ sung 96 đầu sách (H9.9.1.10); (H9.9.1.11); năm 2015 bổ sung 82 đầu sách (H9.9.1.12); (H9.9.1.13) đã từng bước đáp ứng được học liệu cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường.

Nhà trường có thư viện điện tử nối mạng INTERNET và mạng LAN với 1 máy chủ và 55 máy trạm (H9.9.1.4). Địa chỉ vào trang Web thư viện là <http://ndun.edu.vn/index.php/thuvien>. Thư viện mới được trang bị phần mềm ILIBME (H9.9.1.9). Đây là phần mềm quản lý gồm nhiều phân hệ: phân hệ bổ sung, phân hệ lưu thông tài liệu, phân hệ quản lý bạn đọc, phân hệ biên mục tài liệu. Thư viện đã cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) sách: 1000 biểu ghi, CSDL báo, tạp chí: 723 biểu ghi, CSDL luận văn, luận án: 95 biểu ghi, CSDL bài trích: 11 biểu ghi. Hàng ngày, khoảng 100 đến 120 độc giả đến thư viện điện tử để truy cập mạng. Phần mềm thư viện điện tử đã được đưa lên website của nhà trường (địa chỉ <http://thuvien.ndun.edu.vn>) và được thông báo rộng rãi tới các đối tượng người đọc. Bên cạnh đó, thư viện còn có các tài liệu hướng dẫn sử dụng, cài đặt, phần mềm để cho cán bộ thư viện cũng như người sử dụng dễ dàng truy cập (H9.9.1.14) .

Thăm dò, khảo sát nhu cầu thông tin là một việc làm cần thiết để thư viện nắm bắt và đáp ứng kịp thời nhu cầu của bạn đọc. Việc thỏa mãn các yêu cầu thông tin

chính là một hoạt động để phát triển thư viện, nâng cao vai trò của thư viện cũng như tạo mối quan hệ mật thiết giữa bạn đọc với thư viện. Thư viện đã tiến hành các khảo sát về nhu cầu tin năm 2012 (H9.9.1.15) và khảo sát nhu cầu tra cứu thông tin năm 2013 (H9.9.1.16). Qua hai khảo sát này cho thấy bạn đọc đánh giá cao vốn tài liệu thư viện, và chất lượng vốn tài liệu đáp ứng phần lớn nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.

Công tác hướng dẫn, đào tạo người dùng tin được tiến hành thường xuyên. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học thư viện có buổi hướng dẫn cho các bạn sinh viên mới nhập trường về kỹ năng sử dụng và khai thác Thư viện hiệu quả (H.9.9.1.21). Thư viện kết hợp với bộ môn/khoa/giảng viên tổ chức Ngày hội đọc sách và triển lãm sách thu hút được rất đông bạn đọc (H.9.9.1.20). Cũng trong ngày hội, thư viện giới thiệu sách theo chủ đề đến từng bộ môn, giảng viên để từ đó hướng dẫn cho sinh viên sử dụng và khai thác hiệu quả học liệu tại thư viện.

Về cơ sở hạ tầng, thư viện có thiết kế mặt bằng từng tầng với diện tích khoảng 812 m² được bố trí toàn bộ khu nhà 3 tầng. Các bộ phận của thư viện như phòng đọc ở tầng 1 với diện tích khoảng 100 m²; phòng mượn sách tham khảo và giáo trình 100m²; thư viện điện tử 60m²; phòng nghiệp vụ và phòng trưởng thư viện 40m², và kho lưu với diện tích 100m². Quang cảnh xung quanh với nhiều cây cối, yên tĩnh, độc lập rất thích hợp cho bạn đọc học tập, nghiên cứu khoa học (H9.9.1.17) (H9.9.1.19).

Hoạt động của thư viện cụ thể hóa trong các quy định của phòng mượn trả, phòng đọc, phòng thư viện điện tử và việc thu thập và việc khai thác tài liệu nội sinh của trường (H9.9.1.5); (H9.9.1.18).

2. Điểm mạnh

Thư viện của Nhà trường được đầu tư về cơ sở hạ tầng và nguồn lực đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 3981:85. Về nguồn lực, cán bộ thư viện 100% tốt nghiệp đại học chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Với cơ sở hạ tầng và nguồn lực nêu trên, thư viện đã làm tốt công tác phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trang thiết bị, phương tiện tra cứu phục vụ người học đã được Nhà trường đầu tư ngày càng hiện đại, đảm bảo chất lượng. Phần mềm quản lý được đưa vào sử dụng hiệu quả tại thư viện như phần mềm ILIBME của công ty CMC.

3. Tồn tại

Công tác bổ sung chỉ tập trung vào các tài liệu chuyên ngành nên còn thiếu một số các tài liệu thuộc các lĩnh vực khác như văn hóa, văn học nghệ thuật...

Phần mềm ILIBME mới được cấp năm 2014 nên chưa được nhập đầy đủ các dữ liệu để quản lý thư viện: khâu lưu thông sách, quản lý bạn đọc, an ninh mạng;

Chưa có phần mềm số thư viện để có thể đọc toàn văn tài liệu, phần mềm chưa có sự liên kết với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế.

Hệ thống máy tính tại Thư viện đã cũ (được cấp 2009) và cần nâng cấp về cấu hình, trang bị hệ thống diệt virus để đảm bảo công tác tra cứu, và nghiệp vụ tại thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, hoàn chỉnh phần mềm quản lý thư viện ILIBME để đưa các module lưu thông tài liệu, module quản lý bạn đọc vào sử dụng.

Xây dựng kế hoạch phát triển thư viện số giúp bạn đọc tra cứu toàn văn các tài liệu hiện có tại thư viện trên mạng; số hóa các tài liệu nội sinh trong trường; thư viện số liên kết với các thư viện khác, chia sẻ học liệu với các kho tài liệu của thư viện các trường đại học – cao đẳng – trung cấp khác trên toàn quốc.

Thực hiện bổ sung sách hàng năm, đảm bảo các môn học không thiếu sách giáo khoa, chú trọng đa dạng các sách thuộc văn hóa, văn học nghệ thuật, sách về kỹ năng sống đáp ứng nhu cầu học tập, văn hóa, giải trí của sinh viên.

Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy tính, nâng cấp cấu hình, cài đặt phần mềm diệt virus cho mỗi máy trạm để đảm bảo cho phần mềm quản lý thư viện hoạt động tốt giúp cho bạn đọc khai thác, tra cứu thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học cũng như công tác xử lý nghiệp vụ của cán bộ thư viện được hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2

Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo

1. Mô tả

Hiện nay Trường ĐHDDNĐ có 44 giảng đường trong đó khu giảng đường được thiết kế 4 tầng, với tổng số 33 giảng đường (H9.9.2.1); trong đó, 01 giảng đường từ 200 - 250 chỗ; 06 giảng đường từ 100 - 120 chỗ; 20 giảng đường từ 50 - 70 chỗ; 05 giảng đường từ 10 - 15 chỗ, 01 giảng đường từ 400 - 450 chỗ. Ngoài ra, có 02 giảng đường trong khu nhà labo hiệu bộ 9 tầng (hội thảo 1 có 150 chỗ ngồi, hội thảo 3 có 100 chỗ ngồi); 04 giảng đường ABCD từ 50 – 70 chỗ ngồi; 02 giảng đường nhà TU 50 chỗ ngồi (mới được sửa chữa lại). Các phòng học từ 100 chỗ trở lên đều trang bị hệ thống âm thanh để giảng bài gồm tăng âm, loa, micro. Hiện nay, có 20 giảng đường được trang bị máy tính và thiết bị trình chiếu. Ngoài ra, hệ thống giảng đường còn được kết nối mạng Internet có dây và không dây và đạt TCVN 3981:85 (H9.9.2.2). Diện tích các phòng học được thiết kế theo TCVN 3981:85, tổng diện tích giảng đường là 5620 m², bình quân 1,2 m² cho một chỗ học tập. Giảng đường đáp ứng cho 5.000 sinh viên học 2 ca (H9.9.2.2).

Khu thực tập, thực hành có tổng số 84 phòng (H9.9.2.3). Tổng diện tích của các phòng thực tập, thực hành là 4287,3 m² được thiết kế theo đúng yêu cầu của các Bộ môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập như: diện tích phòng, cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng. Hệ thống phòng thực tập, thực hành của trường gồm có: Bộ môn Dược, Y học cổ truyền 07 phòng thực tập, diện tích 460,2 m²; Bộ môn Điều dưỡng cơ sở và Bộ môn Hộ sinh có 24 phòng thực tập, diện tích 1221,6 m²; Bộ môn Vi sinh - Ký sinh trùng 2 phòng thực tập, diện tích 140,4 m²; Bộ môn Giải phẫu – Mô có 03 phòng thực tập, diện tích 163,8 m²; Bộ môn Sinh lý - Sinh lý bệnh 02 phòng thực tập, diện tích 140,4 m²; Bộ môn Toán - Tin học 02 phòng thực tập, diện tích 140,6 m²; Bộ môn Ngoại ngữ 03 phòng thực tập, diện tích 222,3 m²; Bộ môn Y tế cộng đồng 05 phòng thực tập, diện tích 335,4 m²; Bộ môn Sinh vật 02 phòng thực tập, diện tích 124,8 m²; Bộ môn Hoá học có 02 phòng thực tập, diện tích 130m², Bộ môn Hoá sinh 02 phòng thực tập có diện tích 129 m²; Khoa học cơ bản 2 phòng thực tập có diện tích 140,4 m²; Bộ môn Phục hồi chức năng 9 phòng thực tập có diện tích 367,2 m²; Bộ

môn Điều dưỡng nội người lớn 03 phòng thực tập, diện tích 129,8 m²; Bộ môn Điều dưỡng ngoại người lớn 06 phòng thực tập, diện tích 259,2 m²; Bộ môn Điều dưỡng sản 06 phòng thực tập, diện tích 345,6 m²; Bộ môn Điều dưỡng nhi 02 phòng thực tập, diện tích 86,4 m²; Bộ môn Tâm - Thần kinh 03 phòng thực tập, diện tích 129,6 m².

Phòng học, phòng thực tập, phòng thí nghiệm của nhà trường đáp ứng cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thông qua ý kiến đánh giá phản hồi của người học trước tốt nghiệp, hầu hết các ý kiến của sinh viên đều cho rằng phòng học của nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu cho người học, cơ sở thực hành lâm sàng đáp ứng được nhu cầu của chương trình đào tạo và nhu cầu của người học (H9.9.2.4). Tuy vậy, việc bảo dưỡng trang thiết bị và đồ dùng dạy học chưa được tiến hành thường xuyên; việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về tình trạng giảng đường, mức độ đáp ứng của số lượng và chất lượng các phòng thực hành, thí nghiệm, bệnh viện thực hành chưa được tiến hành định kỳ

2. Điểm mạnh

Giảng đường dạy lý thuyết của nhà trường đáp ứng đủ nhu cầu dạy/học cả về diện tích và trang thiết bị. Khu giảng đường được bố trí học 2 ca trong ngày, học ghép để khai thác tối đa về công suất giảng đường.

Khu thực hành, thí nghiệm đủ phòng, diện tích cho các Bộ môn giảng dạy đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị của phòng thực tập và giảng đường.

Việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về tình trạng giảng đường, phòng thực hành và bệnh viện thực hành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường xây dựng chế độ bảo dưỡng định kỳ, bắt buộc đối với các trang thiết bị được trang bị ở giảng đường, phòng thực tập, thực hành; Có nhật ký bảo dưỡng định kỳ và báo cáo Ban Giám hiệu 1 tháng 1 lần.

Toàn bộ các giảng đường sẽ được trang bị 100% máy tính và thiết bị trình chiếu.

Hàng năm, tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bộ giảng viên và sinh viên về mức độ đáp ứng về số lượng và chất lượng các phòng thực hành, thí nghiệm và bệnh viện của của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3

Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo

1. Mô tả

Từ khi được nâng cấp thành trường Đại học, Nhà trường đã tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị và phương tiện dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Đặc biệt từ năm 2010 đến 2015, ngoài nguồn ngân sách thường xuyên và ngân sách Nhà nước (H9.9.3.1; H9.9.3.2; H9.9.1.11; H9.9.3.16; H9.9.3.20; H9.9.3.35; H9.9.3.44), Nhà trường được thụ hưởng Dự án “Chương trình phát triển nguồn Nhân lực y tế” hỗ trợ Nhà trường các lĩnh vực: xây dựng cơ bản, đào tạo, mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Tổng mức đầu tư là 86.334.401.352 đồng; cụ thể mức đầu tư trong giai đoạn 2010 – 2015 như sau:

Năm	Mức đầu tư (đồng)
2011	4.485.909.832
2012	2.400.000.000
2013	18.472.111.500
2014	2.721.773.820
2015	7.986.915.000

Năm 2016 Nhà trường tiếp tục được thụ hưởng nguồn kết dư từ dự án “Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế” gồm 21 danh mục thiết bị với tổng vốn đầu tư là 6.446.200.000 đồng (H9.9.3.54).

Nhà trường đã được phê duyệt thêm dự án “Tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ” giai đoạn 2016 - 2018 trang bị cho 02 đơn nguyên phòng tiền lâm sàng nghiên cứu Hồi sức cấp cứu gồm 26 danh mục và phòng tiền lâm sàng nghiên cứu điều dưỡng Nhi khoa với 26 danh mục. Tổng mức đầu tư cho dự án này là 9.992.000.000

đồng (H9.9.3.55). Năm 2016 đã triển khai đấu thầu mua sắm các trang thiết bị thuộc phòng nghiên cứu điều dưỡng Nhi với tổng mức 3.078.000.000 đồng.

Quy trình mua sắm được thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch và thực hiện tốt luật phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực quản lý cơ sở vật chất. (H9.9.3.3; H9.9.3.4; H9.9.3.5; H9.9.3.6; H9.9.3.7; H9.9.3.8; H9.9.3.9; H9.9.3.10; H9.9.3.12; H9.9.3.13; H9.9.3.18; H9.9.3.19; H9.9.3.27; H9.9.3.28; H9.9.3.29; H9.9.3.32; H9.9.3.33; H9.9.3.41; H9.9.3.42; H9.9.3.45). Hiện nay các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng, tiếp cận được các trang thiết bị hiện đại phù hợp thực tế với các bệnh viện đang sử dụng. Điều này giúp sinh viên khi đi thực tế lâm sàng dễ dàng tiếp cận với các kỹ thuật thực tế (H9.9.3.53). Các phòng thực hành đều có nội qui phòng thực hành. Các trang thiết bị tại các phòng đều có sổ theo dõi số lượng, lý lịch trang thiết bị, qui trình vận hành, nhật ký sử dụng đúng theo qui định. Khi máy móc và các trang thiết bị bị hỏng, có đề nghị sửa chữa của Phòng/Bộ môn, Phòng vật tư và trang thiết bị cử cán bộ xuống lập biên bản xác định tình trạng thiết bị và có phương án tiến hành sửa chữa trong vòng 05 ngày (H9.9.3.30; H9.9.3.31; H9.9.3.34; H9.9.3.43). Hằng năm vào kỳ nghỉ hè, phòng Vật tư và trang thiết bị tiến hành rà soát toàn bộ các trang thiết bị trong toàn trường để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa, lên kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm học mới.

Việc khảo sát, đánh giá về hiệu quả của công tác này trong các năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên công tác này chưa được thực hiện thường xuyên, chưa có các nghiên cứu khảo sát đánh giá chính xác mức độ hài lòng của giảng viên, sinh viên về chất lượng thiết bị giảng dạy phục vụ công tác dạy và học trong nhà trường.

Trong quy hoạch tổng thể phát triển của Nhà trường, Nhà trường sẽ mở rộng qui mô đào tạo và thêm các mã ngành mới, thành lập bệnh viện thực hành (H9.9.3.52). Đây là thời cơ thuận lợi nhưng cũng là thách thức mới trong lĩnh vực đầu tư nói chung trong đó có đầu tư cho các trang thiết bị, phương tiện dạy/học và nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Các trang thiết bị, phương tiện dạy/học và nghiên cứu khoa học được Nhà trường đầu tư ngày càng hiện đại, bảo đảm chất lượng, khai thác và hoạt động có hiệu quả. Các trang thiết bị hiện đại, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các phần mềm hiện

có đã hỗ trợ đắc lực cho công tác giảng dạy/học tập của Nhà trường.

Việc mua sắm, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng có các phòng chức năng chuyên biệt đảm nhiệm. Các phòng đều có cán bộ kỹ thuật để sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời các trang thiết bị khi có sự cố bất thường trong quá trình vận hành.

3. Tồn tại

Mặc dù đã chú trọng đầu tư cho cơ sở vật chất, nhưng so với nhu cầu hiện nay, việc trang bị các thiết bị hiện đại chưa có khả năng triển khai đồng loạt và cập nhật đầy đủ theo yêu cầu. Một số trang thiết bị chưa được khai thác hết hiệu quả sử dụng.

Công tác khảo sát, đánh giá về hiệu quả của các trang thiết bị chưa được thực hiện thường xuyên, chưa có các nghiên cứu khảo sát đánh giá chính xác mức độ hài lòng của giảng viên, sinh viên về chất lượng thiết bị giảng dạy phục vụ công tác dạy và học trong nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường có kế hoạch tập trung và tăng cường tìm các nguồn dự án để đầu tư trang thiết bị và phương tiện giảng dạy/học cho các phòng học, phòng thực hành, phòng thực tập còn thiếu. Bên cạnh đó cũng nâng cao công tác quản lý, bảo quản và nâng cao hiệu quả sử dụng.

Triển khai khảo sát đánh giá hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị, cũng như mức độ hài lòng của giảng viên, sinh viên về số lượng và chất lượng thiết bị giảng dạy phục vụ công tác dạy và học.

Khi bệnh viện thực hành đi vào hoạt động, cần kết hợp giữa công tác giảng dạy thực hành tại các phòng thực hành ở các bộ môn, phòng thực hành tiền lâm sàng và công tác khám chữa bệnh để nâng cao hiệu quả sử dụng các trang thiết bị và kiến thức thực tế cho học viên, sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4

Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý

1. Mô tả

Nhìn chung, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của trường ĐHDDNĐ trong giai đoạn hiện tại đang dần đáp ứng được nhu cầu công việc và Quản lý bằng CNTT và hướng tới đó là quy hoạch tổng thể toàn diện và liên hoàn các hoạt động trong Nhà trường về ứng dụng CNTT giúp giảm thiểu số người quản lý sổ sách thủ công và công việc quản lý cũng được chặt chẽ hơn.

* Hiện trạng phần mềm:

Trường ĐHDDNĐ đang sử dụng các hệ thống phần mềm như sau (H9.9.4.1):

- Trang thông tin điện tử (website) www.ndun.edu.vn được Nhà trường xem như một kênh thông tin hiệu quả, thường được sử dụng trong các hoạt động diễn ra trong trường, phản ánh các hoạt động của đơn vị.

- Phần mềm thư viện điện tử: www.thuvien.ndun.edu.vn

- Phần mềm Quản lý đào tạo www.daotao.ndun.edu.vn, (Công thông tin tra cứu và nhập Dữ liệu của cán bộ) www.hssv.ndun.edu.vn (Cổng thông tin tra cứu điểm thi và đăng ký học trực tuyến của HSSV).

- Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, quản lý nhân sự, Quản lý công văn đang được sử dụng tại phòng Tổ chức cán bộ và phòng Hành chính <http://dhdd.isoonlinend.vn>.

- Phần mềm tài chính kế toán được kết nối qua cổng thông tin của QLĐT www.daotao.ndun.edu.vn hiện đang sử dụng tại phòng Tài chính kế toán.

- Phần mềm Quản lý đề thi và tổ chức thi trên máy tính tại Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Phần mềm Quản lý khu thực hành mô phỏng

Phần mềm được quản lý đồng nhất về cơ sở dữ liệu hiệu quả trong việc triển khai và tích hợp với hệ thống chung Nhà trường. Các phần mềm trên có bản quyền được Công ty CMC Soft cung cấp, phần mềm này được áp dụng cho rất nhiều trường Đại học và Cao đẳng. Đặc biệt phần mềm này được chạy trên môi trường Internet nên có thể làm việc ở tất cả mọi nơi không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm. (H9.9.4.9).

*** Hiện trạng phần cứng:**

Trang thiết bị tin học hỗ trợ cho hoạt động quản lý, giảng dạy/học tập và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong 5 năm trở lại đây ngày càng tăng về số lượng (H9.9.4.2, H9.9.4.3, H9.9.4.4). Cụ thể như sau: Máy tính cá nhân 350 (bộ), máy tính xách tay 65 (chiếc), máy chủ 3 (bộ) được phân đều theo nhu cầu sử dụng của từng khoa phòng, bộ môn và trung tâm, khu giảng đường, các phòng thực hành. Tất cả các máy tính làm việc được trang bị hệ thống đường truyền cáp quang 5 đường truyền với dung lượng 50MB của VNPT và Viettel. Ngoài ra còn một số các trang thiết bị văn phòng khác như máy photocopy, máy in, máy chiếu... đã được trang bị tại các khoa và các giảng đường phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của sinh viên.

*** Nhân lực CNTT:**

Để đảm bảo hệ thống mạng và duy trì các hoạt động thuộc lĩnh vực CNTT nhà trường thành lập phòng Công nghệ Thông tin và ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của phòng theo đúng quy định hiện hành. Phòng có 5 cán bộ; trong đó có 04 kỹ sư CNTT và 01 cử nhân Tiếng Anh (H9.9.4.5). Ngay từ khi thành lập, phòng đã tổ chức thực hiện đánh giá hiện trạng, tổng hợp nhu cầu CNTT trên toàn bộ các hoạt động của Nhà trường (H9.9.4.6, H9.9.4.7, H9.9.4.8).

2. Điểm mạnh

Việc trang bị máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu, máy in, máy photocopy... đã hỗ trợ tích cực cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, việc quản lý bằng phần mềm CNTT mang lại hiệu quả tích cực, dần dần giảm bớt các thủ tục hành chính công văn giấy tờ phức tạp, lưu trữ công kênh, các báo cáo thống kê chính xác và kịp thời.

Phần mềm được quản lý đồng nhất về cơ sở dữ liệu hiệu quả trong việc triển khai và tích hợp với hệ thống chung Nhà trường

3. Tồn tại

Việc định hướng phát triển CNTT chưa đồng nhất về quan điểm và cách làm. Đầu tư về CNTT chưa liên tục và đồng đều.

Các trang thiết bị hiện tại vẫn chưa thực sự đồng bộ vì thời gian cung cấp thiết bị khác nhau nên một số trang thiết bị đã trong giai đoạn xuống cấp, mặt khác đối trang thiết bị văn phòng, CNTT thì thời gian khấu hao nhanh (3-5 năm đã lỗi thời).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường sẽ thực hiện một số công việc như sau:

- Phòng CNTT tổ chức lấy ý kiến của giảng viên và người học về tính hiệu quả của trang thiết bị tin học, phần mềm trong giảng dạy, học tập và NCKH.

- Nhà trường bổ sung, hoàn thiện và công bố các qui định về việc khai thác, sử dụng thiết bị tin học và hệ thống mạng, phần mềm quản lý cho toàn đơn vị trong trường.

- Bổ sung một số các trang thiết bị giảng dạy và thực hành cho các phòng thực tập và khu giảng đường.

- Triển khai hệ thống Wifi cho toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5

Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định

1. Mô tả

Số lượng phòng học tại giảng đường của trường là 44 phòng, với tổng diện tích phòng học là 5620m² (H9.9.5.1). Lớp học được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn TCVN 3981:85 (H9.9.5.2), đáp ứng cho 5000 sinh viên học 2 ca, vì vậy diện tích phòng học đáp ứng cho nhu cầu học tập của sinh viên theo tiêu chuẩn TCVN 3981:85 (H9.9.5.2).

Về hoạt động thể dục, thể thao Nhà trường có 2 phòng để 04 bàn bóng bàn, 03 sân cầu lông, 01 sân tennis. Khu thể thao ngoài trời có diện tích khoảng 10.000 m², diện tích này chưa đáp ứng cho nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao cho sinh viên và cán bộ của Trường. Do vậy, Nhà trường khắc phục bằng cách liên hệ và tổ chức cho sinh viên thi đấu bóng đá tại các sân bóng của thành phố Nam Định. Hiện tại, Nhà trường có 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá nhỏ kích thước 50m x 50m. Như vậy theo TCVN 3981:85 (H9.9.5.2), Nhà trường còn thiếu 04 sân bóng rổ và 01 sân quần vợt và bể bơi, nhà thi đấu đa năng.

Về trang thiết bị cho các hoạt động thể thao: Nhà trường có tương đối đầy đủ các trang thiết bị cho cán bộ và sinh viên tập luyện. Trang thiết bị gồm có 4 xà đơn, 2 xà kép, 5 bàn bóng bàn, 50 quả bóng chuyên, 10 quả bóng đá, 20 đôi vợt cầu lông, 20 đôi vợt bóng bàn, lưới bóng chuyên, cầu lông, bóng bàn được thường xuyên thay mới (H9.9.5.3). Về trang thiết bị phục vụ cho văn hoá, văn nghệ, Nhà trường trang bị đầy đủ gồm có 05 bộ micro không dây, 02 bộ loa đài tăng âm, 01 bộ dàn đèn chiếu sân khấu (H9.9.5.4).

Hiện nay, Nhà trường có gần 5000 sinh viên, theo quy mô phát triển của nhà trường số sinh viên những năm sau sẽ tăng lên. Qua theo dõi thực tế số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá chiếm khoảng 43% đến 50% tổng số sinh viên. Như vậy, có khoảng 1900 đến 2400 sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá, đến năm 2015 có khoảng 2236 đến 2600 sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá. Đây là bài toán đặt ra cho Trường về công tác nhà ở của sinh viên theo Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20/4/2009 của Chính phủ về công tác phát triển nhà ở cho học sinh - sinh viên; Quyết định số 495/2009/QĐ-BXD ngày 8/5/2009 của Bộ Xây dựng về ban hành chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-CP; Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho học sinh – sinh viên (H9.9.5.5): Nhà trường phải đáp ứng 30% chỗ ở cho sinh viên, mỗi sinh viên phải có diện tích ở tối thiểu 4 m²

Ký túc xá sinh viên hiện có 3 đơn nguyên nhà 5 tầng có diện tích sàn là 7800 m² với 143 phòng ở khép kín, mỗi phòng có diện tích 28,8 m²; trong đó, khu WC là 7,2 m², ở là 21,6 m². Hiện tại bố trí 8 sinh viên ở 01 phòng, diện tích bình quân là 6.8m²/SV (H9.9.5.6). Tổng số sinh viên ở ký túc xá là 1144.

Nhà trường đã được phê duyệt dự án xây dựng ký túc xá sinh viên mới bằng nguồn trái phiếu Chính phủ (H9.9.5.7), ký túc xá có diện tích sàn là 12.410 m² gồm: 02 toà nhà 7 tầng; trong đó, tầng 1 là ga ra xe của sinh viên, các tầng còn lại là phòng ở của sinh viên; 01 nhà 1 tầng là nhà ăn của sinh viên.

Kế hoạch xây dựng giảng đường, ký túc xá, sân bãi cho các hoạt động thể thao được thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển Trường đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 (H9.9.5.8).

2. Điểm mạnh

Số lượng, diện tích phòng học đáp ứng nhu cầu của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam 3981:85.

Điều kiện sân bãi, dụng cụ tập luyện đáp ứng nhu cầu luyện tập thể thao và văn hoá, văn nghệ của sinh viên.

3. Tồn tại

Chỗ ở ký túc xá chưa đáp ứng được nhu cầu chỗ ở của sinh viên. Hiện tại nhà trường mới chỉ đáp ứng được 30% sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện theo kế hoạch xây dựng giảng đường, ký túc xá, sân bãi cho các hoạt động thể thao được thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển Trường đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

Đẩy nhanh công tác xây dựng ký túc xá sinh viên, đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho sinh viên trong khu nội trú theo tiêu chuẩn Việt Nam 3981:85, vào cuối năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.6

Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Tính đến thời điểm cuối năm 2015, Nhà trường có 04 khoa 26 bộ môn, 12 Phòng ban (bao gồm cả thư viện), 03 trung tâm. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu của Trường là 315. Tổng diện tích phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên của trường là 2677,2 m²; bình quân 01 cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường có diện tích phòng làm việc là 8,5 m²; các đơn vị và Trường đơn vị đều có phòng làm việc riêng (H9.9.6.1). Phòng làm việc của cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, các phòng đều có điều hoà không khí (H9.9.6.2). Trong phòng làm việc được bố trí các trang thiết bị như: máy vi tính cho mỗi Bộ môn 1 chiếc, tuy nhiên số lượng này còn ít chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho giảng viên; đối với các Phòng ban, mỗi chuyên viên một máy vi tính để thuận lợi cho công việc hàng ngày và tất cả máy vi tính được nối mạng Internet (H9.9.6.3); tủ tài liệu mỗi đơn vị có ít nhất 01 tủ chung

đựng tài liệu, mỗi cán bộ có 1 ngăn tủ riêng; bàn ghế làm việc mỗi cá nhân có 01 bàn và 02 ghế; các đơn vị đều được trang bị điện thoại nội bộ để liên lạc (H9.9.6.3). Tại mỗi khoa đều có văn phòng khoa, đây là nơi các giảng viên có thể trao đổi và sinh hoạt chuyên môn. Văn phòng khoa được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công việc và sinh hoạt chuyên môn. Bên cạnh đó nhà trường có 01 hội trường lớn có thể tổ chức sinh hoạt khoa học, chuyên môn cho toàn bộ cán bộ giảng viên trong trường.

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 02 mã ngành điều dưỡng sau đại học: điều dưỡng chuyên khoa I và thạc sĩ điều dưỡng. Nhà trường đã tạo điều kiện cho các học viên có hội trường riêng có đầy đủ các thiết bị máy tính, máy chiếu để học tập và trao đổi chuyên môn (phòng Hội thảo 3).

Nhà trường có xưởng in riêng trực thuộc phòng vật tư trang thiết bị phục vụ công tác in ấn các bài giảng, giáo án của giảng viên và giáo trình cho sinh viên. Điều này, đảm bảo tiết kiệm tài chính cho Trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng, trang thiết bị làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu.

Trường có tổng đài điện thoại nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, cán bộ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Máy vi tính trang bị cho các Bộ môn ít, chưa đáp ứng nhu cầu của giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường sẽ trang bị cho 50% số giảng viên có máy vi tính được nối mạng Internet, giúp cho quá trình giảng dạy/học tập thuận lợi hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.7

**Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85.
Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định**

1. Mô tả

Trường ĐHĐDND được UBND tỉnh Nam Định cấp đất xây dựng trường với tổng diện tích là 5,47 ha theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 10/3/2004 của UBND tỉnh Nam Định (H9.9.7.1).

Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981:85, diện tích đất được cấp của Trường so với quy mô phát triển thì không đạt theo tiêu chuẩn (H9.9.7.2). Theo quy hoạch thực tế, Nhà trường còn thiếu khoảng 1ha đất dành cho khu thể thao ngoài trời. Nhưng do việc thiết kế, quy hoạch trường hợp lý và các công trình được xây dựng cao tầng theo bản vẽ quy hoạch (H9.9.7.3). Do vậy, diện tích khu ký túc xá khoảng 2 ha được xây dựng 7 tầng sẽ đáp ứng được 2000 sinh viên ở ký túc xá. Diện tích khu thể thao khoảng 1,5 ha đáp ứng được các môn thể thao như: bóng bàn, cầu lông, quần vợt, bóng chuyền và bóng đá mi ni, thể dục dụng cụ (H9.9.7.3); còn bóng đá theo sân chuẩn thì Nhà trường phải liên hệ và tổ chức cho sinh viên thi đấu ở sân của thành phố Nam Định. Diện tích theo quy hoạch dành cho khu học tập khoảng 2 ha, nhưng được xây dựng cao tầng; do vậy, đáp ứng được yêu cầu về số phòng học của sinh viên. Bên cạnh đó, các công trình xây dựng được khai thác tối đa như: hội trường lớn ngoài chức năng hội họp còn là giảng đường, các phòng hội thảo, giao ban còn được sử dụng làm giảng đường, phòng diễn giảng.

Mật độ xây dựng theo quy hoạch là 22,6%, đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981:85 (H9.9.7.2). Diện tích mặt bằng sử dụng hiện tại của Nhà trường là xấp xỉ 3 ha đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động giảng dạy, học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

2. Điểm mạnh

Quỹ đất của Trường chỉ có 5,47 ha, nhưng do quy hoạch hợp lý, tiết kiệm, khoa học và quỹ đất được sử dụng tối ưu nên bước đầu đáp ứng yêu cầu về: các khu học tập, khu ký túc xá, khu thể thao, theo tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Tồn tại

Diện tích đất dành cho khu thể thao ngoài trời còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên và cán bộ Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường có kế hoạch thuê thêm sân bãi của Thành phố Nam Định, đáp ứng nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên và cán bộ viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.8

Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (H9.9.8.1); Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng trường ĐHĐDNĐ là chiến lược xây dựng cơ sở hạ tầng, để phục vụ cho quy hoạch phát triển tổng thể (H9.9.8.2). Dự án được chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn 1 hoàn thành các hạng mục đưa vào sử dụng năm 2010 gồm khu giảng đường; khu thực tập tiền lâm sàng; khu Hiệu bộ, labo, các Bộ môn và hành chính làm việc; hạ tầng kỹ thuật như đường đi, sân, vườn cấp thoát nước (H9.9.8.2). Giai đoạn 2 xin xây mới các hạng mục hạng mục khu ký túc xá, hạng mục trung tâm khảo thí, thư viện; nhà đa năng, bể bơi, bệnh viện thực hành. (H9.9.8.2).

Dự án xây dựng đến nay đã hoàn thành 4 hạng mục là: khu giảng đường; khu hành chính Hiệu bộ; khu làm việc của các Bộ môn; khu thực tập tiền lâm sàng (H9.9.8.2); hạ tầng kỹ thuật hoàn thành đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên và nơi làm việc của cán bộ, giảng viên. Hệ thống giao thông trong Trường được bê tông hoá bằng nhựa apphan; hệ thống cấp thoát nước đảm bảo tốt; hệ thống cây xanh, thảm cỏ được trồng theo đúng quy hoạch lâu dài, góp phần cải thiện môi trường (H9.9.8.1).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Trường đến năm 2020 và định hướng tới năm 2030 được Bộ Y tế phê duyệt.

3. Tồn tại

Việc thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật còn chậm, do thiếu kinh phí hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng, để hoàn thành các hạng mục của dự án, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển Trường trong quý I năm 2016.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.9

Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học

1. Mô tả

Trong những năm qua Đảng uỷ - Ban Giám hiệu Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác bảo đảm an ninh trật tự, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm có tính chiến lược lâu dài để bảo đảm vững chắc cho sự phát triển của Trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận chuyên trách trong công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh của Nhà trường (H9.9.9.1), có Nghị quyết chuyên đề về công tác an ninh trật tự; xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu và trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với nhiệm vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự (H9.9.9.2).

Định kỳ tổ chức học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các Nghị quyết liên tịch, Thông tư, Kế hoạch, Hướng dẫn liên ngành về công tác an ninh trật tự; tới từng cán bộ, viên chức và sinh viên (H9.9.9.3). Tuyên truyền về tác hại của ma túy và các tệ nạn xã hội đối với đời sống cộng đồng; từ đó, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ an ninh trật tự.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác bảo vệ an ninh, trật tự (H9.9.9.9); ban hành các quy định về nhiệm vụ và yêu cầu đối với tổ bảo vệ của Nhà trường, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của tổ bảo vệ (H9.9.9.1); có sổ giao ban, ghi chép diễn biến hàng ngày về công tác bảo vệ Nhà trường (H9.9.9.4); có sơ đồ hướng dẫn và sơ đồ, phương án phòng cháy chữa cháy và phương án bảo vệ Nhà trường (H9.9.9.5).

Thực hiện mô hình “Tự quản, tự phòng, tự bảo vệ” trong học sinh – sinh viên khu nội trú đó là: “5 tự quản” (tự quản về giờ giấc, sinh hoạt, quan hệ, học tập, kinh tế); “3 tự phòng” (phòng ngừa tội phạm, phòng ngừa tai nạn, tệ nạn xã hội); “2 tự bảo vệ” (tính mạng và tài sản) (H9.9.9.6). Thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng cho SV; thông qua báo cáo của các lớp, lập sổ theo dõi SV ngoại trú. Đăng ký tạm trú cho sinh viên, đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước (H9.9.9.7).

Hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với Phòng PX28, Phòng PA25 công an tỉnh Nam Định tổ chức hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan và ký cam kết thi đua giữa các đơn vị và các lớp sinh viên (H9.9.9.6). Ban quản lý KTX quản lý, đôn đốc sinh viên nội trú chấp hành nội quy khu nội trú, nội quy phòng ở... đảm bảo nơi ăn ở sạch sẽ, an toàn và không có tệ nạn xã hội trong trường học (H9.9.9.8). Lực lượng bảo vệ chuyên trách là lực lượng nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, có đủ về số lượng và chất lượng. Các đồng chí bảo vệ của Trường đã qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Thực hiện đúng công tác báo cáo, đánh giá định kỳ hàng quý, hoạt động của tổ bảo vệ (H9.9.9.9).

Với những biện pháp trên, trong những năm qua Nhà trường không để xảy ra vụ việc mất cắp tài sản của Nhà trường cũng như tài sản cá nhân trong khuôn viên của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai các biện pháp hữu hiệu để đảm bảo an toàn cho Viên chức, người lao động và người học như quản lý chặt chẽ người ra vào cổng nhằm phát hiện kịp thời kẻ gian lợi dụng trà trộn vào Nhà trường gây rối an ninh trật tự và trộm cắp tài sản; lực lượng bảo vệ chuyên trách của Nhà trường còn tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng các phương án chữa cháy tại chỗ, ngăn ngừa cháy nổ, bảo vệ an toàn các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm để mọi viên chức, giảng viên và người học yên tâm học tập. Tuy nhiên nhà trường chưa triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học và viên chức, người lao động trong nhà trường về mức độ an toàn, an ninh trong khuôn viên nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những văn bản và quy định, có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Hàng năm, đã phối hợp với cơ quan công an tổ chức Hội nghị bảo vệ an toàn cơ quan, tổ chức ký cam kết thực hiện bảo vệ an

toàn cơ quan đối với các Phòng, Ban, Bộ môn và các lớp sinh viên. Thực hiện tốt công tác “tự quản, tự phòng, tự bảo vệ”.

3. Tồn tại

Công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học có lúc còn chủ quan.

Chưa triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học và viên chức, người lao động về mức độ an toàn, an ninh trong khuôn viên nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Từ năm 2016, định kỳ năm một lần tổ chức Hội nghị bảo vệ an toàn cơ quan vào tháng 4 hàng năm.

Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và viên chức, người lao động về mức độ an toàn, an ninh trong khuôn viên nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHDDNĐ đảm bảo tốt các điều kiện về CSVC, thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX sinh viên và sân bãi cho TDTT, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH cho CBGV và người học với quy mô đào tạo hiện nay. Nhà trường có đủ phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc và hội họp với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đảm bảo triển khai tốt các hoạt động đào tạo, NCKH nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Kinh phí đầu tư nâng cấp hệ thống thư viện, phòng học, trang thiết bị phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH, TDTT, văn hóa, văn nghệ không ngừng được bổ sung. Mức đầu tư về CSVC, trang thiết bị của năm sau luôn nhiều hơn năm trước. Công tác an ninh trật tự thường xuyên được quan tâm chú trọng. Lực lượng tự vệ và Thanh niên xung kích phối hợp tốt cùng lực lượng bảo vệ chuyên trách để bảo vệ tài sản, an ninh trật tự, an toàn cho CBVC và người học. Trường đã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp nhiều hạng mục, đặc biệt là giảng đường, lớp học phục vụ đào tạo, NCKH...và đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp KTX để giải quyết về nhu cầu chỗ ở cho sinh viên.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

TIÊU CHUẨN 10

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định là đơn vị sự nghiệp được Bộ Y tế phân loại là đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên và giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Việc giao quyền tự chủ cho đơn vị trong quản lý hoạt động thu chi tạo điều kiện cho đơn vị chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy, đa dạng hoá và mở rộng các hoạt động, quy mô đào tạo.

Nhà trường quản lý các nguồn thu ổn định, tạo được các nguồn thu hợp pháp dựa trên các quy định của Nhà nước, được cụ thể hóa bằng những thông tư hướng dẫn. Đặt ra những ưu tiên về tài chính cho việc thực hiện kế hoạch năm học, đặc biệt ưu tiên cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 10.1

Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học

1. Mô tả

Năm 2007, Nhà trường được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính (H10.10.1.1). Theo Quyết định này, Trường được phân loại đơn vị bảo đảm một phần chi phí hoạt động, chi hoạt động thường xuyên do ngân sách Nhà nước cấp năm đầu của thời kỳ ổn định 2007-2009 và tiếp tục được giao tự chủ trong các năm tiếp theo (H10.10.1.2). Nhà trường đã có kế hoạch tự chủ tài chính và các giải pháp tăng nguồn tài chính hợp pháp. Nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để kiểm soát các nguồn thu, nhiệm vụ chi phát sinh tại đơn vị, đảm bảo mức lương theo quy định của Nhà nước, đồng thời tăng cường tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ viên chức và mở rộng các loại hình đào tạo ngắn hạn và liên kết đào tạo để tăng nguồn thu.

Trong 5 năm gần đây, nguồn thu hợp pháp của Trường như sau:

- Nguồn kinh phí Nhà nước cấp: Bao gồm kinh phí đào tạo đại học, sau đại học, kinh phí nghiên cứu khoa học, dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Các nguồn thu sự nghiệp ngoài ngân sách Nhà nước cấp: Bao gồm thu lệ phí tuyển sinh, học phí đào tạo Cao đẳng, Đại học chính quy, liên thông, Chuyên khoa I, Cao học; học phí đào tạo hệ vừa học vừa làm; hợp đồng đào tạo liên kết với các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Tĩnh...

- Các nguồn thu hợp pháp khác: thu các lớp đào tạo ngắn hạn liên tục: tin học, ngoại ngữ, chuyển đổi, quản lý điều dưỡng, thu ký túc xá, dịch vụ nhà ăn ký túc xá, lãi tiền gửi... Năm 2012, Trường đã thành lập Trung tâm hợp tác khoa học và dịch vụ với chức năng hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để tổ chức đào tạo ngắn hạn, khai thác các dịch vụ đào tạo theo nhu cầu xã hội, các hoạt động dịch vụ, triển khai các dự án Khoa học Công nghệ nhằm tăng cường nguồn thu hợp pháp cho nhà Trường.

Tất cả các nguồn thu trên được theo dõi và phản ánh một cách đầy đủ chính xác trong hệ thống tài khoản của Nhà Trường theo đúng quy định Nhà nước, có thống kê chi tiết các nguồn thu (H10.10.1.3) và không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến các nguồn thu tài chính của Nhà trường trong các năm vừa qua (H10.10.1.4).

Hàng năm, căn cứ vào các nhiệm vụ chiến lược, các kế hoạch hoạt động chuyên môn, Nhà trường lập kế hoạch tài chính: dự toán các khoản thu, xây dựng chi tiết các nội dung chi một cách rõ ràng và sát với thực tế. Việc phân bổ, xây dựng kế hoạch tài chính công khai cho tất cả các hoạt động, các đơn vị một cách chi tiết, tập trung cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường một cách hợp lý và đúng quy định về quản lý tài chính (H10.10.1.5).

Quy định về nội dung thu, mức thu và việc sử dụng các nguồn thu sự nghiệp, thu khác của Trường được quy định và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ; cụ thể hoá chi tiết tất cả các khoản thu, chi của từng hoạt động. Nhà trường thực hiện tăng nguồn thu bằng các hoạt động tăng quy mô đào tạo, tăng cường đào tạo liên kết, các hoạt động dịch vụ và tăng cường tiết kiệm chi. Thực hiện giao khoán đến Phòng, Ban, Bộ môn nhằm tiết kiệm chi ngân sách, tăng thu nhập nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức (H10.10.1.6).

Chiến lược, kế hoạch tạo nguồn thu tài chính để tăng kinh phí hoạt động và phát triển Trường bằng các hoạt động duy trì và từng bước tăng quy mô đào tạo qua từng năm: xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo mới: Cử nhân Hộ sinh, Cử nhân Y tế công cộng; tăng cường liên kết đào tạo, kết hợp xây dựng các khoá đào tạo liên tục cho cán bộ y tế theo TT 22/2013/2013/TT-BYT, Trường đã thành lập Trung tâm hợp tác khoa học công nghệ và dịch vụ để tăng cường các hoạt động dịch vụ: tăng cường các hoạt động hợp tác đào tạo, mở các khoá học (tin học, ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Nhật) và các hoạt động dịch vụ khác. Tìm kiếm và tham gia các dự án ODA: ADB, HPET ... Với chiến lược phát triển dài hạn, trong năm 2015 Nhà trường đã triển khai xây dựng đề án thành lập Bệnh viện 300 giường. Ngày 15/7/2016 Bộ Y tế đã có quyết định số 3607/QĐ-BYT về việc thành lập Bệnh viện Trường ĐHQĐNĐ thuộc trường ĐHQĐNĐ; bệnh viện Trường Đại học Điều dưỡng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo thu chi thường xuyên và chi đầu tư, tự chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật (H10.10.1.7). Tiếp đó, Nhà trường sẽ triển khai xây dựng đề án thành lập cơ sở 2 với diện tích 20 hecta đất khu vực mới xã Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định mở rộng quy mô đào tạo, phát triển Bệnh viện 300 giường (H10.10.1.8).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai thực hiện xây dựng kế hoạch tự chủ tài chính, tạo các nguồn thu hợp pháp và quản lý tài chính theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm về quản lý tài chính. Tăng cường mở rộng quy mô, hình thức đào tạo để tăng nguồn thu hợp pháp của đơn vị đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của nhà trường. Nhà trường đã triển khai phân bổ tài chính, xây dựng tự chủ kế hoạch tài chính năm một cách công khai, tiết kiệm.

3. Tồn tại

Tuy đã thành lập Trung tâm hợp tác khoa học công nghệ và dịch vụ để tăng cường các hoạt động dịch vụ nhưng mới chỉ dừng lại ở hoạt động mở các các lớp đào tạo (tin học, ngoại ngữ..) chưa có các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, chưa triển khai tổ chức được các lớp đào tạo ngắn hạn liên tục theo TT22/2013/2013/TT-BYT hướng dẫn đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

Chưa tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bộ liên quan về các giải pháp và kế hoạch tự chủ tài chính đáp ứng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học một cách hệ thống

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường sẽ triển khai tổ chức các lớp học đào tạo ngắn hạn, xây dựng kế hoạch dịch vụ tư vấn đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trung tâm.

Hoàn thiện đề án mở mã ngành đào tạo mới và tuyển sinh: Cử nhân Hộ sinh, Cử nhân Y tế công cộng, thành lập bệnh viện

Triển khai lấy ý kiến phản hồi cụ thể của các bộ liên quan để đưa ra các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính cụ thể, chi tiết hơn mang tính chiến lược; ngày càng mở rộng quy mô, loại hình đào tạo khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định

1. Mô tả

Việc lập kế hoạch tài chính, xây dựng dự toán ngân sách năm sau gắn liền với việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, quy hoạch và chiến lược phát triển đơn vị, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện kế hoạch tài chính năm trước. Tháng 7 hàng năm, cùng với việc lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện kế hoạch tài chính năm, các kết quả sẽ đạt được trong năm, căn cứ vào các chỉ tiêu nhiệm vụ chuyên môn từng năm, Nhà trường tiến hành xây dựng dự toán tài chính cho năm sau trình Bộ Y tế phê duyệt theo các quy trình, biểu mẫu chuẩn hoá theo quy định của Bộ Y tế trong công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính (H10.10.2.1).

Sau khi có Quyết định giao dự toán hàng năm của Bộ Y tế, Nhà trường yêu cầu các đơn vị lập kế hoạch và dự trù các khoản chi của đơn vị gửi phòng các chức năng tổng hợp và báo cáo lãnh đạo thông qua cuộc họp xây dựng dự toán hàng năm (H10.10.2.2). Thông qua các kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng TCKT

sẽ xây dựng và phân bổ dự toán phù hợp với từng hoạt động, từng đơn vị theo hướng ưu tiên, tập trung các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các chiến lược phát triển của Nhà trường, đồng thời có tích lũy tái đầu tư phát triển và nâng cao đời sống cho cán bộ viên chức. Trước khi ban hành chính thức, phòng TCKT sẽ gửi tới các đơn vị lấy ý kiến một lần nữa về tính hợp lý và cân đối của trong việc lập và phân bổ dự toán năm.

Các đơn vị thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi thường xuyên của đơn vị thông quy chế chi tiêu nội bộ, các quy trình mua sắm đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch chống thất thoát tiền của Nhà nước; tổ chức đấu thầu theo luật định (H10.10.2.3). Vì vậy, trong 5 năm trở lại đây Nhà trường chưa để xảy ra vi phạm trong quản lý tài chính của đơn vị.

Khi có thay đổi hoặc điều chỉnh kế hoạch đã được phân bổ thì phòng TCKT thông báo lại cho các đơn vị để rà soát lại kế hoạch cho phù hợp. Công tác tài chính kế toán, được chuẩn hóa thực hiện theo quyết định 19/2006/QĐ-BTC hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp thông qua phần mềm kế toán áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, các công tác tài chính kế toán đều được tin học hoá từ khâu lập dự toán, thực hiện các báo cáo quyết toán, in sổ sách chứng từ lưu trữ (H10.10.2.4).

Nhà trường định kỳ năm một lần, thực hiện việc công khai quyết toán và công khai tài chính trong Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm. Báo cáo về tài chính được công khai, minh bạch các hoạt động thu chi của Trường và giải đáp các thắc mắc của cán bộ, viên chức (H10.10.2.5)

2. Điểm mạnh

Giao kế hoạch tài chính cho các đơn vị trong cơ quan trên cơ sở dân chủ, thực hiện theo chiến lược ưu tiên cho các chương trình trọng điểm của nhà trường như: ưu tiên cho công tác đào tạo, viết giáo trình, NCKH ...

Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng chương trình, đặt ra những ưu tiên và những hạn định về thời gian cho mỗi công việc để có thể theo dõi và đo lường mức độ hoàn thành công việc.

3. Tồn tại

Việc xây dựng kế hoạch, phân bổ tài chính năm còn chậm nên các đơn vị còn vướng trong khâu triển khai thực hiện từ đầu năm của các đơn vị

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch phân bổ tài chính ngay sau khi nhận được quyết định giao dự toán năm tạo thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.3

Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện việc công khai phân bổ, sử dụng tài chính cho các đơn vị trong các cuộc họp, giao ban giữa Ban Giám hiệu với các đơn vị chức năng. Căn cứ đề nghị tài chính của các đơn vị, Phòng tài chính kế toán trình Hiệu trưởng phê duyệt theo hướng ưu tiên các hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng giảng dạy (H10.10.3.1). Các đơn vị căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao theo các quy định hiện hành về mua sắm tài sản cố định, sửa chữa lớn và các khoản chi thường xuyên của đơn vị theo quy chế chi tiêu nội bộ (H10.10.3.2).

Đối với các hoạt động chuyên môn: Nhà trường bố trí kinh phí đầu tư xây dựng trung tâm tiền lâm sàng (thành lập tháng 9 năm 2015), các phòng thực hành, mô phỏng, trang bị các trang thiết bị dạy học (projector, hệ thống máy tính, hệ thống các mô hình, thiết bị y tế, thiết bị thực hành ...) để nâng cao chất lượng giảng dạy; bố trí nguồn kinh phí đưa sinh viên đi thực tập ở tất các tuyến Bệnh viện từ Trung ương đến địa phương để nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên; tập trung kinh phí xây dựng đổi mới chương trình khung chương trình môn học theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường cũng tập trung ưu tiên kinh phí cho đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ bằng các chế độ đãi ngộ, khuyến khích đi học sau đại học trong và ngoài nước.

Đối với các hoạt động mua sắm, sửa chữa: Nhà trường đã ban hành các quy trình mua sắm, thanh toán các hoạt động tại trường nhằm đảm bảo việc thanh toán, mua sắm được phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban chức năng; thực hiện theo quy trình, đúng quy định và đạt được hiệu quả, tiết kiệm. (H10.10.3.3).

Đối với công tác nghiên cứu khoa học: Trường đã ban hành hướng chế độ chi tiêu đối với đề tài Khoa học cấp cơ sở (H10.10.3.4). Việc phân bổ tài chính cho hoạt động NCKH đã được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ (giành 2% chi thường xuyên cho hoạt động NCKH) và đáp ứng đủ kinh phí theo quy mô của đề tài và đã phát huy hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường (H10.10.3.4).

Các hoạt động Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các hoạt động Văn – Thể - Mỹ cho cán bộ và sinh viên cũng được phân bổ và sử dụng hiệu quả đảm bảo sự phát triển toàn diện và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ và sinh viên Nhà trường.

Với việc phân bổ và sử dụng kinh phí hợp lý, hiệu quả tiết kiệm đã góp phần nâng cao chất lượng, đời sống cán bộ viên chức nhà trường: thu nhập được cải thiện, hệ số tiền lương tăng thêm hàng tháng từ 0.3 (năm 2012); 0.5 (năm 2014); 0.6 (năm 2015). Nhà trường cũng đã dành một phần kinh phí từ kinh phí tiết kiệm được để tái đầu tư phát triển: sửa chữa Trung tâm tiền lâm sàng, đầu tư mua sắm mới trang thiết bị phục vụ giảng dạy, đầu tư trang thiết bị, thành lập nhà in giáo trình cho giảng viên, sinh viên Nhà trường.

Kết thúc các hoạt động tài chính hàng năm, Nhà trường có báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện nhiệm vụ tài chính, thông qua báo cáo của Ban chấp hành công đoàn tại Hội nghị cán bộ, viên chức (H10.10.3.5). Nhà trường sẽ gửi báo cáo quyết toán về Vụ kế hoạch tài chính – Bộ Y tế để có kế hoạch thẩm tra và xét duyệt quyết toán (H10.10.3.6).

Hoạt động tài chính, hàng năm được điều chỉnh hợp lý đáp ứng yêu cầu của đơn vị, đặt ra những ưu tiên cho sự phân bổ tài chính đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường như: viết giáo trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng chương trình khung chương trình môn học theo hệ thống tín chỉ ...(H10.10.3.7).

Hàng năm, kiểm toán Nhà nước, thanh tra Bộ Y tế, Vụ kế hoạch tài chính Bộ Y tế thực hiện việc thanh tra, thẩm tra công tác tài chính của Trường. Theo Báo cáo kiểm toán tài chính tháng 3 năm 2013, kết luận của đoàn kiểm toán: “Công tác khoá sổ, lập báo cáo tài chính về cơ bản, đơn vị đã chấp hành theo chế độ quy định hiện hành. Công tác hạch toán theo dõi, quyết toán các khoản thu rõ ràng và khoa học” (H10.10.3.8).

2. Điểm mạnh

Việc phân bổ, sử dụng tài chính của Nhà trường đảm bảo tính minh bạch, hợp lý và phát huy hiệu quả các hoạt động công tác; theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác tài chính.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng dự toán chi tiết cho từng hoạt động cụ thể của các Phòng, Ban và Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, trên cơ sở các quy định chung của Nhà nước, Nhà trường sẽ xây dựng một cách chi tiết cho từng hoạt động tài chính của các đơn vị chức năng nhằm nâng cao hiệu quả các nguồn lực tài chính Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường trong những năm qua được thực hiện có hiệu quả, sử dụng hợp lý, đúng nguyên tắc; được cải tiến mạnh mẽ theo hướng tin học hóa. Công tác quản lý tài chính của Trường tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, góp phần vào sự ổn định và không ngừng phát triển Nhà trường. Nguồn tài chính của Nhà Trường được quản lý tập trung, ngày càng tăng, đảm bảo từng bước nâng cao thu nhập cho CBVC. Công tác quản lý tài chính được thực hiện công khai, minh bạch, đáp ứng được nhiệm vụ trọng tâm của một trường đại học.

Từ năm 2016, tiếp tục thực hiện cụ thể hóa các văn bản pháp quy của Nhà nước, bằng những văn bản hướng dẫn cụ thể về thu, chi tài chính và triển khai tới từng đơn vị. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của từng đơn vị sau khi được phân bổ; từ đó, có sự điều tiết các hoạt động tài chính chung của Nhà trường một cách khoa học và hợp lý.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Kết quả tổng hợp tự đánh giá của trường ĐHDDNĐ theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT như sau:

Thông qua việc tự đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường theo 61 Tiêu chí trong 10 Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường tự đánh giá 58/61 tiêu chí đạt, 03/61 tiêu chí chưa đạt và không có tiêu chí nào không đánh giá được. Kết quả tổng hợp được thể hiện ở bảng sau:

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/Tổng số	58/61	03	00
Tỷ lệ %	95.1%	4.9%	0%

1. Điểm mạnh

Trường ĐHDDNĐ là một cơ sở đào tạo đa ngành ở các trình độ: cao đẳng, đại học và sau đại học. Với bề dày phát triển 55 năm, trường đã từng bước thực hiện lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia và hướng tới chuẩn quốc tế.

Trường ĐHDDNĐ có đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ đào tạo có trình độ chuyên môn vững chắc. Trường đã thực hiện nhiệm vụ đào tạo các bậc cao đẳng, đại học và sau đại học với các ngành đào tạo: Điều dưỡng, Hộ sinh trong đó có các chương trình liên kết với đào tạo các cơ sở đào tạo trong nước và các trường đại học nước ngoài có uy tín.

Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý đầy đủ và phù hợp với các quy định của Nhà nước. Hệ thống các văn bản quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường, các chức danh quản lý của trường. Trường đã tiến hành kiện toàn cơ cấu, tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, rà soát, sắp xếp, tăng cường nhân lực cho các đơn vị quản lý, nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn của trường tuân thủ quy định, quy chế, điều lệ, nguyên tắc, góp phần quan trọng vào hoạt động đào tạo giáo dục tư tưởng chính trị đạo đức và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của trường.

Trường đã thực hiện thành công các bước đầu tiên của lộ trình chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Hiện tại trường đang đào tạo song song

theo cả hai hình thức. Trường đã xây dựng và triển khai đào tạo 02 chuyên ngành đào tạo cao đẳng, 01 chuyên ngành đào tạo đại học chính quy, 01 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 06 chuyên ngành đào tạo chuyên khoa cấp 1.

Công tác tổ chức đào tạo được thực hiện nề nếp, tập trung theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế. Trường đã tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.

Trường đã tích cực tạo điều kiện để sinh viên, học viên được học tập và rèn luyện năng lực chuyên môn, sức khỏe và phẩm chất chính trị đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Sinh viên được hưởng đầy đủ quyền lợi theo các chính sách và quy định hiện hành, được hỗ trợ bởi hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và các phong trào Đoàn, Đảng, Chi hội.

Hoạt động nghiên cứu khoa học được phát triển theo định hướng nghiên cứu gắn liền với đào tạo và hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước. Trường đã tổ chức các buổi hội thảo, các chương trình tham quan, giao lưu, học tập cho sinh viên và cán bộ viên chức ở trong và ngoài nước. Trường cũng đẩy mạnh việc khuyến khích cán bộ viên chức tham gia báo cáo tại các hội thảo quốc tế, viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Trường đã đầu tư về cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn xây dựng các trường đại học Việt Nam cũng như số lượng và trình độ cán bộ viên chức của đơn vị đảm bảo thực hiện tốt công tác phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Nhà trường cũng thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những văn bản và quy định, có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Công tác tài chính được chuẩn hóa, đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước, đáp ứng được chiến lược phát triển của trường, đảm bảo phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ và có hệ thống. công tác lập kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách hàng năm luôn kịp thời và sát với thực tế. Bước đầu đã tạo được thêm nguồn thu từ các hoạt động liên kết, đảm bảo nguồn tài chính của trường không ngừng tăng lên và giúp tăng cường các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Tồn tại

Sứ mạng của Trường được công bố qua website của nhà trường, chưa được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Nhà trường bước đầu triển khai mô hình quản lý theo ba cấp. Do vậy sự phối kết hợp giữa các cấp chưa đồng bộ, nhịp nhàng.

Đội ngũ cán bộ giảng viên mới chỉ đáp ứng đủ so với yêu cầu phát triển của Nhà trường hiện tại, trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường và hội nhập quốc tế thì đội ngũ cán bộ viên chức còn thiếu và yếu, đặc biệt đội ngũ cán bộ giảng dạy còn thiếu ở trình độ cao như tiến sĩ.

Việc nghiên cứu về thị trường lao động chưa được tiến hành một cách có hệ thống. Chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của người học, các nhà tuyển dụng và các tổ chức xã hội về chương trình giáo dục. Nhà trường bước đầu đào tạo theo học chế tín chỉ vì vậy còn có những khó khăn trong việc triển khai đào tạo. Chưa thường xuyên thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm về tính hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học.

Bộ phận tư vấn hướng nghiệp chưa có kế hoạch và triển khai các hoạt động cụ thể, giúp cho sinh viên tìm kiếm việc làm thích hợp sau khi tốt nghiệp. Chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến người học về tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, chưa tổ chức đánh giá tính hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế những năm qua của Trường chưa được mở rộng, việc tìm kiếm thông tin để hợp tác với các đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số lượng các dự án với nước ngoài, số lượng giảng viên tham gia các Hội thảo Quốc tế và các khoá nâng cao chuyên môn còn ít.

Hiện nay do yêu cầu đổi mới về phương pháp giảng dạy, sự phát triển của khoa học công nghệ, cơ sở vật chất ... phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của trường còn hạn chế. Việc xây dựng kế hoạch, phân bổ tài chính năm còn chậm nên các đơn vị còn vướng trong khâu triển khai thực hiện từ đầu năm của các đơn vị. Nhà trường chưa có sự phân bổ tài chính chi tiết cho từng hoạt động cụ thể của các Phòng, Ban, Trung tâm và Bộ môn.

3. Kế hoạch hành động

Để tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng của trường, ĐHĐDNĐ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

Tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về sứ mạng của Nhà trường đến cán bộ, giảng viên và người học và xã hội bằng nhiều hình thức khác nhau.

Từng bước tăng cường lãnh đạo, điều hành để sự phối kết hợp giữa các cấp đồng bộ, nhịp nhàng, giúp công việc đạt hiệu quả hơn. Thành lập Hội đồng trường theo sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

Tạo điều kiện về thời gian và tài chính cho số cán bộ tham gia học tập nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ nhất là đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ điều dưỡng.

Định kỳ tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên, các tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp về các chương trình đào tạo, giúp cho việc bổ sung và hoàn thiện các chương trình, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng lao động, đánh giá lại các chương trình đào tạo, qua đó thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Tiếp tục liên kết đào tạo về điều dưỡng, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động. Định kỳ tổ chức đánh giá về hiệu quả của công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tự học, tự nghiên cứu.

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động của Trung tâm hỗ trợ sinh viên.

Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác Quốc tế; qua đó, tiếp nhận công nghệ, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đẩy nhanh công tác nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học, công tác tài chính đảm bảo tự chủ, phục vụ tốt cho công tác của trường.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ 2015

Mã trường: YDD.

Tên trường: Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Khối ngành: Sức khỏe.

Ngày hoàn thành tự đánh giá: 20/8/2016

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KDG: Không đánh giá.

Tiêu chuẩn 1				4.6	Đ			7.3	Đ		
1.1	Đ			4.7		C		7.4	Đ		
1.2	Đ			Tiêu chuẩn 5				7.5		C	
Tiêu chuẩn 2				5.1	Đ			7.6	Đ		
2.1	Đ			5.2	Đ			7.7	Đ		
2.2	Đ			5.3	Đ			Tiêu chuẩn 8			
2.3	Đ			5.4	Đ			8.1	Đ		
2.4	Đ			5.5	Đ			8.2	Đ		
2.5	Đ			5.6	Đ			8.3	Đ		
2.6	Đ			5.7	Đ			Tiêu chuẩn 9			
2.7	Đ			5.8	Đ			9.1	Đ		
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chuẩn 6				9.2	Đ		
3.1	Đ			6.1	Đ			9.3	Đ		
3.2	Đ			6.2	Đ			9.4	Đ		
3.3	Đ			6.3	Đ			9.5	Đ		
3.4	Đ			6.4	Đ			9.6	Đ		
3.5	Đ			6.5	Đ			9.7	Đ		
3.6			C	6.6	Đ			9.8	Đ		
Tiêu chuẩn 4				6.7	Đ			9.9	Đ		
4.1	Đ			6.8	Đ			Tiêu chuẩn 10			
4.2	Đ			6.9	Đ			10.1	Đ		
4.3	Đ			Tiêu chuẩn 7				10.2	Đ		
4.4	Đ			7.1	Đ			10.3	Đ		
4.5	Đ			7.2	Đ						

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 58 (chiếm 95.1%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 03 (chiếm 4.9%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%).

Nam Định, ngày 20 tháng 8 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá và danh sách Hội đồng Tự đánh giá.

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH
Số: 1807/QĐ-ĐDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 04 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Hội đồng, Ban thư ký của Hội đồng
Tự đánh giá trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 03/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Xét đề nghị của Trường phòng TCCB và Giám đốc TT KT&ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng, Ban Thư ký của Hội đồng Tự đánh giá trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2015 gồm các ông, bà có tên sau:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng, Ban Thư ký do Chủ tịch Hội đồng, Trưởng ban trực tiếp phân công và điều hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí ban hành và thay thế cho Quyết định số 1720/QĐ-ĐDN ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc Hội đồng, Ban Thư ký của Hội đồng Tự đánh giá trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu TCCB, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Tùng

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH NĂM 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐDN ngày 04 tháng 11 năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1	Ông Lê Thanh Tùng	Tiến sĩ	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Ông Vũ Văn Thành	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
3	Ông Ngô Huy Hoàng	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
4	Ông Cao Thanh Hà	Cử nhân	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
5	Ông Trương Tuấn Anh	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
6	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thạc sĩ	GĐ TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên TT
7	Ông Đinh Quốc Thắng	Tiến sĩ	TP TCCB	Ủy viên
8	Ông Trần Việt Tiến	Thạc sĩ	TP ĐTĐH	Ủy viên
9	Ông Trần Văn Long	Tiến sĩ	TP ĐTSDH	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Hùng Minh	Thạc sĩ	TP CTHS-SV	Ủy viên
11	Ông Lê Huy Sang	Kĩ sư	Phó TP Quản trị	Ủy viên
12	Bà Vũ Thị Thanh Hương	Cử nhân	PTP TCKT	Ủy viên
13	Ông Vũ Thế Hùng	Thạc sĩ	TP VT&TTB	Ủy viên
14	Ông Lê Xuân Hồng	Thạc sĩ	TP HCTH	Ủy viên
15	Bà Cù Thị Thu Hà	Cử nhân	Trưởng Thư viện	Ủy viên
16	Ông Hà Thanh Huyền	Thạc sĩ	Tp Thanh tra	Ủy viên
17	Ông Đỗ Minh Sinh	Thạc sĩ	TP QLNCKH	Ủy viên
18	Bà Mai Thị Thanh Thu	Thạc sĩ	PTP HTQT	Ủy viên
19	Ông Nguyễn Anh Tiến	Thạc sĩ	TP CNTT	Ủy viên

-----0o0-----

2. Phụ lục 2. Danh sách thành viên Ban thư ký và các Nhóm chuyên trách.

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐDN ngày 04 tháng 11 năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1	Bà Vũ Thị Là	Thạc sĩ	PGĐ TT KT&ĐBCLGD	Trưởng ban
2	Ông Dương Đình Dũng	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	Ủy viên TT
3	Ông Trần Trung Dũng	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	Ủy viên
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	Ủy viên
5	Ông Lại Văn Định	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	Ủy viên
6	Bà Trần Thị Lý	Cử nhân	TT KT&ĐBCLGD	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Thạc sĩ	Phó TP TCCB	Ủy viên
8	Bà Trần Thị Việt Hà	Thạc sĩ	Phó TP ĐTDH	Ủy viên
9	Ông Nguyễn Sơn Tùng	Cử nhân	Phòng CT HS-SV	Ủy viên
10	Ông Bùi Đức Huy	Thạc sĩ	Phó TP Quản trị	Ủy viên
11	Bà Lê Thị Huyền Trinh	Thạc sĩ	Phòng QLNCKH	Ủy viên
12	Ông Lê Thế Trung	Thạc sĩ	Phòng ĐTSĐH	Ủy viên

-----0o0-----

DANH SÁCH PHÂN CÔNG

NHÓM CHUYÊN TRÁCH VÀ NỘI DUNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐDN ngày 04 tháng 11 năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

Nhóm 1: Đánh giá tiêu chuẩn 1, 2, 5				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Thanh Tùng	Tiến sĩ	Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2	Ông Đinh Quốc Thắng	Tiến sĩ	TP TCCB	
3	Ông Hà Thanh Huyền	Thạc sĩ	TP Thanh tra	
4	Ông Lê Xuân Hồng	Thạc sĩ	TP HCTH	
5	Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Thạc sĩ	Phó TP TCCB	
6	Ông Lại Văn Đình	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	
Nhóm 2: Đánh giá tiêu chuẩn 1, 2, 5				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Vũ Văn Thành	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Việt Tiến	Thạc sĩ	TP ĐTDH	
3	Ông Trần Văn Long	Tiến sĩ	TP ĐTSĐH	
4	Ông Lê Thế Trung	Thạc sĩ	Phòng ĐTSĐH	
5	Bà Trần Thị Việt Hà	Thạc sĩ	Phó TP ĐTDH	
6	Ông Trần Trung Dũng	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	
Nhóm 3: Đánh giá tiêu chuẩn 6				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Trương Tuấn Anh	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Hùng Minh	Thạc sĩ	TP CTHSSV	
3	Ông Nguyễn Sơn Tùng	Cử nhân	Phòng CTHSSV	
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	
Nhóm 4: Đánh giá tiêu chuẩn 7, 8				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Ngô Huy Hoàng	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2	Ông Đỗ Minh Sinh	Thạc sĩ	TP QLCKH	
3	Bà Mai Thị Thanh Thu	Thạc sĩ	PTP HTQT	

4	Bà Lê Thị Huyền Trinh	Thạc sĩ	QLNCKH	
5	Ông Dương Đình Dũng	Thạc sĩ	TT KT&ĐBCLGD	
Nhóm 5: Đánh giá tiêu chuẩn 9, 10				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Cao Thanh Hà	Cử nhân	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2	Bà Vũ Thị Thanh Hương	Cử nhân	PTP TCKT	
3	Ông Lê Huy Sang	Kĩ sư	Phó TP Quản trị	
4	Ông Bùi Đức Huy	Thạc sĩ	Phó TP Quản trị	
5	Ông Vũ Thế Hùng	Thạc sĩ	TP VT&TTB	
6	Bà Cù Thị Thu Hà	Cử nhân	Trưởng thư viện	
7	Ông Nguyễn Anh Tiến	Thạc sĩ	TP CNTT	
8	Bà Trần Thị Lý	Cử nhân	TT KT&ĐBCLGD	
Thường trực				
TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thạc sĩ	GĐTT KT&ĐBCLGD	Thường trực Hội đồng
2	Bà Vũ Thị Là	Thạc sĩ	PGĐ TT KT&ĐBCLGD	Phụ trách thư ký

-----0o0-----

3. Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá.

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐHQD NAM ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1728/KH - ĐDN

Nam Định, ngày 16 tháng 10 năm 2015

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 1807 ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Hội đồng gồm có 19 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1, 2, 5	Nhóm 1	23/10/2015 – 23/11/2015	
2	3, 4	Nhóm 2	23/10/2015 – 23/11/2015	
3	6	Nhóm 3	23/10/2015 – 23/11/2015	
4	7, 8	Nhóm 4	23/10/2015 – 23/11/2015	
5	9, 10	Nhóm 5	23/10/2015 – 23/11/2015	

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
1	1, 2, 5	Thu thập thông tin và minh chứng. Xử lý, phân tích các	Các vật tư sử dụng cho tập huấn, in ấn, viết báo cáo...	Từ ngày 23/10/2015 đến hết	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
		thông tin và minh chứng thu thập được. Viết báo cáo tự đánh giá.	Các thành viên của các phòng chức năng liên quan	ngày 23/11/2015	
2	3, 4	Thu thập thông tin và minh chứng Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được Viết báo cáo tự đánh giá	Các vật tư sử dụng cho tập huấn, in ấn, viết báo cáo... Các thành viên của các phòng chức năng liên quan	Từ ngày 23/10/2015 đến hết ngày 23/11/2015	
3	6	Thu thập thông tin và minh chứng Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được Viết báo cáo tự đánh giá	Các vật tư sử dụng cho tập huấn, in ấn, viết báo cáo... Các thành viên của các phòng chức năng liên quan	Từ ngày 23/10/2015 đến hết ngày 23/11/2015	
4	7, 8	Thu thập thông tin và minh chứng Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được Viết báo cáo tự đánh giá	Các vật tư sử dụng cho tập huấn, in ấn, viết báo cáo... Các thành viên của các phòng chức năng liên quan	Từ ngày 23/10/2015 đến hết ngày 23/11/2015	
5	9, 10	Thu thập thông tin và minh chứng Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được Viết báo cáo tự đánh giá	Các vật tư sử dụng cho tập huấn, in ấn, viết báo cáo... Các thành viên của các phòng chức năng liên quan	Từ ngày 23/10/2015 đến hết ngày 23/11/2015	

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá theo lịch trình sau:

THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG
Tuần 1 - 2 (03/8/2015 - 16/8/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp Lãnh đạo nhà trường đề thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Hợp Hội đồng tự đánh giá đề: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao. • Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 - 4 (17/8/2015 - 30/8/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); • Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban...; • Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 (31/8/2015 - 06/9/2015)	Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 6 - 12 (07/9/2015 - 25/10/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; • Thu thập thông tin và minh chứng; • Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
Tuần 13 (26/10/2015 - 01/11/2015)	Hợp Hội đồng tự đánh giá đề: <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 14 (02/11/2015 -	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Hợp Hội đồng tự đánh giá đề thông qua đề cương chi tiết báo cáo

THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG
08/11/2015)	tự đánh giá
Tuần 15 – 17 (09/11/2015 - 22/11/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); • Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); • Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 18 – 19 (23/11/2015 - 06/12/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 20 – 21 (07/12/2015 - 20/12/2015)	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
Tuần 22 (21/12/2015 - 27/12/2015)	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá
Tuần 23 (28/12/2015 - 03/01/2016)	Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
Tuần 24 (04/01/2016 - 10/01/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; • Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

4. Phụ lục 4. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục (Thời điểm báo cáo tính đến ngày 20/8/2016)

**CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**
(Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 20/8/2016)

I. Thông tin chung của nhà trường.

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: **Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**
Tiếng Anh: **Nam Dinh University of Nursing**
2. Tên viết tắt của trường:
Tiếng Việt: Không.
Tiếng Anh: NDUN.
3. Tên trước đây: Trường Cao đẳng Y tế Nam Định.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Y tế.
5. Địa chỉ trường: Số 257 Hàn Thuyên – Thành phố Nam Định.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 03503.643.669; Số fax: 3503.643.669
E-mail dieuduong@ndun.edu.vn; Website: <http://www.ndun.edu.vn>
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 2004.
(Theo Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ)
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2005.
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2009.
10. Loại hình trường đào tạo:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không.

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường.

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được thành lập trên cơ sở Trường Y sỹ Nam Định qua các thời kỳ sau:

– Trường Y sỹ Nam Định: được thành lập từ năm 1960, có nhiệm vụ đào tạo Y sỹ, Dược sỹ, Điều dưỡng, Hộ sinh trung học.

– Năm 1981 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Y tế Nam Định, có nhiệm vụ đào tạo các ngành Y sỹ cao đẳng, Điều dưỡng cao đẳng, Hộ sinh cao đẳng và Điều dưỡng, Hộ sinh trung học.

– Năm 2004 trường được nâng cấp thành Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo nguồn nhân lực Điều dưỡng, Hộ sinh ở bậc đại học và sau đại học.

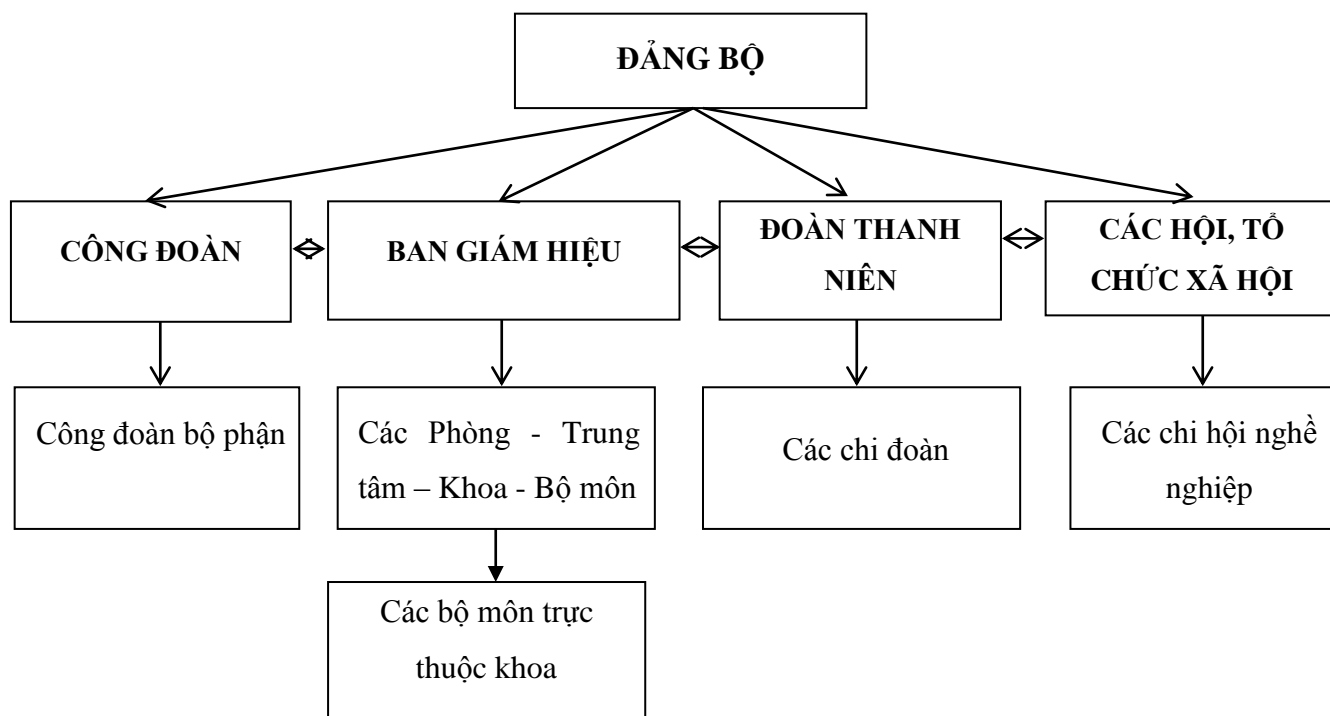
Quy mô đào tạo của trường hiện nay là hơn 5000 sinh viên, trong đó chủ yếu là đại học và sau đại học với hai chuyên ngành chính là Điều dưỡng và Hộ sinh. Trong 10 năm qua, trường đã đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế hơn 5000 cử nhân Điều

dưỡng trình độ đại học và gần 200 Điều dưỡng chuyên khoa I.

Trường đã được vinh dự đón nhận phần thưởng cao quý: 1 Huân chương Độc lập hạng ba, 1 Huân chương lao động hạng nhất, 1 Huân chương lao động hạng nhì, 1 Huân chương lao động hạng ba, cờ thi đua của Chính phủ, cờ thi đua của Bộ Y tế.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường.

CƠ CẤU HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường.

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Hiệu trưởng	Lê Thanh Tùng	Hiệu trưởng, Tiến sĩ	0915921618	tungpcnd@yahoo.com
Phó Hiệu trưởng	Cao Thanh Hà	Phó Hiệu trưởng, Cử nhân	0913290929	hadhdieuduong@gmail.com
Phó Hiệu trưởng	Ngô Huy Hoàng	Phó Hiệu trưởng, Tiến sĩ	0913080746	ngohoang64@gmail.com
Phó hiệu trưởng	Vũ Văn Thành	Phó Hiệu trưởng, Tiến sĩ	0912863129	vuthanhdhdd@gmail.com
Phó hiệu trưởng	Trương Tuấn Anh	Phó Hiệu trưởng, Tiến sĩ	0904147919	tuananhnga@gmail.com
Bí thư Đảng bộ	Lê Thanh Tùng	Bí thư, Tiến sĩ	0915921618	tungpcnd@yahoo.com
Chủ tịch CĐ	Trần Văn Long	Chủ tịch, Tiến sĩ	03503637875	longtv1964@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Đoàn TNCS	Phạm Văn Tùng	Bí thư, Cử nhân	0912020668	phamtung81nd@gmail.com
Phòng TCCB	Đình Quốc Thắng	Trưởng phòng, Tiến sĩ	03503640564	thangdieuduong@yahoo.com.vn
Phòng ĐTDH	Trần Việt Tiến	Trưởng phòng, Thạc sĩ	03503636870	trantien1964@yahoo.com
Phòng ĐTSĐH	Trần Văn Long	Trưởng phòng, Tiến sĩ	0982887875	longtv1964@gmail.com
Phòng Thanh tra	Hà Thanh Huyền	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0904111533	hathanhtccb@gmail.com
Phòng HCTH	Lê Xuân Hồng	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0989655244	lxhong1978@gmail.com
Phòng Quản trị	Lê Huy Sang	Trưởng phòng, Kỹ sư	0942549389	lehuitsangdhdd@gmail.com
Phòng VT&TTB	Vũ Thế Hùng	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0983789649	vuthehung1966@yahoo.com
Phòng TCKT	Vũ Thị Thanh Hương	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0915361362	thanhhuongtckt@gmail.com
Phòng QLNCKH	Đỗ Minh Sinh	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0987494428	minsinh82@gmail.com
Phòng CTHSSV	Nguyễn Hùng Minh	Trưởng phòng, Thạc sĩ	03503639613	h.minh1961@yahoo.com
Phòng CNTT	Nguyễn Anh Tiến	Trưởng phòng, Thạc sĩ	0986707567	anhtiens@gmail.com
Phòng HTQT	Mai Thị Thanh Thu	Phụ trách phòng, Tiến sĩ	0904545056	maithanhthu76@yahoo.com
Trung tâm KT&ĐBCLGD	Nguyễn Mạnh Dũng	Giám đốc TT, Thạc sĩ	0912094926	dung1558@yahoo.com
Trung tâm HT KHCN&DV	Đình Thắng Lợi	Giám đốc, Được sĩ CKI	0913528988	loi.dinhthang@gmail.com
TT TH TLS	Nguyễn Thị Minh Chính	Giám đốc, Tiến sĩ	0913241207	minhchinh_ndd@yahoo.com
Thư viện	Cù Thị Thu Hà	Trưởng thư viện, Cử nhân	03503842518	hatvdd@gmail.com
Khoa Điều dưỡng – Hộ sinh	Ngô Huy Hoàng	Trưởng khoa, Tiến sĩ	0913080746	ngohoang64@gmail.com
Khoa YHLS	Trương Tuấn Anh	Trưởng khoa, Tiến sĩ	0904147919	tuananhnga@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Khoa YHCS	Vũ Văn Thành	Trưởng khoa, Tiến sĩ	0912863129	vuthanhdhdd@gmail.com
Khoa KHCB	Đình Quốc Thắng	Trưởng khoa, Tiến sĩ	03503640564	thangdieuduong@yahoo.com.vn
Bộ môn YTCC	Trần Văn Long	Trưởng bộ môn, Tiến sĩ	0904111533	longtv1964@gmail.com
Bộ môn VLTL-PHCN	Đặng Văn Vũ	Trưởng bộ môn, Cử nhân	03503843054	dangvanvu57@gmail.com

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ : 1

Số lượng ngành đào tạo chuyên khoa I: 6

Số lượng ngành đào tạo đại học : 1

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng : 2

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không.

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác: Không		

16. Tổng số các khoa đào tạo: 04

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường.

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	116	212	328
I.1	Cán bộ trong biên chế	98	198	296
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	18	14	32
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	132	161	293
	Tổng số	248	373	621

18. Thống kê, phân loại giảng viên (*chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây*):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	GS, Viện sĩ						
2	PGS						
3	TSKH						
4	TS, CKII	40	0	0	14	16	10
5	Thạc sĩ, CKI	246	65	0	46	135	0
6	Đại học	223	72	0	9	142	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	509	137	0	69	293	10

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) – [cột (7) + cột (8)] = 206 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $206/328 = 0.63$

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường:

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1.0	1.0	0.3	0.2	0.2	
1	Giáo sư	3.0							
2	Phó Giáo sư	2.0							
3	TSKH	2.0							
4	Tiến sĩ, CKII	1.5	40	0	0	14	16	10	14.1
5	Thạc sĩ, CKI	1.0	246	65	0	46	135	0	105.8
6	Đại học	0.8	223	72	0	9	142	0	82.48
	Tổng		509	137	0	69	293	10	202.38

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0.3*cột 7 + 0.2*cột 8 + 0.2*cột 9)

Số lượng giảng viên của nhà trường (đã quy đổi): 202.38

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính, độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	TSKH									
4	Tiến sĩ, CKII	14	6.8	8	6	0	6	3	5	0
5	Thạc sĩ, CKI	111	53.9	29	82	8	57	32	14	0
6	Đại học	81	39.3	22	59	39	28	4	10	0
7	Cao đẳng									

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng	206	100	59	147	47	91	39	29	0

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ, CKII trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: $14/206 = 0.068$ (6.8%)

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ, CKI trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: $111/206 = 0.539$ (53.9%)

IV. Người học

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2011-2012	4478	757	5.9	494	NV1: 16.0 NV2: 21.0		
2012-2013	4234	834	5.1	496	NV1: 16.50 NV2: 18.0		
2013-2014	4271	695	6.1	498	NV1: 18.50		
2014-2015	3298	861	3.8	610	NV1: 18.50 NV2: 20.50		
2015-2016	1024	666	1.5	660	NV1: 20.75		
Cao đẳng							
2011-2012		362		256	NV1: 11.0 NV2: ĐD: 17.50 HS: 13.0		
2012-2013		406		230	NV1: 11.0 NV2: 15.0		
2013-2014		445		245	NV1: 11.0 NV2: ĐD: 18.0 HS: 15.0		
2014-2015		254		236	NV1: 17.0 NV2: 14.50		
2015-2016		191		154	ĐD: 19.25 HS: 16.0		

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: $(496 + 498 + 610 + 660) + (245 + 236 + 154) = 2899$ người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	30	56
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	494	496	498	610	660
Hệ không chính quy	380	561	459	625	630
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	256	230	245	236	154
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Học viên CKI					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	81	58	33	57
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 2899 người

Tổng số sinh viên quy đổi: $1 \cdot (496 + 498 + 610 + 660) + 0.8 \cdot (245 + 236 + 154) = 2772$

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): $2772/202.38 = 13.7$

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	0	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	7800	7800	7800	7800	7800
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	2809	2700	2809	2500	2500
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	980	900	955	900	1144
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	7.96	8.67	8.17	8.67	6.82

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2011- 2012	2012-2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016
Số lượng (người)	01	00	00	00	27
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0.38	0.00	0.00	0.00	0.93

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011-2012	2012-2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	389	338	385	480	488
Hệ không chính quy	660	480	453	463	486
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	105	84	230	223	230
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. học viên tốt nghiệp CKI	0	0	81	58	32

(Tính cả những HV đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015-2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	393	338	385	480	488
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	92.5%	92.86%	93.22%	95.23%	94.39%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015- 2016
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	97%				
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	3%				
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%				
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	84%	72.2%			
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	100%	81.5%			
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0%	4.2%			
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	1-3 tr	2-3 tr			
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015- 2016
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015- 2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	105	84	240	223	230
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	95.45%	94.38%	93.38%	97.38%	93.88%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	97%				
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	2%				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015- 2016
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	1%				
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin sau					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	87.8% 100%				
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	1-3tr				
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2.0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh	1.0	1	1	0	1	1	4
3	Đề tài cấp trường	0.5	1 4	2 5	2 6		7	4 0
4	Tổng		8	8.5	13	5	9.5	44

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 47

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $44/328 = 0.13$

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2011	0	0	0
2	2012	0	0	0
3	2013	0	0	0
4	2014	0	0	0
5	2015	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	20	100	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	10	
Trên 6 đề tài	0	0	6	
Tổng số cán bộ tham gia	0	20	116	

31. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Sách chuyên khảo	2.0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1.5	0	0	60	15	5	120
3	Sách tham khảo	1.0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0.5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	90	12.5	7.5	120

Tổng số sách (quy đổi): 120

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $120/328 = 0.37$

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	70	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	3	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	3	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	76	0	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Tạp chí KH quốc tế	1.5	0	1	0	2	1	6
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1.0	8	14	10	28	16	76
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0.5	18	0	9	18	22	33.5
4	Tổng		17	15.5	14.5	40	28.5	115.5

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 115.50

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $115.50/328 = 0.35$

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	53	30
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	53	30

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Hội thảo quốc tế	1.0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0.5	0	10	0	3	0	6.5

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
3	Hội thảo cấp trường	0.25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	10	0	3	0	6.5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 6.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $6.5/328 = 0.02$

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	12	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	12	0

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011 - 2012	0
2012 - 2013	0
2013 - 2014	0
2014 - 2015	02; Sở khoa học công nghệ tỉnh Nam Định; ngày 3/3/2015;
2015 - 2016	06 sáng kiến cấp trường

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	28	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	28	

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	0	0	0	0

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 54732m²

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 750m²; Nơi học (bao gồm giảng đường, phòng thực hành): 23584 m²; Nơi vui chơi giải trí: 1000m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 23584 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 8.51m²

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1400 đầu sách, 45.000 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 120 đầu sách, 19.230 cuốn

43. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 165 máy

- Dùng cho sinh viên học tập: 240 máy

- Tỷ số: số máy tính dùng cho sinh viên/1SV chính quy là: 240/2899 = 0.08

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010: 31.351.000.000 đồng.

- Năm 2011: 34.423.000.000 đồng.
- Năm 2012: 50.671.000.000 đồng.
- Năm 2013: 56.942.000.000 đồng.
- Năm 2014: 69.680.000.000 đồng.

45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010: 7.200.000.000 đồng.
- Năm 2011: 11.000.000.000 đồng.
- Năm 2012: 15.000.000.000 đồng.
- Năm 2013: 17.000.000.000 đồng.
- Năm 2014: 26.000.000.000 đồng.

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 206
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 0.63
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ/CKII trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 6.8%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ/CKI trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 53.9%

2. Sinh viên:

- Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 2899 người
- Tổng số sinh viên quy đổi: 2772
- Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 13.7
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 93.64%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

- Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....
- Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):.....
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....
- Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....
- Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.13
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 VNĐ
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.37
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.35
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.02

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

- Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0.08
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 8.51 m²
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy (năm học 2014 – 2015): 8.04 m²

5. Phụ lục 5. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá.

TIÊU CHUẨN 1

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H1.1.1.1	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
2	H1.1.1.2	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	779/QĐ-BYT ngày 07/03/2014	Bộ Y tế	
3	H1.1.1.3	Quyết định về việc phê duyệt chiến lược phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2030 và tầm nhìn 2030	319/QĐ-ĐDN ngày 24/3/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
4	H1.1.1.4	Mặt bằng khu giảng đường	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường	Trường ĐHĐDN Đ	
		Bản vẽ mặt bằng bố trí phòng làm việc cho các đơn vị	Bản vẽ mặt bằng khu làm việc		
		Biên bản kiểm kê trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ làm việc	Biên bản kiểm kê tài sản của trường năm 2015		
5	H1.1.1.5	Nghị quyết về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới	46-NQ/TW ngày 23/02/2005	Bộ Chính trị	
6	H1.1.1.6	Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	1004/QĐ-UBND ngày 02/6/2015	UBND tỉnh Nam Định	
7	H1.1.1.7	Quyết định phê duyệt “Chiến lược phát triển Giáo dục 2011-2020” của Thủ tướng chính phủ.	711/QĐ-TTg Ngày 13/6/2012	Thủ tướng chính phủ	
		Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030.	122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013	Thủ tướng chính phủ	
8	H1.1.1.8	Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo.	Số 81/QĐ-ĐDN ngày 15/01/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
9	H1.1.1.9	Cẩm nang sinh viên, Cẩm nang đào	2011-2015	Trường	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<p>tạo các năm học 2011-2015.</p> <p>Tập hệ thống hoá các văn bản trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.</p>	2015	ĐHĐDN Đ	
10	H1.1.2.1	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
11	H1.1.2.2	Quyết định hội nghị trại hè (Hội nghị chương trình)	2010-2015	Trường ĐHĐDN Đ	
		Hội nghị kết hợp Trường - Viện	2011-2015		
12	H1.1.2.3	Quyết định mở mã ngành đào tạo thạc sỹ, chuyên khoa I		Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế	
		Thông tin tuyển sinh các năm 2011-2015	2011-2015	Trường ĐHĐDN Đ	
13	H1.1.2.4	Kế hoạch giảng dạy học tập năm học	2011-2015	Trường ĐHĐDN Đ	
14	H1.1.2.5	Danh hiệu thi đua các năm học từ 2010-2015	2010-2015	Trường ĐHĐDN Đ	

TIÊU CHUẨN 2

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H2.2.1.1	Sơ đồ tổ chức nhà trường (Website, Tập san..)		Trường ĐHĐDNĐ	
2	H2.2.1.2	Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu nhà trường hàng năm		Trường ĐHĐDNĐ	
3	H2.2.1.3	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, Trung tâm thuộc trường	779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014	Bộ Y tế	
4	H2.2.1.4	Quyết định về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	94/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
5	H2.2.1.5	Quyết định về việc thành lập Bệnh viện trường ĐHĐDNĐ	3607/QĐ-BYT ngày 15/7/2016	Bộ Y tế	
6	H2.2.1.6	Chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc của các tổ chức chính trị xã hội:		Hội CCB ; Đoàn	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội điều dưỡng, Hội cựu chiến binh, Hội Nữ hộ sinh..		thanh niên; Công đoàn Việt Nam	
7	H2.2.1.7	Quyết định 1 số Hội đồng theo từng năm: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng...		Trường ĐHĐDNĐ	
8	H2.2.2.1	Quy chế chi tiêu nội bộ	1629/QĐ-ĐDN ngày 20.12.2007	Trường ĐHĐDNĐ	
9	H2.2.2.2	Quyết định tuyển dụng viên chức các năm		Trường ĐHĐDNĐ	
10	H2.2.2.3	Nghị định 29/2012/NĐ-CP	Nghị định 29/2012/NĐ-CP	Chính phủ	
11	H2.2.2.4	Thông tư 15/2012/TT-BNV	Thông tư 15/2012/TT-BNV	Bộ nội vụ	
12	H2.2.2.5	Hướng dẫn bình xét thi đua các năm học	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
13	H2.2.2.6	Thông báo tuyển dụng các năm	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
14	H2.2.2.7	Cảm nang đào tạo, cảm nang sinh viên các năm	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
15	H2.2.2.8	Kế hoạch giảng dạy học tập Kế hoạch phân công giờ giảng	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
16	H2.2.3.1	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	175/QĐ-ĐDN ngày 28/02/2013	Trường ĐHĐDNĐ	
17	H2.2.3.2	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, Trung tâm thuộc trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	461/QĐ-ĐDN ngày 21/4/2014	Trường ĐHĐDNĐ	
18	H2.2.3.3	Đề án Vị trí việc làm			
19	H2.2.3.4	Quyết định thành lập các hội đồng tuyển dụng.		Trường ĐHĐDNĐ	
		Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	Thông tư 15/2012/TT-BNV	Bộ Nội vụ	
		Thông tư 16 ban hành về tuyển dụng viên chức			
20	H2.2.3.5	Hội đồng thi đua khen thưởng các năm	2011-2015 Trường ĐHĐDNĐ		

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Danh hiệu thi đua các năm học từ 2011-2015			
21	H2.2.3.6	Chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc của các tổ chức chính trị xã hội: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội điều dưỡng, Hội cựu chiến binh, Hội Nữ hộ sinh..		Hội CCB ; Đoàn thanh niên; Công đoàn Việt Nam	
22	H2.2.4.1	Báo cáo phân tích chất lượng đảng viên năm 2014; Báo cáo phân tích chất lượng các chi bộ trực thuộc đảng bộ năm 2014; Báo cáo phân tích chất lượng đảng viên năm 2013.	Ngày 25/12/2014; Ngày 25/12/2013.	Trường ĐHDDNĐ	
23	H2.2.4.2	Nghị quyết Đảng bộ trường quý I,III,IV 2014	Số 17/NQ-ĐU ngày 03/1/2014; Số 57/NQ-ĐU ngày 26/06/2014; Số /NQ-ĐU ngày 01/10/2014	Trường ĐHDDNĐ	
		Nghị quyết Đảng bộ trường quý II,III,IV 2015	Số 26/NQ-ĐU ngày 22/04/2015; Số 63/NQ-ĐU ngày 24/06/2015; Số 66/NQ-ĐU ngày 01/10/2015	Trường ĐHDDNĐ	
24	H2.2.4.3	Chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc của các tổ chức chính trị xã hội: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội điều dưỡng, Hội cựu chiến binh, Hội Nữ hộ sinh..		Hội CCB ; Đoàn thanh niên; Công đoàn Việt Nam	
25	H2.2.4.4	Quyết định về việc ban hành quy chế làm việc của ban chấp hành công đoàn nhiệm kì 2012-2014	Số 07/QĐ-CD ngày 01/10/2012	Trường ĐHDDNĐ	
		Chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc của Công đoàn Y tế Việt Nam		CD Y tế Việt Nam	
26	H2.2.4.5	Quyết định công nhận danh hiệu tổ công đoàn vững mạnh xuất sắc	Số 48/QĐ-CD ngày	Trường ĐHDDNĐ	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			11/10/2013		
		Quyết định khen thưởng các gia đình đoàn viên công đoàn xuất sắc	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
27	H2.2.4.6	Kế hoạch công tác đoàn thanh niên.	Năm 2014, 2015.	Trường ĐHĐDNĐ	
		Báo cáo thành tích năm học 2014, 2015.	16/06/2015.	Trường ĐHĐDNĐ	
28	H2.2.5.1	Báo cáo tự đánh giá cũ Quyết định thành lập bộ phận đảm bảo chất lượng	Quyết định số: 166/QĐ-ĐDN	Trường ĐHĐDNĐ	
29	H2.2.5.2	Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD.	Số 2797/QĐ-BYT ngày 10/8/2012	Trường ĐHĐDNĐ	
30	H2.2.5.3	Kế hoạch công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm 2013-2016	2013-2016	Trường ĐHĐDNĐ	
31	H2.2.5.4	Công văn mời tập huấn nâng cao năng lực kiểm định, đánh giá chất lượng trường đại học cao đẳng.	136/HVQLGD-TTBD	Học viện quản lý Giáo dục	
32	H2.2.5.5	Bằng thạc sĩ đo lường và đánh giá		ĐH Quốc gia Hà Nội	
33	H2.2.5.6	Các danh hiệu thi đua của Trung tâm Khảo thí & ĐBCLGD	2012-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
34	H2.2.6.1	Quy hoạch tổng thể đã trình Bộ Y tế phê duyệt	3379/QĐ-BYT ngày 15.9.2005	Bộ Y tế	
35	H2.2.6.2	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
36	H2.2.6.3	Quyết định về việc phê duyệt chiến lược phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2030 và tầm nhìn 2030	319/QĐ-ĐDN ngày 24/3/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
37	H2.2.6.4	Các báo cáo hàng năm	Các năm	Trường ĐHĐDNĐ	
38	H2.2.6.5	Ký kết giao ước hàng năm giữa công đoàn và lãnh đạo nhà trường	Các năm	Trường ĐHĐDNĐ	
		Báo cáo hàng năm của BCH Công đoàn Đại hội công nhân viên chức	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
39	H2.2.7.1	Các báo cáo gửi cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý	Các năm	Trường ĐHĐDNĐ	
40	H2.2.7.2	Các đoàn công tác của cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý đến làm việc	Biên bản kiểm tra 2014	Trường ĐHĐDNĐ	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tại trường			
41	H2.2.7.3	Các báo cáo hàng năm	2011-2015	Trường ĐHQĐND	
42	H2.2.7.4	Hồ sơ lưu trữ các báo cáo của Nhà trường trong 5 năm gần đây	2011-2015	Trường ĐHQĐND	
43	H2.2.7.5	Phần mềm quản lý công việcISO online	2014	Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Nam Định	

TIÊU CHUẨN 3

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H3.3.1.1	Chương trình đào tạo Đại học Điều dưỡng chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ	Số 805 ngày 02/4/2014	ĐH Điều dưỡng ND;	
		Quyết định ban hành các chương trình giáo dục trình độ ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ	Số 1666/QĐ-ĐDN ngày 22/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND;	
2	H3.3.1.2	Chương trình khung của Bộ GD&ĐT	Thông tư 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012	Bộ GD&ĐT	
3	H3.3.1.3	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các chương trình Đại học chính qui; Đại học liên thông; Cao đẳng chính qui.	1039/QĐ-ĐDN ngày 08/07/2015 1040/QĐ-ĐDN ngày 08/07/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
4	H3.3.1.4	Nhận xét đánh giá chương trình của các tổ chức quốc tế. (QUT)	Đại học Queensland University of Technology, Brisbane Australia hỗ trợ	Các tổ chức quốc tế	
5	H3.3.1.5	Đề án đào tạo thạc sỹ		ĐH Chulalongkon Thái Lan	
6	H3.3.1.6	Quyết định thành lập Ban biên soạn, Ban biên tập chương trình giáo dục đại học liên thông, Cao đẳng chính qui theo hệ thống tín chỉ	1737/QĐ-ĐDN ngày 25/11/2014	ĐH Điều dưỡng ND	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
7	H3.3.1.7	Đề tài “Nhận xét chương trình đào tạo đại học liên thông chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định qua ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp” của Ths Nguyễn Thị Hoà – Phòng Đào tạo ĐH	10/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
8	H3.3.1.8	Kế hoạch giảng dạy học tập Đại học, Cao đẳng năm học 2015 – 2016	18/06/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
9	H3.3.2.1	Chương trình khung của Bộ GD&ĐT	Thông tư 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012	Bộ GD&ĐT	
		Chương trình chi tiết của các đối tượng	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
10	H3.3.2.2	Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo	Số 81/QĐ-ĐDN ngày 15/01/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
	H3.3.2.3	Cẩm nang sinh viên, cẩm nang đào tạo các năm học 2011-2015	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
11	H3.3.2.4	Nhận xét đánh giá chương trình của các tổ chức quốc tế. (QUT)	Đại học Queensland University of Technology, Brisbane Australia hỗ trợ	Các tổ chức quốc tế	
12	H3.3.2.5	Chương trình chi tiết của các đối tượng người học.	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
13	H3.3.2.6	Đề tài “Nhận xét chương trình đào tạo đại học liên thông chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định qua ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp” của Ths Nguyễn Thị Hoà – Phòng Đào tạo ĐH	10/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
14	H3.3.3.1	Các quyết định cho phép đào tạo đại học, cao đẳng và Sau Đại học của Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế	Số 8046/ĐH ngày 17/9/1997	Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế	
			1843/BGD&ĐT-ĐH&SDH ngày 14/4/2004	Bộ GD&ĐT;	
			QĐ số 637/QĐ-BGDĐT ngày 15/02/2011	Bộ GD&ĐT;	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			QĐ số 3209/QĐ-BGDĐT ngày 04/08/2010	Bộ GD&ĐT;	
			QĐ số 5004/QĐ-BYT ngày 30/12/2011	Bộ Y tế	
			QĐ số 4134/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2014	Bộ GD&ĐT;	
15	H3.3.3.2	Chương trình chi tiết của các đối tượng	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
16	H3.3.3.3	Các chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng, Cao đẳng Hộ sinh, Đại học Điều dưỡng chính qui theo hệ thống tín chỉ	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
17	H3.3.3.4	Các chương trình đào tạo Đại học liên thông Điều dưỡng từ trung cấp và từ cao đẳng; chuyên ngành Phụ sản theo hệ thống tín chỉ	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo	Số 81/QĐ-ĐDN ngày 15/01/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
18	H3.3.3.5	Đề tài “Nhận xét chương trình đào tạo đại học liên thông chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định qua ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp” của Ths Nguyễn Thị Hoà – Phòng Đào tạo ĐH	10/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
19	H3.3.3.6	Mặt bằng khu giảng đường	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Bản vẽ mặt bằng bố trí phòng làm việc cho các đơn vị	Bản vẽ mặt bằng khu làm việc		
		Biên bản kiểm kê trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ làm việc	Biên bản kiểm kê tài sản của trường năm 2015		
20	H3.3.4.1	Chương trình chi tiết của các đối tượng	2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
21	H3.3.4.2	Chương trình chi tiết của các đối tượng theo hệ thống tín chỉ	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	Bộ GD&ĐT	
22	H3.3.4.3	Nhận xét đánh giá chương trình của các tổ chức quốc tế. (QUT)	Đại học Queensland University of Technology, Brisbane Australia hỗ trợ	Tổ chức QUT	
23	H3.3.4.4	Phương pháp và lượng giá dạy học	Dự án ADB	Ban quản lý dự án ADB - Bộ Y tế	
24	H3.3.4.5	Quyết định cử đi học tập và tham quan ở các nước.		Bộ Y tế, ĐH Điều dưỡng ND	
25	H3.3.4.6	Chương trình đào tạo thạc sỹ điều dưỡng		ĐH Điều dưỡng ND	
26	H3.3.4.7	Đề tài “Nhận xét chương trình đào tạo đại học liên thông chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định qua ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp” của Ths Nguyễn Thị Hoà – Phòng Đào tạo ĐH	10/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
27	H3.3.5.1	Chương trình chi tiết của các đối tượng đại học liên thông từ trung cấp lên đại học và từ cao đẳng lên đại học	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
28	H3.3.5.2	Chương trình chi tiết của các đối tượng	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
29	H3.3.6.1	Đề tài “Nhận xét chương trình đào tạo đại học liên thông chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định qua ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp” của Ths Nguyễn Thị Hoà – Phòng Đào tạo ĐH	10/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
30	H3.3.6.2	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các chương trình Đại học chính qui; Đại học liên thông; Cao đẳng chính qui.	1039/QĐ-ĐDN ngày 08/07/2015 1040/QĐ-ĐDN ngày 08/07/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
31	H3.3.6.3	Chương trình chi tiết của các đối	2015	ĐH Điều	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		trọng		dưỡng ND	
32	H3.3.6.4	Nhận xét đánh giá chương trình của các tổ chức quốc tế. (QUT); Phương pháp và lượng giá dạy học	Đại học Queensland University of Technology, Brisbane Australia hỗ trợ; Dự án ADB	Đại học Queensland University of Technology; Bộ Y tế	
33	H3.3.6.5	Quyết định cử giảng viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài		Bộ Y tế, ĐHQĐND	

TIÊU CHUẨN 4

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H4.4.1.1	Chương trình chi tiết các đối tượng;			
2	H4.4.1.2	Các quyết định cho phép đào tạo đại học, cao đẳng và Sau Đại học của Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Chương trình đào tạo thạc sỹ điều dưỡng	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
3	H4.4.1.3	Chương trình chi tiết đào tạo đại học liên thông từ trung cấp và đại học liên thông từ cao đẳng	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
4	H4.4.1.4	Các quyết định liên kết đào tạo năm 2014 và 2015	QĐ số 1589/BGDĐT-GDDH ngày 31/3/2014	Bộ GD&ĐT; Các đơn vị liên kết đào tạo	
			QĐ số 3181/BGDĐT-GDDH ngày 25/6/2015	Bộ GD&ĐT; Các đơn vị liên kết đào tạo	
5	H4.4.1.5	Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo	Số 81/QĐ-ĐDN ngày 15/01/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
6	H4.4.2.1	Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	Bộ GD&ĐT	
		Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế đào tạo đại học, cao	TT 57/2012/TT-	Bộ GD&ĐT	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		đăng theo hệ thống tin chỉ	BGDĐT ngày 27/12/2012		
7	H4.4.2.2	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tin chỉ	Số 868/QĐ-ĐDN ngày 16/6/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
8	H4.4.2.3	Quyết định thành lập Ban biên soạn, Ban biên tập chương trình giáo dục đại học liên thông, Cao đẳng chính qui theo hệ thống tin chỉ	1737/QĐ-ĐDN ngày 25/11/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Các lớp tập huấn đào tạo theo hệ thống tin chỉ		ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo	Số 81/QĐ-ĐDN ngày 15/01/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
9	H4.4.2.4	Chương trình chi tiết các đối tượng theo học chế tin chỉ;	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
10	H4.4.2.5	Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tin chỉ	Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	Bộ GD&ĐT	
		Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tin chỉ	TT 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012	Bộ GD&ĐT	
		Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tin chỉ	Số 868/QĐ-ĐDN ngày 16/6/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
11	H4.4.2.6	Quy chế quản lý học sinh, sinh viên	Quy chế 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007	Bộ GD&ĐT	
12	H4.4.3.1	Chương trình chi tiết các đối tượng theo học chế tin chỉ	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
13	H4.4.3.2	Kết quả xét duyệt hết tập sự của giảng viên, kỹ thuật viên trong các năm	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
14	H4.4.3.3	Hội nghị “Phương pháp và lượng giá dạy - học thực hành”	20/11/2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
15	H4.4.3.4	Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học		ĐH Điều dưỡng NĐ	
16	H4.4.3.5	Kế hoạch thực tập tại bệnh viện của các đối tượng.		ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Cơ sở vật chất của trung tâm Tiên			

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		lâm sàng			
17	H4.4.3.6	Lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
18	H4.4.3.7	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy	Số 1551/BC-ĐDN ngày 6/8/2016	ĐH Điều dưỡng NĐ	
19	H4.4.4.1	Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD	Số 2797/QĐ-BYT ngày 10/8/2012	ĐH Điều dưỡng NĐ	
20	H4.4.4.2	Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng các năm học	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
21	H4.4.4.3	Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	Bộ GD&ĐT	
		Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	TT 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012	Bộ GD&ĐT	
		Hình thức kiểm tra đánh giá của các bộ môn trong toàn trường		ĐH Điều dưỡng NĐ	
22	H4.4.4.4	Quy trình thi các đối tượng	Số 1504/QĐ-ĐDN ngày 20/11/2013	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc học phần	Số 1678/QĐ-ĐDN ngày 12/11/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
23	H4.4.4.5	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	Số 868/QĐ-ĐDN ngày 16/6/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc học phần	Số 1678/QĐ-ĐDN ngày 12/11/2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Quy trình thi các đối tượng	Số 1504/QĐ-ĐDN ngày 20/11/2013	ĐH Điều dưỡng NĐ	
24	H4.4.4.6	Hướng dẫn xây dựng bộ câu hỏi và đề thi kết thúc học phần	2014	ĐH Điều dưỡng NĐ	
25	H4.4.4.7	Bộ câu hỏi thi kết thúc học phần đã được nghiệm thu	2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
26	H4.4.4.8	Quy định quản lý, sử dụng và xử lý thông tin từ hệ thống camera giám	Số 10/QĐ-ĐDN	ĐH Điều dưỡng NĐ	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		sát của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.	ngày 08/01/2015		
26	H4.4.5.1	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn bằng, chứng chỉ số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007	Số 22/2012/TT-BGDĐT ngày 20/6/2012	Bộ GD&ĐT	
		Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ	Số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015		
27	H4.4.5.2	Quy định về việc tổ chức và quản lý thi kết thúc học phần		ĐH Điều dưỡng NĐ	
28	H4.4.5.3	Phần mềm quản lý điểm CMC		ĐH Điều dưỡng NĐ và Công ty CMC	
29	H4.4.5.4	Website của nhà trường http://www.ndun.edu.vn		ĐH Điều dưỡng NĐ	
30	H4.4.5.5	Báo cáo danh sách trúng tuyển và các báo cáo mua phôi chứng chỉ, phôi bằng tốt nghiệp các năm.	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
31	H4.4.5.6	Hệ thống sổ sách cấp phát chứng chỉ		ĐH Điều dưỡng NĐ	
32	H4.4.6.1	Cẩm nang đào tạo, sinh viên các năm học 2011-2015	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
33	H4.4.6.2	Website của nhà trường http://www.ndun.edu.vn		ĐH Điều dưỡng NĐ	
34	H4.4.6.3	Quyết định tuần sinh hoạt công dân các năm học.	2012-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân			
35	H4.4.6.4	Sổ điểm, bảng điểm học tập của sinh viên các khoá.	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
36	H4.4.6.5	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách sinh viên tốt nghiệp các năm.	2011-2015	ĐH Điều dưỡng NĐ	
37	H4.4.6.6	Đề tài “Khảo sát việc làm của sinh viên đại học, cao đẳng sau tốt nghiệp trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” của TS Trương Tuấn Anh	2012	ĐH Điều dưỡng NĐ	
38	H4.4.7.1	Đề tài Đánh giá năng lực sinh viên - cựu sinh viên đại học và cao đẳng điều dưỡng	Tạp chí Y học thực hành (861)- Số	Tạp chí y học thực hành - Bộ Y	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			3/2013	tế	
39	H4.4.7.2	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo.	2016	ĐH Điều dưỡng ND	
40	H4.4.7.3	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo	Số 1552/BC-ĐDN ngày 6/8/2016	ĐH Điều dưỡng ND	
41	H4.4.7.4	Chương trình chi tiết các đối tượng theo học chế tín chỉ;	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
42	H4.4.7.5	Các tờ trình đề nghị mở mã ngành đào tạo cử nhân y tế công cộng, Cử nhân dinh dưỡng, Đại học hộ sinh	2015-2016	ĐH Điều dưỡng ND	

TIÊU CHUẨN 5

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H5.5.1.1	Đề án Vị trí việc làm	2015	Trường ĐHĐDND	
2	H5.5.1.2	Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012	Bộ Nội vụ	
		Thông tư 16 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012		
3	H5.5.1.3	Thông báo tuyển dụng hàng năm của Nhà trường		Trường ĐHĐDND	
4	H5.5.1.4	Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2015-2020;		Trường ĐHĐDND	
5	H5.5.1.5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC hàng năm (2010-2015)	1273/KH-ĐDN ngày 21/8/2015	Trường ĐHĐDND	
6	H5.5.1.6	Quy chế chi tiêu nội bộ	868/QĐ- ĐDN ngày 16/6/2015	Trường ĐHĐDND	
7	H5.5.1.7	Công văn số 5040/BYT-TCCB ngày 19/8/2011 về quy hoạch cán bộ	5040/BYT-TCCB ngày 19/8/2011	Bộ Y tế	
8	H5.5.1.8	Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 08/5/2015 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế	1730/QĐ-BYT ngày 08/5/2015	Bộ Y tế	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
9	H5.5.1.9	Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2015 - 2020	2015-2020	Trường ĐHĐDNĐ	
10	H5.5.1.10	Quyết định số 10/2007/QĐ-BYT về việc ban hành tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHYT	10/2007/QĐ-BYT ngày 24/01/2007	Bộ Y tế	
11	H5.5.1.11	Quyết định bổ nhiệm cán bộ hàng năm	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
12	H5.5.2.1	Kế hoạch Hội nghị CNVC hàng năm		Trường ĐHĐDNĐ	
13	H5.5.2.2	Quy chế chi tiêu nội bộ	868/QĐ- ĐDN ngày 16/6/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
		Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	175/QĐ-ĐDN ngày 28/02/2013	Trường ĐHĐDNĐ	
14	H5.5.2.3	QĐ thành lập phòng thanh tra		Trường ĐHĐDNĐ	
15	H5.5.2.4	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, trung tâm thuộc trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	461/QĐ-ĐDN ngày 21/4/2014	Trường ĐHĐDNĐ	
16	H5.5.2.5	Quy định giải quyết khiếu nại tố cáo.		Trường ĐHĐDNĐ	
17	H5.5.2.6	Quy định tiếp công dân		Trường ĐHĐDNĐ	
18	H5.5.3.1	Quy chế chi tiêu nội bộ	868/QĐ- ĐDN ngày 16/6/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
19	H5.5.3.2	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC hàng năm (2010-2015)	1273/KH-ĐDN ngày 21/8/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
20	H5.5.3.3	Định mức quỹ khen thưởng theo Nghị định 65	65/2014/NĐ-CP	Trường ĐHĐDNĐ	
21	H5.5.3.4	Các quyết định các lớp đào tạo lại		Trường ĐHĐDNĐ	
		Hội nghị “Phương pháp và lượng giá dạy - học thực hành”		Trường ĐHĐDNĐ	
		Các lớp tập huấn đào tạo theo hệ thống tín chỉ		Trường ĐHĐDNĐ	
22	H5.5.3.5	+) Memorandum of understanding +) Teaching contract +) Thoả thuận thẩm định, nhận xét	+)Kyushu; gvi; The nurses’ association; Burapha; Baylor;	Trường ĐHĐDNĐ	

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		chương trình đào tạo thạc sỹ điều dưỡng.	+) Lecturer of Burapha; Lecturer of Chulalornkon		
23	H5.5.4.1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC hàng năm (2015-2020)	1273/KH-ĐDN ngày 21/8/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
24	H5.5.4.2	Danh sách cán bộ lãnh đạo, quản lý theo khoa, phòng, trung tâm, bộ môn		Trường ĐHĐDNĐ	
25	H5.5.4.3	Báo cáo phân tích chất lượng đảng viên năm 2014; Báo cáo phân tích chất lượng các chi bộ trực thuộc đảng bộ năm 2014; Báo cáo phân tích chất lượng đảng viên năm 2013.	Ngày 25/12/2014; Ngày 25/12/2013.	Trường ĐHĐDNĐ	
26	H5.5.4.4	Danh hiệu thi đua các năm học từ 2010-2015		Trường ĐHĐDNĐ	
27	H5.5.5.1	Bảng thống kê số liệu năm 2016	2016	Trường ĐHĐDNĐ	
28	H5.5.5.2	Quyết định mời giảng viên thỉnh giảng		Trường ĐHĐDNĐ	
29	H5.5.5.3	Danh sách giảng viên cơ hữu đào tạo ngành hộ sinh; Danh sách giảng viên thỉnh giảng đào tạo ngành hộ sinh	2016	Trường ĐHĐDNĐ	
30	H5.5.5.4	Danh sách giảng viên cơ hữu đào tạo ngành điều dưỡng; Danh sách giảng viên thỉnh giảng đào tạo ngành điều dưỡng	2016	Trường ĐHĐDNĐ	
31	H5.5.5.5	Biên bản hội nghị khoa học nghiệm thu đề tài, sáng kiến khoa học cấp cơ sở	Năm 2012, 2013, 2014, 2015.	Trường ĐHĐDNĐ	
32	H5.5.5.6	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ		Trường ĐHĐDNĐ	
33	H5.5.5.7	Quyết định phê duyệt “Chiến lược phát triển Giáo dục 2011-2020” của Thủ tướng chính phủ.	711/QĐ-TTg Ngày 13/6/2012	Thủ tướng chính phủ	
34	H5.5.6.1	Bảng thống kê số liệu năm 2016		Trường ĐHĐDNĐ	
35	H5.5.6.2	Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2010-2015; 2015-2020		Trường ĐHĐDNĐ	
36	H5.5.6.3	Quy chế chi tiêu nội bộ	868/QĐ- ĐDN ngày 16/6/2015		

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
37	H5.5.6.4	Danh sách giảng viên trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	2011-2016	Trường ĐHĐDNĐ	
38	H5.5.6.5	Kế hoạch phân công giờ giảng		Trường ĐHĐDNĐ	
39	H5.5.6.6	Trình độ ngoại ngữ, tin học của giảng viên		Trường ĐHĐDNĐ	
40	H5.5.6.7	Biên bản hội nghị khoa học nghiệm thu đề tài, sáng kiến khoa học cấp cơ sở	Năm 2012, 2013, 2014, 2015.	Trường ĐHĐDNĐ	
41	H5.5.7.1	Thống kê vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học hàm, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học		Trường ĐHĐDNĐ	
42	H5.5.7.2	Quyết định cử cán bộ đi học tập các năm	2011-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
		Quyết định cử cán bộ đi học tại Thái lan	424/QĐ-ĐN ngày 08/05/2013		
43	H5.5.8.1	Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên nhà trường		Trường ĐHĐDNĐ	
44	H5.5.8.2	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức.		Trường ĐHĐDNĐ	

TIÊU CHUẨN 6

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H6.6.1.1	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân	Số 1359/KH-ĐDN ngày 01/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
2	H6.6.1.2	Cẩm nang đào tạo, Cẩm nang sinh viên các năm	2011-2015	ĐH Điều dưỡng ND	
3	H6.6.1.3	Website của nhà trường http://www.ndun.edu.vn		ĐH Điều dưỡng ND	
4	H6.6.2.1	Quy chế quản lý học sinh sinh viên	Số 715/QĐ-ĐDN ngày 03/8/2012	ĐH Điều dưỡng ND	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
5	H6.6.2.2	Tuần SHCD, Cẩm nang HSSV	Số 1359/KH-ĐDN ngày 01/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
6	H6.6.2.3	Quyết định hội đồng khám sức khoẻ.	Số 1519/QĐ-ĐDN ngày 24/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
7	H6.6.2.4	Giấy chứng nhận sức khoẻ của HSSV	TT số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007	ĐH Điều dưỡng ND	
8	H6.6.2.5	Website www.ndun.edu.vn/index.php/hac-sinh-sinh-vian		ĐH Điều dưỡng ND	
9	H6.6.2.6	Q/Đ miễn giảm học phí cho sinh viên	Số 869/QĐ-ĐDN ngày 16/6/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
10	H6.6.2.7	Quyết định học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm học 2014-2015	Số 667/QĐ-ĐDN ngày 19/5/2015 Số 1642/QĐ-ĐDN ngày 5/10/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
11	H6.6.2.8	Danh sách mua bảo hiểm của sinh viên	2011-2015	ĐH Điều dưỡng ND	
12	H6.6.2.9	Báo cáo tổng kết xây dựng phong trào toàn dân.	Số 1869/ĐDN-TCCB ngày 11/11/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
13	H6.6.3.1	Bản thu hoạch tuần SHCD	25/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
14	H6.6.3.2	Phiếu đánh giá rèn luyện từng kỳ		ĐH Điều dưỡng ND	
15	H6.6.3.3	Q/Đ kết quả điểm RL	Số 549 ngày	ĐH	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			27/04/2015 Số 1081 ngày 08/7/2015 Số 1706 ngày 30/9/2015	Điều dưỡng ND	
16	H6.6.3.4	Kê hoạch tuần sinh hoạt công dân	Số 1359/KH- ĐDN ngày 01/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
17	H6.6.3.5	Kế hoạch SVTN	Số 01/KH/HSV ngày 25/8/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
18	H6.6.4.1	Danh sách HSSV học cảm tình Đảng và kết nạp Đảng	Ngày 22/5/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
19	H6.6.4.2	Q/Đ BCH Đoàn trường, chi Đoàn từng nhiệm kỳ.	Số 121/QĐ/TĐ- TCKT ngày 26/8/2014	BCH tỉnh Đoàn Nam Định	
20	H6.6.4.3	Q/Đ BCH hội SV toàn trường, DS chi hội SV	Số 04/QĐ/TWHSV ngày 23/01/2014	TƯ Hội sinh viên Việt Nam	
21	H6.6.4.4	Kế hoạch công tác Đoàn hàng năm.	Số 01/KH/HSV ngày 25/8/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
22	H6.6.4.5	Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 868/QĐ- ĐDN ngày 16/06/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
23	H6.6.5.1	Sân bóng chuyền, nhà đa năng		ĐH Điều dưỡng ND	
24	H6.6.5.2	Danh sách nhà trọ sinh viên tình nguyện hỗ trợ tìm kiếm		Đoàn thành niên	
25	H6.6.5.3	Ký túc xá của sinh viên		ĐH	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
				Điều dưỡng ND	
26	H6.6.5.4	Đơn xác nhận vay vốn cho SV		ĐH Điều dưỡng ND	
27	H6.6.6.1	Giấy mời CA (Lịch giảng tuần SHCD)	Số 1358/CV-ĐDN ngày 04/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
28	H6.6.6.2	Tuần SHCD, Cẩm nang HSSV	Số 1359/KH-ĐDN ngày 01/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
29	H6.6.6.3	Quyết định khen thưởng văn nghệ tuần SHCD	1509/QĐ-ĐDN ngày 23/9/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
30	H6.6.6.4	Kế hoạch sinh viên tình nguyện	Số 01/KH/HSV ngày 25/8/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
31	H6.6.7.1	Quyết định ban tư vấn việc làm	Số 668/QĐ-ĐDN ngày 22/4/2016	ĐH Điều dưỡng ND	
32	H6.6.7.2	Các thông báo tuyển dụng	Số 07TB-ĐKQT NGÀY 12/01/2015	BV Quốc tế Hải Phòng	
33	H6.6.7.3	Hợp đồng gửi SV đi thực tế tại các bệnh viện	Số 1712-1717/HĐ ngày 03/8/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
34	H6.6.7.4	Đề tài “Khảo sát việc làm của sinh viên đại học, cao đẳng sau tốt nghiệp trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” của TS Trương Tuấn Anh	2012	ĐH Điều dưỡng ND	
35	H6.6.8.1	Quyết định ban tư vấn việc làm	Số 668/QĐ-ĐDN ngày 22/4/2016	ĐH Điều dưỡng ND	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
36	H6.6.8.2	Đề tài “Khảo sát việc làm của sinh viên đại học, cao đẳng sau tốt nghiệp trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” của TS Trương Tuấn Anh	2012	ĐH Điều dưỡng ND	
37	H6.6.9.1	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo.	2016	ĐH Điều dưỡng ND	
38	H6.6.9.2	Đề tài “Khảo sát việc làm của sinh viên đại học, cao đẳng sau tốt nghiệp trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” của TS Trương Tuấn Anh	2012	ĐH Điều dưỡng ND	
39	H6.6.9.3	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy	Số 1551/BC-ĐDN ngày 6/8/2016	ĐH Điều dưỡng ND	
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo	Số 1552/BC-ĐDN ngày 6/8/2016	ĐH Điều dưỡng ND	

BẢNG MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 7

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H7.7.1.1	Quy định về chức năng nhiệm vụ của các khoa, phòng bộ môn trung tâm thuộc của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	461/QĐ ngày 21/4/2014	ĐH Điều dưỡng ND	
2	H7.7.1.2	Văn bản quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
3	H7.7.1.3	Chiến lược phát triển trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030	319/QĐ ngày 24/3/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
4	H7.7.1.4	Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm	2014, 2015, 2016	ĐH Điều dưỡng ND	
5	H7.7.1.5	Kinh phí nghiên cứu khoa học bộ cấp	2011, 2012	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
6	H7.7.1.6	Kinh phí nhà trường hỗ trợ (chi tiêu nội bộ)	444/QĐ ngày 13/4/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
7	H7.7.1.7	Quy trình thực hiện đề tài NCKH	875/QĐ ngày 13/9/2012 66/QĐ ngày 21/01/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
8	H7.7.1.8	Đề tài cấp cơ sở (76 đề tài và 6 sáng kiến) đã thực hiện	Từ năm 2011 - 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
9	H7.7.1.9	Tập huấn nghiên cứu khoa học		ĐH Điều dưỡng ND	
10	H7.7.1.10	Kế hoạch sinh hoạt khoa học hàng quý		ĐH Điều dưỡng ND	
11	H7.7.1.11	Nội san và đặc san nghiên cứu khoa học	2010, 2011, 2013, 2014, 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
12	H7.7.1.12	Quyết định về Quản lý hoạt động viết sáng kiến tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	443/QĐ ngày 13/4/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
13	H7.7.2.1	Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm	2014, 2015, 2016	ĐH Điều dưỡng ND	
14	H7.7.2.2	Quy trình thực hiện đề tài NCKH	875/QĐ ngày 13/9/2012 66/QĐ ngày 21/01/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
15	H7.7.2.3	Hồ sơ đề tài nghiên cứu (biên bản xét duyệt đề cương, biên bản thanh tra, biên bản nghiệm thu)	2011- 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
16	H7.7.2.4	Đề tài cấp cơ sở (76 đề tài và 6 sáng kiến) đã thực hiện	Từ năm 2011 - 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
17	H7.7.3.1	Danh sách các bài báo của Giảng viên đăng trên tạp chí trong nước		ĐH Điều dưỡng ND	
18	H7.7.3.2	Danh sách các bài báo của Giảng viên đăng trên tạp chí nước ngoài		ĐH Điều dưỡng ND	
19	H7.7.3.3	Quy đổi giờ chuẩn nghiên cứu khoa học	638/ QĐ ngày 20/4/2016	ĐH Điều dưỡng ND	
20	H7.7.3.4	Định mức giờ giảng của giảng viên	828/ QĐ ngày 10/6/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
21	H7.7.3.5	Hướng dẫn xét tặng các danh hiệu thi đua	775/QĐ ngày 01/6/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
22	H7.7.4.1	Dự án cấp tỉnh: xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng	2010	Sở KH&CN tỉnh Nam Định	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
23	H7.7.4.2	Dự án cấp tỉnh: Ứng dụng mô hình sàng lọc đái tháo đường thai kỳ của WHO cho phụ nữ mang thai tỉnh Nam Định	2012	Sở KH&CN tỉnh Nam Định	
24	H7.7.4.3	Đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu triển khai mô hình chăm sóc sức khoẻ tại nhà ở tỉnh Nam Định	2015	Sở KH&CN tỉnh Nam Định	
25	H7.7.4.4	Đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe cộng đồng tại làng nghề cơ khí Bình Yên, Nam Trực, Nam Định và đề xuất giải pháp can thiệp	Hợp đồng số 10/2014/HĐ-KHCN ngày 8/4/2014 của sở KHCN tỉnh ND với trường ĐHDDND	Sở KH&CN tỉnh Nam Định	
26	H7.7.4.5	Danh mục các đề tài sáng kiến năm 2015	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
27	H7.7.4.6	Giấy chứng nhận sáng kiến và giải thưởng sáng tạo kỹ thuật	2014, 2015	Sở KH&CN tỉnh Nam Định	
28	H7.7.4.7	Hồ sơ đề tài nghiên cứu (biên bản xét duyệt đề cương, biên bản nghiệm thu)	2011- 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
29	H7.7.5.1	Kinh phí nghiên cứu khoa học bộ cấp	2011, 2012	Bộ Y tế	
30	H7.7.5.2	Kinh phí nhà trường hỗ trợ (chi tiêu nội bộ)	444/QĐ ngày 13/4/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
31	H7.7.6.1	Chương 2 trong Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ	875/QĐ ngày 13/9/2012	ĐH Điều dưỡng ND	
32	H7.7.6.2	Hồ sơ đề tài nghiên cứu (biên bản xét duyệt đề cương, biên bản nghiệm thu)	2011- 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
33	H7.7.6.3	Hồ sơ dự án Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế ADB		ĐH Điều dưỡng ND	
34	H7.7.6.4	Danh mục các trang thiết bị được cung cấp từ dự án ADB		ĐH Điều dưỡng ND	
35	H7.7.6.5	Đề tài cấp cơ sở (76 đề tài và 6 sáng kiến) đã thực hiện	Từ năm 2010 - 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
36	H7.7.7.1	Quy trình thực hiện đề tài NCKH	875/QĐ ngày 13/9/2012 66/QĐ ngày	ĐH Điều dưỡng ND	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			21/01/2015		
37	H7.7.7.2	Quyết định thành lập Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học cấp cơ sở	425/QĐ ngày 08/5/2013	ĐH Điều dưỡng ND	
38	H7.7.7.3	Đề tài cấp cơ sở (76 đề tài và 6 sáng kiến) đã thực hiện	Từ năm 2010 - 2015	ĐH Điều dưỡng ND	
39	H7.7.7.4	Tập huấn Nghiên cứu khoa học		ĐH Điều dưỡng ND	
40	H7.7.7.5	Giấy chứng nhận sáng kiến và giải thưởng sáng tạo kỹ thuật	2014, 2015	Sở khoa học CN tỉnh Nam Định	

TIÊU CHUẨN 8

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H8.8.1.1	Thông tư 02/2012 BNG về hướng cấp, gia hạn visa;	TT 02/2012 BNG	Bộ ngoại giao	
		Quyết định 58/2012 về việc sử dụng hộ chiếu	QĐ 58/2012	Bộ ngoại giao	
		Nghị định 65/2012 về sửa đổi bổ sung quy định xuất nhập cảnh	ND 65/2012	Bộ ngoại giao	
		TT 01/2010 về Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách	TT 01/2010	Bộ Tài chính	
		Quyết định 119/2009 về ban hành quy chế chuyên gia của dự án ODA;	QĐ 119/2009-BYT	Bộ Y tế	
		QĐ 2844/2010 của BYT về Quy chế HTQT BYT	QĐ 2844/2010	Bộ Y tế	
		TT 09/2013 BYT hướng dẫn tổ chức hội nghị hội thảo QT	TT 09/2013-BYT	Bộ Y tế	
		QĐ 2932/2013 BYT ủy quyền cử CBCC đi ctacs nước ngoài;	QĐ 2932/2013-BYT	Bộ Y tế	
		Quyết định về việc thành lập Phòng HTQT	QĐ 3883/2015 BYT	Bộ Y tế	
2	H8.8.1.2	Công văn báo cáo công an PA61 và PA83- Công an tỉnh Nam Định		ĐH Điều dưỡng ND	
		Công văn báo cáo vụ Hợp tác quốc tế - Bộ y tế đoàn ra và đoàn vào			
3	H8.8.1.3	Đề án thành lập phòng HTQT	2014	ĐH Điều dưỡng ND	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, TT	QĐ 461/2014	ĐH Điều dưỡng ND	
		Quyết định về việc điều chuyển và ban hành chức năng nhiệm vụ phòng HTQT	QĐ1690/2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Công văn 2199 gửi Vụ HTQT cung cấp thông tin mạng lưới HTQT BYT		ĐH Điều dưỡng ND	
4	H8.8.1.4	Kế hoạch hoạt động HTQT hàng năm.	2012-2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Giấy phép hoạt động của tổ chức quốc tế do Bộ Ngoại giao cấp.	Số 152/BNG-HĐ ngày 3/7/2013	Bộ Ngoại giao	
		Kế hoạch hợp tác quốc tế	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Báo cáo tổng kết của công đoàn	2015		
5	H8.8.1.5	Các văn bản ghi nhớ hợp tác với nước ngoài.	2015	ĐH Điều dưỡng ND	
		Báo cáo đoàn ra	Các năm		
6	H8.8.2.1	Các văn bản ghi nhớ hợp tác với nước ngoài.	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
7	H8.8.2.2	Thống kê số lượng cán bộ, giáo viên được cử đi tham quan học tập và đào tạo ở nước ngoài.	2011-2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Các chương trình giao lưu, tham quan, học tập của cán bộ, giáo viên ở nước ngoài.	2014-2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Quyết định cử giảng viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.	2012-2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Các quyết định cử đi nước ngoài, chứng chỉ, bằng, tổng hợp danh sách đoàn ra	2012-2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
8	H8.8.2.3	Tổng hợp danh sách đoàn vào	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
9	H8.8.2.4	Đề án Thạc sỹ điều dưỡng	2014	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Bản nhận xét đánh giá, hợp đồng thẩm định chương trình thạc sỹ điều dưỡng	2014	ĐH Chulalongkon; ĐH Điều dưỡng Nam	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
				Định	
10	H8.8.2.5	Nhận xét đánh giá chương trình của các tổ chức quốc tế. (QUT)	Đại học Queensland University of Technology, Brisbane Australia hỗ trợ	Các tổ chức quốc tế	
11	H8.8.2.6	Nội dung chương trình các môn học. Các video clip, các cảnh học tập trao đổi	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
12	H8.8.2.7	Biên bản nghiệm thu giáo trình.	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
13	H8.8.2.8	Các quyết định của dự án ADB Danh mục trang thiết bị	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
14	H8.8.2.9	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị, hàng hóa bằng nguồn vốn vay ADB để thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 2299/QĐ-BYT ngày 12/6/2015	Bộ Y tế	
15	H8.8.2.10	Kế hoạch hành động và triển khai dự án QUT Báo cáo kết quả thực hiện dự án QUT	2014-2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
16	H8.8.2.11	Chương trình tập huấn, danh sách tập huấn của dự án QUT	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
17	H8.8.2.12	Bảng danh sách thanh toán tiền lớp tập huấn dự án QUT	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
18	H8.8.2.13	Chương trình trao đổi sinh viên Kyushu, Baylor		ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Chương trình học tập của trường Burapha			
		Các chương trình giao lưu sinh viên			
19	H8.8.3.1	Đề tài nghiên cứu của 04 Thạc sĩ điều dưỡng.	Đề tài nghiên cứu của 04 ThS điều		

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			điều dưỡng: Vũ Văn Đẩu, Nguyễn Thị Minh Chính, Đoàn Quỳnh Anh, Mai Lan Anh.		
		Đề tài nghiên cứu của 01 Tiến sĩ điều dưỡng.	Đề tài nghiên cứu của 01 TS điều dưỡng: Ngô Huy Hoàng.		
20	H8.8.3.2	Báo cáo của các cán bộ, giảng viên tại các Hội nghị quốc tế.		ĐH Điều dưỡng Nam Định	
21	H8.8.3.3	Kế hoạch đón tiếp các trường	2015-2016	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Hợp đồng giảng dạy với Đại học Burapha	2015	ĐH Điều dưỡng Nam Định	
		Nội dung các môn học cho học viên cao học.		ĐH Điều dưỡng Nam Định	
22	H8.8.3.4	Bài báo khoa học của các chuyên gia			
23	H8.8.3.5	Thư mời, tóm tắt nghiên cứu và kinh phí của dự án QUT về nghiên cứu đã chi tiêu.	2015	Tổ chức QUT	
24	H8.8.3.6	Thanh toán kinh phí dự án QUT về nghiên cứu đã chi tiêu		ĐH Điều dưỡng Nam Định	
25	H8.8.3.7	Bài báo của cán bộ, giảng viên được đăng trên các tạp chí quốc tế			

TIÊU CHUẨN 9

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H9.9.1.1	Pháp lệnh về thư viện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Số 31/2000/PL-UBTVQH10	Ủy ban TVQH	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			ngày 28/12/2000		
2	H9.9.1.2	Quyết định ban hành quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học của Bộ VHTTDL	Số 13/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10/3/2008	Bộ VHTTDL	
3	H9.9.1.3	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các Khoa, Phòng, Bộ môn, Trung tâm thuộc Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 461/QĐ_ĐDN ngày 21/4/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
4	H9.9.1.4	Biên bản kiểm kê tài sản của Thư viện	Biên bản kiểm kê tài sản ngày 1/1/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
5	H9.9.1.5	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động của Thư viện trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 995/QĐ-ĐDN	Trường ĐHĐDN Đ	
6	H9.9.1.6	Hợp đồng/Phiếu đặt báo, tạp chí Thư viện 2015	Năm 2015	Trường ĐHĐDN Đ	
7	H9.9.1.7	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012	Số 118/QĐ-BYT ngày 16/1/2012	Bộ Y tế	
8	H9.9.1.8	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sách giáo khoa năm 2012	Số 3974/QĐ-BYT ngày 17/10/2012	Bộ Y tế	
9	H9.9.1.9	Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm trang thiết bị, phần mềm bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2014	Số 1478/QĐ-ĐDN ngày 13/10/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
10	H9.9.1.10	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014	Số 352/QĐ-BYT ngày 24/1/2014	Bộ Y tế	
11	H9.9.1.11	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, sách giáo khoa, dụng cụ và vật tư y tế tiêu hao bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2014	Số 3424/QĐ-BYT ngày 04/9/2014	Bộ Y tế	
12	H9.9.1.12	Quyết định giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2015	Số 5445/QĐ-BYT ngày 30/12/2014	Bộ Y tế	
13	H9.9.1.13	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, sách giáo khoa, dụng cụ và vật tư hóa chất tiêu hao năm 2015 bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của	Số 2645/QĐ-BYT ngày 26/6/2015	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.			
14	H9.9.1.14	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý thư viện	Năm 2015	Công ty CMC	
15	H9.9.1.15	Khảo sát nhu cầu tin tại Thư viện trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Năm 2012	Trường ĐHĐDN Đ	
16	H9.9.1.16	Khảo sát nhu cầu tra cứu thông tin tại thư viện điện tử trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Năm 2013	Trường ĐHĐDN Đ	
17	H9.9.1.17	Bản vẽ mặt bằng thư viện		Trường ĐHĐDN Đ	
18	H9.9.1.18	Quyết định ban hành Quy định về thu thập và khai thác tài liệu nội sinh trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định	Số 1223/QĐ-ĐDN	Trường ĐHĐDN Đ	
19	H9.9.1.19	Tiêu chuẩn Việt Nam về các tiêu chuẩn xây dựng trường Đại học	TCVN 3981: 1985		
20	H9.9.1.20	Kế hoạch Tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Sách Việt Nam – 21/4”	Số 495/KH-ĐDN	Trường ĐHĐDN Đ	
21	H9.9.1.21	Lịch học “Tuần sinh hoạt công dân”	Số 1845/TB-ĐDN	Trường ĐHĐDN Đ	
22	H9.9.2.1	Mặt bằng khu giảng đường	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường	Trường ĐHĐDN Đ	
23	H9.9.2.2	Tiêu chuẩn Việt Nam về các tiêu chuẩn xây dựng trường Đại học	TCVN 3981: 1985		
24	H9.9.2.3	Mặt bằng bố trí các phòng thực hành, thực tập	Bản vẽ mặt bằng khu làm việc	Trường ĐHĐDN Đ	
25	H9.9.2.4	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo	Số 1552/BC-ĐDN ngày 6/8/2016	ĐH Điều dưỡng ND	
26	H9.9.3.1	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2010	Số 306/QĐ-BYT ngày 29/1/2010	Bộ Y tế	
27	H9.9.3.2	Quyết định về việc giao bổ sung dự toán chi sự nghiệp đào tạo năm 2010 cho trường ĐHĐD- ND	Số 4776/QĐ-BYT ngày 9/12/2010	Bộ Y tế	
28	H9.9.3.3	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm trang thiết bị và	Số 747/QĐ-ĐDN ngày 05/10/2010	Trường ĐHĐDN	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		phần mềm bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2010		Đ	
29	H9.9.3.4	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm trang thiết bị và phần mềm bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2010	Số 3619/QĐ-BYT ngày 30/9/2010	Bộ Y tế	
30	H9.9.3.5	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm trang thiết bị năm 2010	Số 880/QĐ-ĐDN ngày 9/11/2010	Trường ĐHĐDN Đ	
31	H9.9.3.6	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm trang thiết bị năm 2010	Số 881/QĐ-ĐDN ngày 09/11/2010	Trường ĐHĐDN Đ	
32	H9.9.3.7	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm trang thiết bị năm 2010	Số 882/QĐ-ĐDN ngày 09/11/2010	Trường ĐHĐDN Đ	
33	H9.9.3.8	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm dụng cụ và vật tư y tế tiêu hao năm 2010	Số 675/QĐ-ĐDN ngày 13/9/2010	Trường ĐHĐDN Đ	
34	H9.9.3.9	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư bằng nguồn ngân sách nhà nước cho trường ĐHĐDNĐ	Số 3018/QĐ-BYT ngày 20/08/2010	Bộ Y tế	
35	H9.9.3.10	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu cung cấp dụng cụ- vật tư y tế tiêu hao và hóa chất xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm học 2010-2011 nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên	Số 620/QĐ-ĐDN ngày 30/8/2010	Trường ĐHĐDN Đ	
36	H9.9.3.11	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2011	Số 111/QĐ-BYT ngày 18/1/2011	Bộ Y tế	
37	H9.9.3.12	Quyết định về việc thành lập hội đồng KHKT năm 2011	Số 337/QĐ-ĐDN ngày 11/5/2011	Trường ĐHĐDN Đ	
38	H9.9.3.13	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu cung cấp dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và hóa chất xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm học 2011-2012 nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên	Số 548/QĐ-ĐDN ngày 04/07/2011	Trường ĐHĐDN Đ	
39	H9.9.3.14	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua hóa chất thực tập năm 2011	Số 553/QĐ-ĐDN ngày 15/07/2011	Trường ĐHĐDN Đ	
40	H9.9.3.15	Quyết định về việc phê duyệt kế	Số 3595/QĐ-	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		hoạch đấu thầu mua trang thiết bị, phần mềm bằng nguồn ngân sách nhà nước của ĐHĐDNĐ 2011	BYT ngày 04/10/2011		
41	H9.9.3.16	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2012	Số 118/QĐ-BYT ngày 16/1/2012	Bộ Y tế	
42	H9.9.3.17	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và hóa chất thực tập năm học 2012-2013 bằng ngân sách nhà nước chi thường xuyên năm 2012	Số 494/QĐ-ĐDN ngày 05/06/2012	Trường ĐHĐDN Đ	
43	H9.9.3.18	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu cung cấp dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và hóa chất xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm học 2012-2013 nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên	Số 632/QĐ-ĐDN ngày 05/07/2012	Trường ĐHĐDN Đ	
44	H9.9.3.19	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua cấp dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và hóa chất năm 2012 bằng nguồn ngân sách nhà nước của trường Đại học điều dưỡng Nam Định	Số 2268/QĐ-BYT ngày 29/6/2012	Bộ Y tế	
45	H9.9.3.20	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2013	Số 298/QĐ-BYT ngày 25/1/2013	Bộ Y tế	
46	H9.9.3.21	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu trang thiết bị thuộc dự án Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế bằng khoản vay chương trình đợt I của ngân hàng phát triển Châu Á năm 2012	Số 35/QĐ-ĐDN ngày 11/01/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
47	H9.9.3.22	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu trang thiết bị thuộc dự án Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế bằng khoản vay chương trình đợt I của ngân hàng phát triển Châu Á năm 2012	Số 36/QĐ-ĐDN ngày 11/01/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
48	H9.9.3.23	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu 01: Trang thiết bị y tế thực hành bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2013 và các nguồn vốn hợp pháp khác của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1254/QĐ-ĐDN ngày 14/10/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
49		Quyết định về việc phê duyệt kết quả	Số 1078/QĐ-	Trường	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H9.9.3.24	đấu thầu mua dụng cụ và vật tư y tế tiêu hao năm 2013	ĐDN ngày 20/09/2013	ĐHĐDN Đ	
50	H9.9.3.25	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua Hóa chất thực tập năm 2013 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1079/QĐ-ĐDN ngày 20/09/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
51	H9.9.3.26	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm tài sản cố định bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2013 và các nguồn vốn hợp pháp khác của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3324/QĐ-BYT ngày 9/09/2013	Bộ Y tế	
52	H9.9.3.27	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và Hóa chất thực tập năm học 2013- 2014 bằng nguồn ngân sách chi thường xuyên năm 2013	Số 559/QĐ-ĐDN ngày 6/6/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
53	H9.9.3.28	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu cung cấp dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao và hóa chất xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm học 2013-2014 nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên năm 2013	Số 933/QĐ-ĐDN ngày 20/08/2012	Trường ĐHĐDN Đ	
54	H9.9.3.29	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm tài sản cố định bằng nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 2909/QĐ-BYT ngày 13/08/2013	Bộ Y tế	
55	H9.9.3.30	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2013	Số 560/QĐ-ĐDN ngày 6/06/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
56	H9.9.3.31	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2013 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 2230/QĐ-BYT ngày 25/06/2013	Bộ Y tế	
57	H9.9.3.32	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm trang thiết bị cho dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2013 và các nguồn vốn hợp pháp khác của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3644/QĐ-BYT ngày 23/09/2013	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
58	H9.9.3.33	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm tài sản cố định thuộc dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2013 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3612/QĐ-BYT ngày 23/09/2013	Bộ Y tế	
59	H9.9.3.34	Quyết định về việc điều chỉnh danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2013 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3540/QĐ-BYT ngày 19/09/2013	Bộ Y tế	
60	H9.9.3.35	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2014	Số 352/QĐ-BYT ngày 24/1/2014	Bộ Y tế	
61	H9.9.3.36	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị và phần mềm bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3948/QĐ-BYT ngày 2/01/2014	Bộ Y tế	
62	H9.9.3.37	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói 01: mô hình phòng thực hành bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1708/QĐ-ĐDN ngày 30/10/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
63	H9.9.3.38	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói 02: thiết bị phòng thực hành bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1710/QĐ-ĐDN ngày 30/10/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
64	H9.9.3.39	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua dụng cụ và vật tư y tế tiêu hao năm 2014	Số 1490/QĐ-ĐDN ngày 13/10/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
65	H9.9.3.40	Quyết định về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Hóa chất thực tập năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1492/QĐ-ĐDN ngày 13/10/2014	Trường ĐHĐDN Đ	
66	H9.9.3.41	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, sách giáo khoa, dụng cụ và vật tư hóa chất tiêu hao năm 2014 bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3424/QĐ-BYT ngày 4/9/2014	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
67	H9.9.3.42	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm trang thiết bị, phần mềm bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2014	Số 1478/QĐ-ĐDN ngày 13/10/2014	Trường ĐHQĐN Đ	
68	H9.9.3.43	Quyết định về việc phê duyệt danh mục mua sắm và sửa chữa tài sản cố định năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 3877/QĐ-BYT ngày 30/9/2014	Bộ Y tế	
69	H9.9.3.44	Quyết định về việc giao dự toán, thu chi ngân sách nhà nước 2015	Số 5445/QĐ-BYT ngày 30/12/2014	Bộ Y tế	
70	H9.9.3.45	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, sách giáo khoa, dụng cụ và vật tư hóa chất tiêu hao năm 2015 bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 2645/QĐ-BYT ngày 26/6/2015	Bộ Y tế	
71	H9.9.3.46	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị, hàng hóa bằng nguồn vốn vay ADB để thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 2299/QĐ-BYT ngày 12/6/2015	Bộ Y tế	
72	H9.9.3.47	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 02: Trang thiết bị chuyên dụng và phân tích thuộc nguồn vốn dự án chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế bằng khoản vay chương trình đợt II và vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước năm 2015 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1184/QĐ-ĐDN ngày 19/08/2015	Trường ĐHQĐN Đ	
73	H9.9.3.48	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 3: Trang thiết bị thăm dò chức năng thuộc nguồn vốn dự án chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế bằng khoản vay chương trình đợt II và vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước năm 2015 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1186/QĐ-ĐDN ngày 19/08/2015	Trường ĐHQĐN Đ	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
74	H9.9.3.49	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 01: Trang thiết bị phòng thực hành thuộc nguồn vốn dự án chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế bằng khoản vay chương trình đợt II và vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước năm 2015 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1182/QĐ-ĐDN ngày 19/08/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
75	H9.9.3.50	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị, hàng hóa bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2015 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.	Số 2302/QĐ-BYT ngày 12/6/2015	Bộ Y tế	
76	H9.9.3.51	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 01: Trang thiết bị phòng thực hành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2015 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1188/QĐ-ĐDN ngày 19/08/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
77	H9.9.3.52	Quyết định số 2999/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Quyết định số 2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
78	H9.9.3.53	Danh mục các trang thiết bị thực hành bổ sung hằng năm		Trường ĐHĐDN Đ	
79	H9.9.3.54	Công văn của giám đốc dự án “Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế”	Số 260/DAPTNNL ngày 06/6/2016	Ban Quản lý dự án Bộ y tế	
80	H9.9.3.55	Quyết định về việc phê duyệt dự án tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ	Số 1010/QĐ-BYT ngày 25/3/2016	Bộ y tế	
81	H9.9.4.1	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và đào tạo tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” giai đoạn 2013-2015	Số 544/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
82	H9.9.4.2	Quyết định của Bộ trưởng Bộ y tế về	- Số 3018/QĐ-	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		việc phê duyệt kế hoạch, danh mục đấu thầu mua trang thiết bị nguồn ngân sách nhà nước năm 2010 -2015	BYT ngày 20/8/2010 - Số 3595/QĐ- BYT ngày 04/10/2011 - Số 3424/QĐ- BYT ngày 04/09/2014 - Số 3877/QĐ- BYT ngày 30/9/2015 - Số 3948/QĐ- BYT ngày 02/10/2014 - Số 2299/QĐ- BYT ngày 12/6/2015 - Số 2578/QĐ- BYT ngày 14/7/2015 - Số 2302/QĐ- BYT ngày 12/6/2015		
83	H9.9.4.3	Quyết định của Hiệu trưởng về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch đấu thầu, mua sắm, sửa chữa TSCĐ từ kinh phí chi thường xuyên năm 2010 -2015	- Số 747/QĐ – ĐDN 05/10/2010 - Số 560/QĐ – ĐDN 06/06/2013 - Số 1478/QĐ – ĐDN 13/10/2014 - Số 917/QĐ – ĐDN 22/6/2015 - Số 919/QĐ – ĐDN 22/6/2015	ĐHĐD Nam Định	
84	H9.9.4.4	Thực trạng CNTT tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế	Số 42/BC – ĐDN 09/01/2015	ĐHĐD Nam Định	
85	H9.9.4.5	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Công nghệ Thông tin	Số 835/QĐ-ĐDN	ĐHĐD Nam Định	
86	H9.9.4.6	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và đào tạo tại Trường Đại	Số 544/QĐ-BYT	Bộ Y tế	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		học Điều dưỡng Nam Định” giai đoạn 2013-2015			
87	H9.9.4.7	Quy chế tổ chức và hoạt động của ban biên tập website	Số 1330/QĐ-ĐDN 20/12/2012	ĐHĐD Nam Định	
		Quyết định thành lập Ban biên tập website	Số 1520/QĐ-ĐDN 24/09/2015	ĐHĐD Nam Định	
88	H9.9.4.8	Quyết định của Hiệu trưởng về việc lựa chọn cung cấp dịch vụ thuê máy chủ ảo duy trì hoạt động website	Số 1781/QĐ-ĐDN 12/10/2015	ĐHĐD Nam Định	
		Thông báo thực hiện quy trình xử lý văn bản trên phần mềm quản lý	Số 135/TB-ĐDN 30/01/2015	ĐHĐD Nam Định	
		Quyết định ban hành quy định về quản lý và khai thác hệ thống thông tin tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 80/QĐ-ĐDN 22/01/2015	ĐHĐD Nam Định	
83	H9.9.4.9	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp trang thiết bị và phần mềm bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2014 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 1562/QĐ-ĐDN ngày 31/10/2014	ĐHĐD Nam Định	
		Phần mềm Quản lý Thư viện thực hành Skill – LAP	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Quản lý văn bản điện tử	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Quản lý Ký túc xá	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Quản lý Thư viện	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Kế toán thu học phí Học sinh sinh viên	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Quản lý HSSV, Đào tạo	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
		Phần mềm Quản lý thi trắc nghiệm trên máy tính	Tài liệu hướng dẫn	Công ty CMC	
84	H9.9.5.1	Mặt bằng khu giảng đường	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường		
85	H9.9.5.2	Tiêu chuẩn Việt Nam về các tiêu chuẩn trường Đại học	TCVN 3981:85		

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
86	H9.9.5.3	Quyết định lựa chọn nhà thầu cung cấp dụng cụ phục vụ giảng dạy bộ môn Giáo dục thể chất năm học 2014-2015	Số 1712/QĐ-ĐDN	ĐHĐD Nam Định	
87	H9.9.5.4	Biên bản kiểm kê trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ làm việc	Biên bản kiểm kê tài sản của trường ngày 1/1/2015	Trường ĐHĐDN Đ	
88	H9.9.5.5	Quyết định chính sách nhà ở của chính phủ cho học sinh – sinh viên	Số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009	Thủ tướng CP	
89	H9.9.5.6	Ký túc xá của HSSV	Bản vẽ mặt bằng khu làm việc		
90	H9.9.5.7	Quyết định phê duyệt dự án xây dựng ký túc xá sinh viên mới bằng nguồn trái phiếu chính phủ			
91	H9.9.5.8	Quyết định quy hoạch tổng thể phát triển trường đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 kèm theo Quyết định phê duyệt của Bộ Y tế	Số 2999/QĐ-BYT ngày 12/8/2014	Bộ Y tế	
92	H9.9.6.1	Bản vẽ mặt bằng bố trí phòng làm việc cho các đơn vị	Bản vẽ mặt bằng khu làm việc		
93	H9.9.6.2	Tiêu chuẩn Việt Nam về các tiêu chuẩn xây dựng trường Đại học	TCVN 3981: 1985		
94	H9.9.6.3	Biên bản kiểm kê trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ làm việc	Biên bản kiểm kê tài sản của trường năm 2015	Trường ĐHĐDN Đ	
95	H9.9.7.1	Quyết định thu hồi đất và giao đất cho trường	Số 495/QĐ-UB ngày 10/3/2004	UBND Tỉnh Nam Định	
96	H9.9.7.2	Tiêu chuẩn Việt Nam về các tiêu chuẩn xây dựng trường Đại học	TCVN 3981: 1985		
97	H9.9.7.3	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường	Bản vẽ mặt bằng khu giảng đường		
98	H9.9.8.1	Quyết định quy hoạch tổng thể phát triển trường đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 kèm theo Quyết định phê duyệt của Bộ Y tế	Số 2999/QĐ-BYT ngày 12/ 8/2014	Bộ Y tế	
99	H9.9.8.2	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Số 5526/QĐ-BYT ngày 23/10/2003	Bộ Y tế	
100	H9.9.9.1	Quy định chức năng, nhiệm vụ bảo		Trường	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		vệ		ĐHĐDN Đ	
101	H9.9.9.2	Nghị quyết về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2011, 2013, 2014	2011, 2013, 2014	Trường ĐHĐDN Đ	
102	H9.9.9.3	Các văn bản chỉ đạo của công an tỉnh, Kế hoạch nâng cao chất lượng ba an toàn		Trường ĐHĐDN Đ	
103	H9.9.9.4	Nhật ký bảo vệ		Trường ĐHĐDN Đ	
104	H9.9.9.5	Phương án phòng cháy chữa cháy ở cơ sở		Trường ĐHĐDN Đ	
105	H9.9.9.6	Bản cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm trộm cắp xe máy và đột nhập trộm tài sản trong cơ quan, doanh nghiệp...		Trường ĐHĐDN Đ	
106	H9.9.9.7	Cẩm nang học sinh sinh viên	2011-2015	Trường ĐHĐDN Đ	
107	H9.9.9.8	Quy định công tác sinh viên nội trú	QĐ 956/QĐ-ĐDN ngày 6/9/2013	Trường ĐHĐDN Đ	
		Nội quy ký túc xá			
108	H9.9.9.9	Báo cáo tổng kết công tác ANTT hàng năm		Trường ĐHĐDN Đ	

TIÊU CHUẨN 10

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H10.10.1.1	Quyết định giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Số 2196/QĐ-BYT ngày 19/6/2007	Bộ Y tế	
2	H10.10.1.2	Quyết định giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập 2013, 2014, 2015	Số 4224, 3632, 1424/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
3	H10.10.1.3	Biên bản thẩm tra số liệu Quyết toán các năm 2011, 2012		Bộ Y tế	
4	H10.10.1.4	Báo cáo kiểm toán – báo cáo Tài chính năm 2011 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Ngày 06/3/2013	Kiểm toán Nhà nước	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
5	H10.10.1.5	Báo cáo lập dự toán	Năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015	Trường ĐHĐDNĐ	
6	H10.10.1.6	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2010, 2012, 2015	Trường ĐHĐDNĐ	
7	H10.10.1.7	Quyết định về việc thành lập Bệnh viện Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định thuộc trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.	Số 3607/QĐ-BYT ngày 15/7/2016	Bộ Y tế	
8	H10.10.1.8	Đề án thành lập cơ sở 2 tại xã Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định.		Trường ĐHĐDNĐ	
9	H10.10.2.1	Báo cáo lập dự toán	Năm 2011, 2012, 2013, 2014	Trường ĐHĐDNĐ	
10	H10.10.2.2	Quyết định giao dự toán năm 2011,2012,2013,2014	Năm 2011, 2012, 2013, 2014	Bộ Y tế	
		Thông báo về việc lập kế hoạch xây dựng dự toán hàng năm gửi các đơn vị	Số 231/TB-TCKT ngày 9/3/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
11	H10.10.2.3	Quy trình mua sắm, thanh toán		Trường ĐHĐDNĐ	
12	H10.10.2.4	Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp		Trường ĐHĐDNĐ	
13	H10.10.2.5	Báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2011, 2014	2011, 2014	Trường ĐHĐDNĐ	
		Công khai quyết toán thu chi hàng năm của đơn vị tại hội nghị cán bộ viên chức	2013-2015	Trường ĐHĐDNĐ	
14	H10.10.3.1	Thông báo về việc lập kế hoạch xây dựng dự toán hàng năm gửi các đơn vị	Số 231/TB-TCKT ngày 9/3/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
15	H10.10.3.2	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2010, 2012, 2015	Trường ĐHĐDNĐ	
16	H10.10.3.3	Quy trình mua sắm, thanh toán		Trường ĐHĐDNĐ	
17	H10.10.3.4	Quyết định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cấp cơ sở	Số 444/NCKH-ĐDN ngày 13/4/2015	Trường ĐHĐDNĐ	
18	H10.10.3.5	Công khai quyết toán thu chi hàng năm của đơn vị tại Hội nghị viên	Năm 2013	Trường ĐHĐDNĐ	

STT	Mã MC	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		chức các năm.			
19	H10.10.3.6	Báo cáo quyết toán gửi Bộ Y tế			
20	H10.10.3.7	Dự toán xây dựng chương trình môn học theo hệ thống tín chỉ	Năm 2015	Trường ĐHĐDNĐ	
21	H10.10.3.8	Báo cáo kiểm toán – báo cáo Tài chính năm 2011 của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Ngày 06/3/2013	Kiểm toán Nhà nước	